

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 63 — 15-8-1961

1.— Sinh-ngữ là yếu tố của tiến bộ.	Nguyễn-Vỹ	6—9
2.— Đồng tháp Mười và cuộc khán chiến	Võ-Bá-Hài	10—16
3.— Nhân vật xuân thu	Thiếu Sơn	17—22
4.— Tình yêu trong sạch (truyện ngắn)	Chiều Thiên Thương	23—25
5.— Tôi đã gặp Mộng-Cầm	Châu-hải-Kỳ	26—31
6.— Những thi - sĩ Anh hiện đại	Elizabeth Jenning	32—35
7.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	36—41
8.— Giọng Lê-Phái	Nguyễn Thượng Khánh	42—44
9.— Gặp nhau chiều hôm ăy (thơ)	Thanh-Nguyên	45
10.— Ký giả thuở trước	Té Xuyên	46—51

11.— Một giấc mơ hoa	Duyên Hồng	52 — 57
12.— Hy sinh (truyện ngắn)	Nguyễn-đức-Dũng	58 — 60
13.— Để tìm hiểu Nha Hàng Không Dân-sự	Hoàng-Thắng và Lê-Mai	61 — 65
14.— Những người đàn bà lừng danh trên thế giới: Marie Louise	Tân Phong	66 — 71
15.— Khóc cha (thơ)	Thiên Thu	72
Mưa xối Huế (thơ)	Mộng Hoa Huyền	
16.— Ma không chồng (truyện rút ngắn)	Trần Chu	73 — 81
17.— Minh ơi !	Diệu Huyền	82 — 88
18.— Tình yêu không tiếng nói (thơ)	Băng Linh	89
19.— Cách đặt tên trong Hoàng phái	Thái văn Kiềm	90 — 95
20.— Thơ lên ruột	Diệu Huyền	96 — 97
21.— Mồ hôi nước mắt	Nguyễn Vỹ	98 — 105
22.— Sách báo mới	Phồ Thông	107 — 108
23.— Quần đảo Tây-Sa	Thiện Sinh	109 — 114
24.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	115 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong. Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ; « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

SINH

XÃ-LUẬN

NGŨ

D Û muốn dù không, Sinh-ngũ vẫn là môn học cần-thiết cho người dân Việt-Nam, — nhất là cho bạn trẻ — trong lúc này hơn lúc nào hết. Ai yêu nước bằng các vị trong

L À chính-giới, mà hầu hết các ngài đều cho con em học theo chương-trình ngoại-ngữ, và cho con em sang tiếp-tục học các đại-học-đường ở Paris, London, New-York, Bruzelle, Hambourg, Sydney... Đó thật là một gương sáng suốt cho toàn thể thanh-niên ta noi theo.

Nói « yêu nước », nghĩa là nói : nỗ-lực xây-dựng cho Quốc-gia được hùng-vương, để có đủ sức chạy theo đà tiến-triển mãnh-liệt của nhân-loại. Tiến-triển mỗi ngày mỗi vun-vút kinh-khủng, mà dân-tộc nào kém mớ-mang, chậm bước, nhất định là bị thụt lùi ở

từ sau xa.

T Ó Lấy cặp mắt khách-quan mà nhìn, thì Việt-Nam ta ngày nay đã tiến-bộ được rất nhiều về các môn nhảy-dầm, các bước *Rock-n-Roll*, *Cha-cha-cha*, *Mambo*... một số bạn trẻ ta nhảy tài-tình, trên vũ-trường có lẽ không thua kém người ngoại-quốc nào. Chúng ta nói thật đấy, không phải để mà cười..!

Nhưng còn trên trường hoạt động về trí-óc thông-minh, thông-thái, nào khoa-học, y-học, văn-học, triết-học, nào kỹ-nghệ nặng, kỹ-nghệ nhẹ, nào máy-móc tối-tân, phát-minh tân-kỳ, nào Hòa-tiến, phi-thuyền, nào nguyên-tử-năng hòa-bình, nguyên-tử-lực chiến tranh... dân ta, — hỡi Dân ta ! — đã đi tới đâu chưa ? Đã chạy theo được mấy bước ? Đã bay theo được cao, mấy dặm mấy tầng ?

Chưa gì hết ! Trời ơi, chưa gì hết thật ! Nhật-Bổn cũng da vàng, mũi tẹt, họ đang chạy đua trên khắp các nẻo đường với Anh, với Pháp, với Đức ! Ấn-độ mặt mũi đen-xì, miệng sặc mùi cà-ri, mới mười mấy năm trước đây hãy còn là dân thuộc-địa của

CỬA

Anh-quốc, nay đã bình-trương những kỹ-nghệ nguyên-tử. Máy Nguyên-tử đang chạy rầm-rầm rộ-rộ trên đất của Phật Thích-Ca Mâu Ni.

Đi khắp các xứ họ mà coi : Tokyo, Osaka,

Yokohama, Kobe (Nhật)... New Delhi, Calcutta, Bombay, Nagpur, (Ấn-độ) đầu đầu cũng nghe từ các em nhỏ ở Tiểu-học đến

TIẾN

các anh các chị lớn ở Đại-học, họ lui cui học tiếng Anh ! ở Tunisie, Maroc, Madagascar, Senegal, họ cặm cụi học tiếng Pháp ! Ngay chung quanh Việt-Nam nhà, Cambodge, Lào, học theo

chương-trình Pháp. Thái-lan, Philippines, Đài-loan, học theo chương-trình Anh !

Hà-nội học theo chương trình Nga-Xô Trung-Cộng !

BỘ

Chỉ có miền Nam nước Việt ta, Pháp-ngữ không phải Pháp-ngữ, Anh-ngữ không thành Anh-ngữ, mà Việt-ngữ... than ôi, cũng chẳng còn gì là Việt-ngữ nữa !

Xây dựng !

Chúng ta hãy ngồi bình tĩnh, để tay lên trán suy nghĩ : xây dựng với cái gì nào ? À, xây dựng với máy móc của Khoa-học, và Đại Toán-học. Ủ, nhưng mà máy móc, từ một cái đinh « bu-lon », đến một giọt « ét-xăng », từ một chai « ác-xít sulférique », đến một « gờ-ram » chất « uranium », toàn bằng tiếng ngoại quốc, thì học làm sao đây ? Xây dựng cách nào đây ? Chúng ta có Giáo sư Việt Nam, Giáo sư ta đã giỏi ngoại-ngữ, đã thi đỗ các cấp bằng Tiến-sĩ, Thạc-sĩ, Bác-học, Bác-sĩ, Kỹ-sư, ở các trường Đại học Ngoại quốc về, dạy cho đám bạn trẻ ta, phải dạy lại bằng tiếng Việt. Tiếng Việt của Uranium ? của Plutonium, Neptunium, của proton, neutron, denton, isotope...?

Ai, may mắn ở Sài-gòn, thấy các tiệm bán sách báo ngoại-ngữ, mà mê ! Gần đủ hết các loại sách báo Văn học, Khoa học, Triết học, Y học, của Mỹ, Anh, Pháp, Đức. Bạn trẻ ham học của chúng ta vào đứng đông nghệt hết các tiệm sách kia, lật các sách báo ngoại ngữ xem hình. Những hình và bài dài năm sáu trang nói về Gargarine, người Nga bay phi thuyền vòng quanh địa cầu, Sheppard, người Mỹ bay lên thượng tầng không khí, để dự bị một ngày kia sẽ đổ bộ lên Trăng... Chỉ xem hình cũng đã mê say rồi. Nhưng, trong số 10 bạn học sinh Trung học và sinh viên Đại học ham mê xem những sách báo ngoại ngữ kia chỉ có một vài bạn hăng hái mua về để học hỏi. Đó là những bạn đã có căn bản ngoại ngữ vững chắc, nhờ học theo chương-trình Pháp, hoặc có tiền học thêm ngoại-ngữ ở các trường tư. Còn đại đa số học sinh và sinh viên nam nữ thấy sách báo bằng Anh-văn, Pháp-văn, thèm thường muốn xem, muốn đọc quá nhưng vì đọc không hiểu, đành chán nản, bỏ qua !

Biết bao nhiêu trí óc thông minh tuấn tú của thế hệ ngày nay đang chịu thiệt thòi vì kém sinh ngữ vậy !

Ta thắng quân xâm lăng bằng gì ? Những kẻ cứ khoe khoan tầm vông vọt nhọn, là những kẻ tự lừa dối mình. Ta đã đem chí khí anh dũng và lòng ái quốc quả tuông của ta sử dụng chính những khí giới ngoại quốc, để chiến thắng trên bãi chiến trường.

Xin các bạn cứ tin rằng, trên vũ đài văn minh tiến bộ của thế giới, nếu ta biết đem trí thông minh và ý chí quật khởi của ta rèn luyện ngoại ngữ, sử dụng ngoại ngữ, để xây dựng theo đà tiến triển của ngoại bang, thì ta sẽ không còn là một « dân tộc kém mở mang », như ngày nay nữa. **DÙNG LỢI KHÍ NGOẠI-NGỮ ĐỂ TRANH ĐUA VỚI NGOẠI BANG, TRANH THỦ VỚI QUỐC TẾ**, đó là bi quyết thành công tuyệt đích của nhân dân Việt-Nam. Sinh-ngữ là yếu-tố của Tiến-bộ. Hạn chế sinh-ngữ, là hạn chế tiến-bộ vậy.

N.V.



★ DANH NGÔN

Tỏ ra mình hơn người khác chưa phải là hay. Cái chân giá trị là có thể tỏ rằng : hôm nay mình đã hơn chính mình ngày hôm qua.

Tục-ngữ AN-ĐỘ

ĐỒNG - THÁP - MƯỜI

VÀ CUỘC KHÁNG-CHIẾN CỦA

THIÊN - HỘ - DƯƠNG

★ VÕ-SÁ-HÀI

ĐẦU năm 1887, năm Tự-Đức thứ 20, quân Pháp chuẩn - bị tấn công ba tỉnh miền Tây Nam-Việt dưới sự chỉ-huy của trung-trưởng Meuet de la Marek. Cuộc hội-kiến giữa quan án-sát Võ-doãn-Thanh cùng Đô-đốc De la Grandière về việc tri-hoãn chiếm thành-trị, bị thất bại.

Quân Pháp tân-công ồ-ạt vào các yếu điểm quân-sự. Pháp-thanh-Giản tuyệt-thực để chứng-minh một hiện - trạng đau thương của một đại công-thần đành nuông chiều theo số mệnh! Cảnh hỗn-loạn của quần thần trốn lánh trách-nhiệm lại thêm một lần diễn ra. Những phần-tử cách-mạng len-lỏi hoạt-động trong những vùng riêng biệt của nghĩa - quân kéo dài cuộc khởi nghĩa từ 1859 đến khoảng 1875. Từ giai-đoạn bực-khởi

và khản-trương thế-lực tại Mỹ-tho, Nguyễn-hữu-Huân bị hành binh tại Cai-lậy, đến các cuộc khởi-nghĩa đồng thời trên cùng lãnh địa chiếm - trị, Nguyễn-trung-Trực và Thiên-hộ-Dương đã tạo nên thành-tích chiến-dấu oanh - liệt nổi bật những phương-lược du-kích.

Người anh-hùng họ Võ

Không ai được biết rõ VÕ-DUY-DƯƠNG sinh năm nào và quê-quán ở đâu. Khi Nguyễn-tri-Phương lãnh sứ-mạng của vua Tự-Đức vào Nam thân dụng quân-binh để khởi nghĩa cuộc kháng-chiến trường-kỳ, Võ-duy-Dương đứng ra mộ hơn 1000 quân nghĩa-dõng để hưởng-

ứng, từ đây ông được lãnh chức Thiên-hộ, nên sau người ta quen gọi là Thiên-hộ-Dương. Theo lời những vị bô-lão ở miền Đồng-Tháp thì ông là một võ-sĩ tuyệt-luân có thể cử nổi 5 trái linh (mỗi trái 60 cân) nên ông còn có một biệt-danh là « Ngũ linh thiên hộ ». Năm 1864, Trương-công-Định bị Huỳnh-công-Tấn phục-kích triệt hạ ở Bình-xuân — Kiến-phước. Trong hàng ngũ kháng-chiến của Trương-công-Định giờ chỉ còn hai tướng lãnh: CAL-TÔNG LÁ, người đã trực-tiếp chỉ-buỵ trận Cần-giộc ngày 16-12-1861 với những khi-giờ tự tạo bằng tầm vông vạc nhọn và dao phay... và một người nữa là vợ của Võ-duy-Dương với chiến-khu tối hiểm, đã gây thiệt hại cho quân Pháp rất nhiều.

CHIẾN KHU ĐỒNG THÁP

Căn-cứ địa Đồng-Tháp rõ là một chiến khu hiểm yếu đầy lau sậy, bùn lầy, đã chôn không biết bao nhiêu xác giặc, một mảnh đất thênh thang lịch sử ghi lại bao chiến công oanh liệt cho dân tộc Việt-Nam. Đoàn quân viễn chinh Pháp đã phải kinh hồn thối lui trước 4 viên đại-tướng: Bùn, đất, nắng, và muỗi. Đĩa trâu có thể bằng ngón tay cái, rất nguy hiểm, một loại du-kích-quân tuyệt diệu có thể chui vào chỗ

kin nhất của người mà người không hay biết gì cả. Chỗ nào có nước có bùn là có đĩa.

Muỗi ! Đoàn quân bách chiến của đội viễn chinh Pháp mà còn phải thở dài lui bước trước viên đại-tướng muỗi. Muỗi bám vào mặt thì không sao mở mắt được ! Không sao há miệng được !

Sức nóng của ánh mặt trời ở đây thật là gay gắt. Trên là nắng, dưới là bùn hôi, lau sậy, nắng, bóng, cao khỏi cõ chẳng chịt lẫn nhau không thể nào gió lọt vào được.

Cánh đồng gồm 700 nghìn mẫu, thuộc địa phận Việt-Nam nằm trong lòng giáp giới của các tỉnh Mỹ-tho, Tân-An, Sa-đéc, Châu-Đốc, Tây-ninh, nằm bên cánh trái Cửu-long-giang và chạy dài đến tỉnh Svay Riêng, biên thùy Miên-Việt.

Ở đây có ngôi tháp cổ 10-tầng của người Chân-lạp để lại. Tháp Mười sau này dùng làm tổng hành dinh của Thiên-hộ-Dương, một pháo đài cao vút dùng quan sát địch tình và chỉ huy quân sĩ. Ở ngoài muốn đi vào Tháp Mười phải đi ba con đường duy nhất (theo phước-trình của quân-đội Pháp năm 1865):

- Con đường từ gò Bắc-Chiêng đi xuống (qua đôn tá).
- Con đường từ Rạch Cần.

lộ đi lên (qua đồn hữu).

— Con đường từ Cái-Nửa đi lại (qua đồn tiền).

Đồn tá, đồn hữu và đồn tiền che chở cho tổng hành dinh Tháp Mười, mỗi đồn đều có lũy đất bao quanh cao gần hai thước, dài 1 thước rưỡi, bên trong có hàng cử bằng sao, đồn chứa từ 200 đến 300 nghĩa binh, 10 khẩu súng, 4 hoặc 5 chục súng bắn đá, và một vài khẩu đại bác cỡ 12 ly. Các đồn phụ như đồn Gò Bắc-Chiêng, đồn Ấp-Lý, mỗi đồn có 150 binh lính, vài chục thớt súng bắn đá. Trong số nghĩa quân có nhiều binh lính Lê-Dương và một lính Pháp, Linguet, đào ngũ.

Nhìn vào bản đồ, những con rạch, kinh chẳng chịt như măt cửri ngày nay, nếu chúng ta có dịp nào bước chân vào miền Đồng Tháp, cái cảnh tượng « muối kêu sáo thổi » và « đià lội bán canh » không làm cho chúng ta quên được. Hiện trạng này khiến chúng ta nghĩ đến địa thế Tháp-Mười đồng ruộng trước đây non 90 năm.

Những cánh quân ở Cái-Bè, Mỹ-quý và Thủ-thừa cũng hoạt-động theo tâm hoạch-định của bộ chỉ-huy Trung-ương tại Tháp Mười. Ngoài ra dân chúng còn hưởng ứng hợp-lực với kháng-chiến-quân làm những bè nổi

ở các ngã sông bế-tắc đường lưu-thông của địch-quân nhất là dài theo sông Vàm Cỏ Tây đi đến sông Xoài, Bến-kè và từ Thủ-Thừa lên.

Quân Pháp phải vất-vả dùng toàn lực phá-hủy các bè cản, nhưng trong lúc thi-hành công-tác thì từ tên một ngã gục theo những làn tên độc từ trong bụi rậm bắn ra như mưa bấc.

Địch-quân lại tấn-công kháng-chiến quân bằng đường bộ. Nhưng với các địa-thế và phương-tiện sẵn có của miền Đồng-Tháp, quân viễn-chinh tiến dễ rồi thất vọng trở về với những bộ mặt bơ-phờ sợ-sệt!

Càng tiến sâu vào căn-cứ địa Tháp Mười thì muôn ngàn sự chết sần-sàng chờ chực họ!

Những hình-ảnh của thời-tiết, rừng sậy bao la, bùn lầy ứ đọng, muỗi, đià muôn trùng làm cho họ có ấn-tượng kinh-hoàng mỗi khi sửa-soạn cất quân vào Đồng-tháp.

Công-cuộc kháng-chiến..

Nhận thấy Đồng Tháp-mười là một chiến-trường tối nguy-hiểm nếu kéo dài thì chỉ gây thiệt hại cho mình, quân Pháp trú-liệu đánh cấp-tốc nghĩa-quân bằng toàn lực.

Cuộc phòng-thủ và củng-cố lực-lượng, tài liệu kế hoạch chiến-đấu của nghĩa quân càng ráo riết.

Ba giờ sáng ngày 22-7-1865, hơn 100 nghĩa binh với 56 khẩu súng trường, 2 khẩu đại-bác và nhiều gươm đao khởi chiến tấn công quân Pháp tại Mỹ-trà kéo dài cả mấy ngày đêm. Thôn Mỹ-trà trở thành một chiến-trường thực-sự với hai lực-lượng phòng-thủ tương-đương.

Thủy-sư đô-đốc Rose thay thế De la Grandiere đích thân chỉ huy chiến đấu tại mặt trận với hai ngàn binh-sĩ viễn-chinh dùng khí giới tối-tân. Đồn Mỹ-trà chiếm một địa thế độc tôn về mặt thủy và được chỉ huy bởi một viên thiếu-tá. Lực-lượng hùng-hậu với hơn 500 binh lính Pháp-Việt cố giữ và kiểm-soát con đường sông Cửu-long từ trên phía Cao-miên và Hồng-ngự đổ xuống. Lợi-điền của thế-lực Đồn Mỹ-trà là dùng bàn đạp để tấn-công vào phía Nam dẹp những đội quân Cần-vương đang hoạt-động trong chiến khu Tháp Mười, dùng chiến thuật vét dần loang để đánh dẹp những địa điểm lân-cận Mỹ-Ngã, Mỹ-quý, Mỹ-tho, Mỹ-xương và Ba Sao. Cơ-quan tuyên truyền hoạt-động Pháp nhắm vào sự bài trừ kháng-chiến.

Vừa ăn giờ xong tại nhà một ông thầy Tàu, quân Pháp hăm hở gặt gù bước ra về... Nhưng cách đồn Mỹ-trà 500 thước, họ lọt vào ổ phục kích của nghĩa

quân.

Súng nổ !

Một tin cấp báo, toán thợ hồ người Việt đang quay-quần xây bức thành trong đồn vội vã cầm súng và mã tấu thi hành thủ đoạn.

Nghĩa quân ò-ạt đánh úp vào. Tên thủ thành bị giết. Quân binh chạy tán loạn, nghĩa quân mặc tình vung kiếm cắt đầu quân địch.

Hơn hai tiếng đồng hồ làm chủ tình hình mặt trận, nghĩa quân chiến thắng một cách vẻ-vang.

Thủy quân Pháp kéo vào trợ chiến với những khẩu súng đồng, giải và vây phong tỏa lực lượng nghĩa quân để giàn thành mặt trận tổng phản-công. Dưới những hào tuyến mương rãnh, quân ta dùng làm phòng tuyến bắn trả với quân Pháp. Nhờ một trận mưa ào-ào nước đổ, quân Pháp mặc dù có dùng vũ khí tối tân và quân lực hùng hậu để tấn công, họ vẫn thờ dài dờn lại.

Viên Tổng - tư - lệnh thủy-sư đô-đốc Rose cầm quân tiến vào cứ điểm Mỹ-trà đột kích quân ta...

Nhưng ! lời nói, tiếng súng dân Việt im bất tự hồi nào, lăm lăm nghĩa quân mất hẳn. Tất cả đều rút về chiến khu Đồng Tháp.

Quân Pháp ngờ ngác nhìn

chiến trường sau cuộc ác chiến đẫm máu : thầy thực dân nằm ngổn ngang với những vết thương ghê rợn của mã tấu ; kẻ đứt đầu, kẻ bị chặt chân, kẻ bị bịt như tương.

Đô đốc Rose trả thù cuộc tập kích dữ dội ấy, cho phóng hỏa triệt hạ làng Mỹ-trà.

Quân ta bỏ lại một khẩu đại bác và hai thùng đạn. Rose ra lệnh cho quân tiến vào vùng Mỹ-Ngãi phá hủy. Nhưng, từ đầu những loạt súng ròn rã nả vào đám quân đang hăng say phóng hỏa đốt nhà !

Rose gian mặt trận tấn công.

Nghĩa quân bắn trả rất hăng suốt mấy giờ.

Nhằm không tiến được bước nào, Rose đành ra lệnh rút quân về Mỹ-trà để sửa lại các cơ sở bị phá hủy.

Thiên-hộ-Dương lại cho tấn công Cái-Bè, Mỹ-Quy đánh tan được nhiều toán quân Pháp.

Những trận đánh tập kích vô cùng nguy hiểm đó làm cho chánh phủ Pháp lo âu. Đầu năm 1866 thủy sư De la Grandière trở qua Nam-Việt với kế hoạch tấn công đại qui mô vào vùng Đồng-Tháp.

Cuối tháng ba năm ấy, một đội lính thủy gần 250 người đột kích nghĩa quân tại Ấp-Lý. Nghĩa quân phải rút lui.

Ngày mùng một tháng tư, Pháp

quân lại tấn công lần nữa, bắt được hai nghìn quân.

Ngày 14 tháng 4 gần 5 ngàn thủy lục quân với tất cả các chiến hạm và đại bác, quân Pháp chia làm ba mặt tiến vào Đồng-Tháp dưới sự chỉ huy của De la Grandière.

Đội quân của đại-uy Boubé ngày 15-4 tấn công từ Cán-lố đến đồn Sa-tiền. Hơn 150 nghĩa quân chống cự lại mãnh liệt, viên Trung-uy Vigny bị thương. Quân ta chụn vùi khi giới và lui vào căn-cứ Tháp Mười. Đồng thời viên thiếu tá Dérôme chiếm một đồn nhỏ trên khoảng đường từ Cai-Nửa đến đồn tiền. Đại-uy Passebosc chiếm trọn gò Bắc-Chiêng do 120 nghĩa quân chống giữ. Mặt khác, thủy quân tiến vào vàm sông Phong-Mỹ, cho đội sà-lan ở ạt tiến vào Thông-linh, Cái-bèo và Ba-Sao. Một mặt tiến vào sông Vàm-Cổ đông tới kinh Bình-hòa phía Bắc để qua Trà-Cú. Một mặt theo Vàm Cổ Tây phá các cây bè để lên Bến-Kè, Sông-Xoài và Đa-biên rồi đến Núi-Gò.

Bộ binh con đường Cai-Lậy, Cái-Bè tiến vào Quảng-Oai, Hàm-vò. Thủy binh có nhiệm vụ chặn các ngả rút lui của nghĩa quân còn bộ binh đột kích, tấn công các sào huyệt.

Rạng ngày 16, trận giao chiến kịch liệt xảy ra giữa Pháp quân

và nghĩa quân có đội Tagals và Linguet phụ lực. Quân Pháp tổn thất nặng nề, dôi đồn tá bằng hàng trăm xác chết.

Như vậy, trọn ngày 15 và 16, quân ta đã mất cả ba đồn Tiền, Tả, Hữu, các phòng tuyến kiên cố bị chọc thủng và chỉ còn một hàng rào nữa là tới tổng hành dinh.

Ngày sau, quân Pháp tiến vào xóm than, Bằng-lãng và Thạnh-phủ tấn công quân ta bằng đại bác. Trong rừng tràm, nghĩa quân bắn trả dữ dội.

Tuần lễ sau, quân Pháp tổng phản công tiến nhanh vào tổng hành dinh Tháp Mười. Một số bị sụp hầm chông bỏ mạng, còn một số cố tiến, nhưng vào trong thì chỉ thấy tro bụi mảy mòi nhà gianh. Không còn thái độ nào khác hơn là thái độ trả thù : đốt nhà ! Lửa dậy đỏ trời trong khu Đồng Tháp.

Trận quyết chiến tại vùng Cái-thia suốt mấy ngày trời, nhưng vì thiếu đạn dược và viện binh nên nghĩa quân phải thất bại nặng nề. Tại vùng Kiến-Phong (Cái Bè) Huyện Lộc đem quân vây bắt 2 tên lính Tagal, lính Linguet và 12 nghĩa quân.

Quân Pháp phong tỏa lực lượng chặn đứng các cuộc nổi

dậy của tàn binh nghĩa-quân. Địa-điểm Đồng-tháp lọt vào tay địch-quân. Du-đăng-Thiên hộ Dương rút về Mỹ-tho đánh rải rác vài đồn Pháp và rút qua Cai-lậy, Cao-lãnh, sang Vàm cỏ Tây tiến về gò Bắc chiêng với trú địa thiết-lập cứ-địa làm tổ kháng chiến. Cuối năm 1866, người anh-hùng Đồng-tháp sau một cơn bệnh thương-hàn, không còn sống nữa.

Công-cuộc kháng-chiến phò thác cho Đốc binh Kiều. Nghĩa quân dần dần đi đến chỗ tan rã sau khi Đốc binh Kiều chết.

Tháp Mười bị tàn phá. Giờ này chỉ còn di-tích của ngôi mộ Thiên-hộ-Dương toạ-lạc trên một diện tích cao rộng hơn mẫu tây. Gần đấy có một con đường chạy thẳng xuống Mỹ-tho. Theo tục-truyền con đường này ông dùng tải lương-thực khi còn chiến đấu. Một cái bầu nước to tướng kề cận là nơi tắm của ngựa voi, những tảng đá còn lại trên bờ là chỗ mài guơm trượng sĩ (1)

Trên mảnh đất lịch-sử Đồng-tháp ngày nay còn những cỗ miếu khắc hai chữ «Quan Lớn», dân chúng kín đáo tôn sùng vị anh hùng Võ-duy-Dương nghìn năm không phai mờ.

(1) Theo tài-liệu của Thái-Bạch, «Bốn vị anh-hùng kháng-chiến miền Nam». Sống-Mới xuất-bản

NHÂN VẬT



vàng một cách hòa-bình và hợp-pháp.

Cũng vì thế mà suốt trong 3 năm đầu ông chỉ lo vui chơi mà không thêm nghĩ tới bổn phận.

SỞ TRANG- VU'ÔNG

★ THIẾU-SƠN

Xuân Thu...

T R O N G bài « *Những kẻ can Vua* » tôi đã nói tới Sở Trang Vương, một trong những ông vua hiền-bách nhất trong thời-đại Xuân-Thu.

Ông không phải vất-vả tranh đoạt ngôi vua như Tề-hoàn-Công và đã được kể-nghiệp trên ngai-

Nhưng ông là người thông-minh, có chí lớn, biết phục thiện, anh hùng và nhân-đạo.

Chí lớn của ông đã phát lộ khi ông trả lời Thân vô Uy : con chim năm sắc hể cất cánh thì bay bổng tuyệt vời và hể cất tiếng kêu thì kinh động thiên hạ.

Vì ông biết phục thiện nên ông đã nghe lời can-gián của Tô-Tùng và lời khuyên bảo của Phần-Cơ.

Ngu-Kỳ tiến dẫn cho ông một người hào-khiet là Vi-Ngao. Nghe Vi-Ngao luận việc chánh-trị ông nói : « Nội Sở-hào không ai bằng khanh cả ». Ông phong cho Vi-Ngao chức lĩnh-doãn, tức là tướng-quốc nắm trọn quyền hành-chánh, lập pháp, quân sự và kinh-tế của nước Sở. Vi-Ngao không phụ lòng Sở-Vương và đã chỉnh đốn việc nước một cách tốt đẹp vô cùng.

Chức lĩnh-doãn này do Đẩu-việt-Tiêu nắm giữ đã lâu. Đẩu-Việt-Tiêu là một công thần có ông cha đã nhiều đời giúp nước. Nhưng Việt-Tiêu đã làm phản và sự tạo-phản của một quan lĩnh-doãn không phải là chuyện chơi.

Trang-Vương đã dẹp loạn một cách gian-nan, anh-dũng và tài-tình.

Sau đó ông cho tổ chức một yến tiệc kêu là « thái bình yến ». Bá quan tới đủ, ăn uống no say. Mặt trời lặn mà chưa tan, Trang

Vương truyền nôi đèn dạ yến.

Trong đám cung nhưn có nàng Hứa-Cơ nhan-sắc đẹp lắm, Trang-Vương khiến ra bồi-từ đi giấp vòng dâng rượu cho mỗi người. Thành-hạh một cơn gió lớn làm tắt đèn, tối thui. Trong khi thị-thần đốt đèn chưa kịp thì có một chàng chơi xấu niu áo Hứa cơ, Hứa-cơ tay trái gựt vạt áo, tay mặt nắm dạng giải mào. Anh chàng thất kinh buồng áo nàng ra. Nàng bèn đem giải mào lại mét nhỏ với nhà Vua. Trang-Vương truyền khoan đốt đèn và nói với bá quan : « Nay ta muốn « chừa tôi chơi một đêm cho vui « vè, vậy ai nấy phải cời giải mào « hết. Nếu đèn thấp lên mà ai « còn giải mào thì có tội. » Các quan vưng lĩnh rầm-rập sên sau khi đốt đèn lên không biết người nào đã niu áo Hứa Cơ hồi nầy. Tan tiệc rồi Hứa Cơ tâm rắng : « Chúa-Công sai thiệp bồi-từ là « có lòng tốt đối đãi quần-thần. « Nhưng trong đó có người niu « áo thiệp tức là thất-kinh với « Chúa-công, sao Chúa công không « chịu kiểm ra thủ phạm để làm « gương cho những kẻ bất chánh « và lỗi đạo ? » Trang Công cười

mà rằng : « Việc ấy dần-bà làm
 « sao biết được ? Thuở xưa vua
 « đãi tôi lễ qui-định có 3 chén.
 « Nay ta cho chúa, tôi cọng lạc
 « uống cả ngày, cả đêm. Hễ rượu
 « có hơi say thì cái thương-tình
 « nó dục. Nếu xét ra mà biết đề
 « làm sáng tiết dần-bà thì lại thẹn
 « lòng tướng-sĩ, cuộc tiệc sẽ hết
 « vui. Ta đâu có ra lịnh sai. »

Nhơn đó mà đời sau kêu tiệc
 yến này là Hội Tuyết-Anh. Tuyết
 Anh là giết giải mao.

Người « chơi xấu » hôm đó
 sau này đã lập được một chiến-
 công oanh-liệt phi-thường, được
 Trang-Vương khen ngợi và hứa
 sẽ trọng - thưởng. Chàng tâu :
 « Tôi chịu ơn Chúa-công rất nặng,
 « ngày nay tôi quyết đền, thiết không
 « dám lãnh thưởng. » Trang Vương
 hỏi :

« Ta ra ơn cho khanh bao giờ
 « trả ». Chàng đáp : « Hội tuyết-
 « anh, năm tỵ-nỵ-xử là tôi đó.
 « Nhờ ơn chúa-công không giết
 « nên tôi liều chết đề báo đáp »

Trang-Công than rằng : « Phải
 « hồi đó đốt đèn lên mà trị tội
 « thì nay đâu có người liều chết
 « với mình ». Nhà vua dạy ghi
 công đề chờ ngày đại-dụng.

Nhưng viên quan không muốn

được đại-dụng và đã lạng lế trốn
 đi. Trước khi đi chàng có nói với
 mọi người : « Mắc tội với chúa,
 chúa giầu không trị nên phải
 báo đáp cho vừa. Nay đã rõ rồi
 thì mặt mũi nào dữa có tội lại
 còn chờ ban thưởng ».

Trang-Công khen : « Thiết là
 liệt sĩ ». Liệt - sĩ đó tên là
 Đường-Giảo.

☆

Tha kẻ xúc-phạm tới người
 của mình, Trang-Công đã đào-
 tạo được một liệt sĩ Đường-Giảo
 và thấu phục được nhiều anh-
 hùng và liệt sĩ khác. Nhưng
 chính Trang-Công cũng là con
 người sành khoa tâm-lý, biết
 lòng người và hiểu biết lòng mình.

Ở nước Trần có nàng Hạ-Cơ
 là người đẹp có tiếng. Chàng
 những đẹp mà còn có bí-thuật
 giữ gìn sắc đẹp và mê hoặc anh
 hùng. Nàng ở góa, có con làm
 tướng nhưng lại có tới 3 người
 tình : 2 ông quan đại thần và
 quân cả vua nước Trần nữa.
 Dâm loạn đưa tới họa-loạn và
 kẻ giết vua chính lại là con Hạ-
 Cơ.

Sở - Trang - Vương đem binh
 phạt Trần, giết kẻ loạn thần và

chiếm luôn Trần-quốc. Hạ-Cơ bị bắt giải tới Trang-Vương làm cho ông cũng phải kinh ngạc trước nhan-sắc của nàng. Ông muốn nạp-dụng nhưng có người can nên ông lại thôi. Nhưng thôi mà lòng không nở giúit. Ông đã phải thốt ra miệng câu này: «Thôi ta không dám nạp. Nhưng nàng là vật báu, để ta thấy nữa thì cần không lại đâu. » Ông nhắm mắt biểu nàng đi theo ngã cửa sau, nhưng ông đương đánh một trận giặc lòng và đã thắng một cách khó khăn và khổ sở. Chính các quan Sở cũng giành nhau xin cưới Hạ-Cơ.



Trang-Công chiếm nước Trần dời thành một huyện của Sở rồi phong cho một công-thần. Quận thần khánh-hạ, duy có một người nín thinh. Người đó là Thâu Thúc Thời. Trang-Vương hỏi thì Thúc Thời tâu : « Chúa Công có nghe chuyện đập ruộng và bắt trâu không? » Trang-Công nói : « Chưa nghe. » Thúc Thời nói : « Có người kia dắt trâu đi ngang qua ruộng đập lúa của người nọ. Người nọ bắt con trâu, không rõ chúa công sẽ xử ra sao? » Trang-

Vương nói : « Đập lúa có ít mà bắt trâu nặng quá. Ta xử rầy người dắt trâu ít tiếng rồi trả con trâu lại cho nó. Sao? Xử vậy đáng chăng? » Thúc-Thời tâu : « Sao chúa công xử kiện hay mà xử Trần thì dở quá vậy? » Kê làm tôi có tội giết chúa, Chúa-công trị tội nó là đủ rồi, có lý nào lấy nước người ta. Có khác nào đập lúa mà bắt trâu ». Trang-Vương dậm chun mà rằng : « Khanh nói phải. Ta chưa từng được nghe những lời như vậy ».

Rồi ông trả nước lại cho tất cả quân nước Trần.



Nước Trịnh ở giữa 2 nước Sở và Tấn mà Tấn lúc đó lại giữ ngôi bá chủ thế Tề. Trịnh bị 2 nước lớn thay nhau uy-biến theo Tấn thì Sở đánh, theo S thì Tấn đánh mà trung lập thì không được.

Hồi đó, Trịnh đương theo Tề nên Sở phải đánh Trịnh. S thắng Trịnh và thắng luôn vị binh của Tấn, gây uy-thế giành ngôi bá chủ. Sau khi nghị hòa và trước ngày ban sự m

ông đề nghị gom thây binh Tấn để lập đài Vô-Công. Trang-Công bác đề nghị đó mà phán rằng :
 "Tấn không tội chi mà mình đánh, thắng dạng là may, Vô-công gì mà kỷ-niệm".

Rồi ông truyền lượm thây chôn hết làm vãn tế thần rồi mới rút quân về nước.

Được ít lâu linh-doãn Vĩ-Nga đau nặng rồi chết. Trước khi chết ông có làm tờ biểu trời lại với nhà vua nên tạm nghỉ việc chiến tranh cho dân được an cư lạc-nghiệp.

Đích thân nhà Vua coi việc tẩm liệm, chôn cất và than khóc người tôi lương-dũng của mình.



Nước Sở ở phương Nam cũng như nước Tấn ở phương Bắc bị người trung-nguyên chèn là mọi sự vì phong-tục chịu ảnh-hưởng của di, dịch và xa với lễ-giao của Trung-quốc. Nhưng thật ra thì họ là những người ngay-thẳng dũng-mãnh, thiện-chiến và cũng không thiếu tình nhân-loại.

Trong khi những nước chư-hầu ở Trung-Nguyên làm bộ

phò Châu để giành ngôi bá-chủ thì Sở đã sớm thấy Thiên-tử chỉ còn là một hư-vị, một bù-nhìn nên tự-xưng vương-hiệu và không thèm tôn-cống gì nữa.

Tề-hoàn-Công lăm le đánh Sở để làm oai mà Quân - Trọng nhứt định không cho vì biết rằng Sở không phải là dễ đánh. Sau khi đã làm bá chủ ở Trung-Nguyên, Hoàn - Công mới họp binh nhiều nước chư hầu để kéo xuống phương Nam. Nhưng rốt cuộc cũng chỉ bắt lỗi không cống cỏ bao-mao chứ không dám hỏi tội tiếm xưng vương hiệu. Nhờ thế mà không có cuộc giao-tranh đúng theo ý muốn của Quân-Trọng.

Đó là ở đời Sở-thành-Vương. Qua đời Sở-trang-Vương, ngôi bá chủ không còn ở Tề mà ở Tấn. Vậy mà Sở thắng Tấn thì Sở đã mạnh hơn trước nhiều. Nhưng Trang-Vương không phải là con người hiếu chiến. Thắng không kiêu, ông không chịu xây đài Vô-công bằng những tử-thì của quân Tấn mà lại chôn cất tử-tế và cúng tế đàn hoàng.

Ông có dũng-cảm mà lại có từ-

tâm. Ông biết nghe lời phải hơn hết là ông biết khắc-phục những khuyết-diểm của mình và hiểu biết những nhược-diểm của người khác.

Ông nhiều thành-tâm mà ít thủ-đoạn. Ngược lại, Tề-Hoàn-Công

nhiều thủ-đoạn mà ít thành-tâm. Sự-nghiệp của Hoàn-Công có thể lừng-lẫy hơn Trang-Vương.

Nhưng con người của Vua Sở nhưt-dịnh là đẹp hơn con người của Vua Tề.



★ **Bài toán hạnh phúc : $A = x + y + z$.**

Một thiếu-phụ Pháp hay ghen, một hôm gặp nhà Bác-học Einstein trong một buổi tiệc, phân-nạn với ông về việc chồng của bà có nhiều nhân-tình. Bà nói lẽ-nhè mãi về đàn-ông không trung-thành với vợ, rồi hỏi :

— Thưa ông, ông là nhà đại Bác-học lừng danh thế-giới, ông có thể cho tôi một công-thức về Hạnh-phúc gia-đình không ?

Einstein liền lấy bút biên ngay trên tấm giấy thực-đơn :

$$A = x + y + z.$$

Thiếu-phụ yêu cầu giảng nghĩa, nhà Bác-học giảng :

A, là Hạnh-phúc. X, là làm việc. Y, là yêu.

— Còn Z là gì ?

— Z là im-lặng.



TRUYỆN NGẮN

TÌNH YÊU

Cứ mỗi buổi chiều, sau khi cơm nước xong, người ta thấy anh Nam chở vợ trên chiếc xe đạp ra cầu mớ; hóng mát. Đôi vợ chồng có vẻ âu-yếm nhau. Họ ngồi trên ghế đá, nhìn mây nước, thỉnh-thoảng buông ra những tiếng cười cùng

một âm điệu thanh - thanh.^{*} Nhưng nhìn rõ, người ta đoán chừng sống tình vẫn còn rạt-rào trong tâm-hồn của đôi vợ chồng.

Độ ba tháng nay, chẳng biết anh Nam ở đâu đến, người ta chỉ thấy anh làm thợ sửa xe đạp ở dưới gốc me ngay xóm cũi. Nhà anh cất ngay bên cạnh gốc me chỉ là hai mái lá nhỏ thấp lè-tè vừa đủ anh ngồi và nằm. Dáng người anh gầy và xanh. Anh có giọng nói dịu-dàng và co-éo như đàn bà. Trên chiếc cằm nhọn của anh, lún-phún vài ba sợi râu nhọt-nhọt.

Cách xóm cũi chừng hai trăm thước, người ta cũng thấy chị Tư mới đến ở nhà bà Tam độ một tháng nay. Chị Tư tuy đi ở, chị thích ăn-mặc lòe-loẹt. Chị

« TRONG SẠCH »

★CHIỀU-THIỆN-THƯƠNG

có dáng đi hơi cứng-cát như con trai. Đặc-biệt hơn, mỗi chị mang một lớp lông mép xanh mịn. Những giờ rảnh việc, chị cũng thích giành đá bóng với đám con nít ở xóm.

Mỗi sáng, khi sương mù còn phủ cỏ cây và mặt trời còn đang say ngủ, chị Tư xách giỏ đi chợ. Chị cố đi vội về yếu-điệu nhưng chân chị không cho phép làm như thế vì chị đã bắt-buộc chúng mang đôi guốc cao gót. Trong giờ ấy, trên đường chỉ lưa-thưa vài người lù-lù gánh rau cải ra chợ, hoặc anh Nam đang quét dọn sột-sạt chỗ anh làm. Phần nhiều những người trong xóm còn đang im-lìm say ngủ vì bọn gà chưa vội đánh thức.

Một tháng đầu khi chị Tư mới đến, anh Nam và chị Tư còn lạ nhau. Bữa sáng nọ, khi đi ngang qua gốc me, chị Tư làm đứt quai guốc trong khi anh Nam đang ngồi mơ-màng nhìn khói thuốc nhẹ tỏa trong sương. Quai guốc đứt lia chỗ đinh đóng, chị Tư định để guốc vào giỏ. Anh Nam lạnh-lẹ xách cây kềm chạy lại :

— Có Tư, cô để tôi sửa lại giùm cho.

Chị Tư e-lệ :

— Em muốn nhờ anh giúp từ này tới giờ nhưng sao em sợ anh quá. Cầm chiếc guốc để tháo đinh, anh Nam nói với giọng thành-thật :

— Có gì đâu, ở lối xóm mình giúp-dỡ nhau vậy mà.

Thế rồi từ hôm đó trở đi, hai người dần-dần quen nhau nhiều hơn. Khi thì anh Nam nhờ chị Tư mua giùm cá mắm, khi thì chị Tư nhờ anh thắt giùm cái quai giỏ cho chắc lại.

Khác hơn mọi khi, hôm ấy, chị Tư thức dậy sớm. Chị mặc chiếc áo dài hồng có đượm mùi nước hoa. Đêm dài còn ngủ, thỉnh-thoảng vang lên vài giọng gà giết mình gáy canh ; lần trong sương, có hai bóng người mờ-mờ hiện ra rồi khuất hẳn sau những hàng củi.

Sáng đến, những người đến sửa xe đạp đều nghe anh Nam khoe rằng hai hôm nữa anh sẽ cưới chị Tư. Thằng Rô râu-mắt nói :

— Ờ anh Nam, coi sửa lại nhà anh cho chắc nhé ? Thế nào cũng có một trận giao-tranh quyết-liệt xảy ra ở dưới gốc me này. Anh Nam cười :

— Mày là con nít quí. Ai đời mới có bao lớn mà cũng biết chuyện nữa. Ngày cưới vợ, tao cầm mày kéo-hánh ở đây.

Chị Tư từ-giã bà Tam, vào

một buổi chiều đẹp nắng, để mang khăn gói theo chồng. Thấy anh Nam chẳng làm một tiệc con nào để thiết hàng xóm, có người hỏi vậy, anh bảo :

— Đám cưới nghèo ở thời đại này mà.

Mấy ông con nít xúm lại kiêu-ngạo :

— Ôi chao, đôi cái quẻ tim vàng khè nằm ở trong cái mái lều tranh xẹp-lẹp.

Nổi nóng lên, anh Nam cầm cây búa ra oai :

— Đưa nào lại đây giòn nữa, ông cho một búa thì bỏ mạng. Bọn trẻ con sợ quỳnh bỏ chạy tán-loạn.

Sau một đêm tân-hôn đầy trăng sao ấy, sáng lại người ta thấy đôi vợ chồng mới rủ nhau đi thăm Bác-sĩ giải-phẫu ở đường hàng dừa ngoài tỉnh. Theo lời ông y-tá giúp việc ở đây nói lên cho bà con nghe thì hai vợ chồng anh Nam đến xin Bác-sĩ «sáng chế» giùm cho Anh chị đôi bộ máy sinh-dục khác nhau. Theo lời ông y-tá thuật, Bác-sĩ ra vẻ thương-thương và đùa :

— Hai ông bà đều là «Bà bóng». Tôi chỉ còn chờ gọi mua «thuốc của» mười hai bà mẹ» ở trên trời mới chữa được cho

ông bà.

Thấy hai vợ chồng anh Nam có vẻ buồn rầu, Bác-sĩ khuyên :

— Đó cũng là đặc-ân của Thượng-Đế ban cho ông bà để hai người cùng chung sống trọn đời bằng tình yêu trong sạch như tình bạn thân. Ông bà khỏi sẽ phải lo làm việc vất vả để lo cho đàn con nheo nhóc như những gia đình khác.

Từ ngày ấy, hai vợ chồng anh Nam tiếp-tục sống vui bên nhau nhưng có lẽ lòng không khỏi âm thầm khổ-dau ray-rức khi thấy những cặp nhân-tình âu yếm nhau trên các ghề đá, bên bờ hồ, trong những buổi hoàng-hôn không gợn một áng mây.

Nghĩ lại, biết bao kẻ có rất nhiều tình nhân nhưng chẳng thấy họ khi nào thỏa-mãn. Cũng có kẻ mang thân hình tốt đẹp, «đầy-dù» mà vẫn muốn sống cuộc đời âm-thầm trong tu-viện để hòa hòa cùng câu kinh, tiếng mõ, thối chuông. Nhưng, không sao không có một số người như vợ chồng anh Nam !

Thượng-Đế còn không công-bình trong việc tạo nên loài người, hưởng chi ở thế gian này làm sao chẳng có cảnh bất công !

TÔI ĐÃ GẶP MỘNG - CẨM

« người
yêu »
của



HÀN - MẶC - TỬ

★ CHÂU-HẢI-KỲ

Tôi được biết bà Mộng-Cẩm hiện còn sống ở Phan-Thiết, và là thứ mẫu của một em nam-sinh học với tôi 2 năm trước đây. Bà muốn sống êm thắm, vui với chồng con hiện tại mà không muốn dấn động đến « mối tình hồi con gái », cho nên bà từ chối mọi cuộc gặp-gỡ hỏi-han về « mối duyên văn-ngệ xa xưa », dù là với người quen thuộc cho mấy đi nữa.

Tôi đi ngang nhà bà mấy lần,

mấy lần, nhà đóng im ỉm; hỏi người ở thì « chủ nhân vắng nhà »

Tôi không chán-nản. Chờ em học-sinh cũ của tôi đi học Sài Gòn về, nhờ em giới-thiệu...

Nè tôi là thầy dạy con bà, bà nhận lời. Và một buổi chiều thứ bảy nọ, tôi đi với em học-sinh đến nhà.

Tôi ngồi nơi phòng khách chờ một lát thì chủ nhân ở phòng bên đi ra. Tôi đứng dậy chào.

Bà khuôn mặt đầy đặn, nước da dù đã trắng trẻo, mịn - màng cũng được trang điểm qua loa một làn phấn lọt thêm hồng đôi má bên cặp môi cũng một màu hồng. Nếu không để ý đến cái thân thể cùng những cử-chỉ, dáng điệu trang trọng xứng hợp với một nữ-trung-niên khuê-các, mà chỉ nhận diện bằng « khuôn mặt nép bên hoa » thôi thì mặc dù bà đã 40 có lẽ, trông bà hãy còn đẹp dễ, duyên-dáng như một cô gái vừa quá tuổi trăng tròn.

« Nhân diện đào hoa tương ảnh hồng ». Câu thơ của Thôi-Hiệu tự dựng đến trong não tôi. Tôi thăm nói trong não : khuôn mặt ấy, bao xưa kia Hàn - Mặc - Tử không cảm sao được ?

Bà mời tôi ngồi. Bây giờ tôi mới để ý tay bà cầm một cái lẵng bằng mây đựng ít lá trà, đôi trái cau, một cái ve con đựng vài hồng, và miệng bà dương lúng búng miệng trà ăn dở. Bà mặc quần lãnh đen, áo ngắn hàng màu trắng — thứ áo khách mô bụng của người miền Trung, — mà không áo dài hoa-hoè trịnh trọng. Ở bà thể hiện con người của 2 thế kỷ, vừa mới vừa cũ « vừa tây vừa

ta », nửa quê nửa tỉnh, nửa đài-các nửa bình dân. Mặt hoa da phấn, môi bôi son, mà bôi tóc, nhai trầu. Tuy vậy bà rất tự nhiên và lịch-sự. Trong trí tôi lúc bấy giờ nảy ra không biết bao nhiêu ý tưởng hay hay, vừa lạ lùng vừa thích thú. Bà tiếp tôi với tính cách tiếp một người thân trong gia-đình, nhờ đó, câu chuyện khởi đầu niềm-nở, thân-mật ngay.

Sau đôi câu xã-giao vì sao mà biết được bà là thứ mẫu của em học-sinh, tôi đề-cập ngay đến mục-dịch cuộc viếng thăm. Đầu tiên, tôi hỏi trường-học nào đã khiến bà quen thân Hàn-mặc-Tử ?

Bà với tay lấy cái ống nhổ, nhổ hết miếng trầu, xong bà điềm nhiều kể cho tôi nghe :

« Năm ấy tôi 17 tuổi — tính đến năm nay thì cách 27 năm — tôi học lớp nhất trường Nam Phan-thiết. Tuy học lớp Nhất nhưng tôi rất ham văn-chương. Đêm đêm tôi thường đến học thêm Việt-Ngữ với cậu Bích-Khê tôi. Cậu có mở một lớp đêm cho những ai muốn học thêm và có chỉ dẫn làm thơ văn. Những bài thơ tôi làm ra toàn thơ

Đường-luật, — tôi gửi đăng báo *Công Luận* trong Nam. Một hôm, đến trường, tôi tiếp được một bức thư do nhà giầy thép đưa lại. Đó là bức thư đầu tiên H. M. T. gửi cho tôi. Trong thư, H. M. T. tỏ ý cốt tìm cho biết đề giao-thiệp trau luyện văn thơ. Tôi có gặp trên báo tên Hàn-Mặc-Tử một đôi lần, nhưng không biết H. M. T. là ai và cũng không biết, bằng cách nào, H. M. T. biết được địa-chỉ của mình. Vì lúc này, theo như trong bức thư gửi cho tôi, Hàn Mặc Tử đương làm sở Đạc-diễn ở Qui-nhon.

Tôi bận học thi Tiểu học, cho nên một tháng sau tôi mới trả lời. Bắt đầu từ đó, chúng tôi thường có thư đi lại cho nhau, nhưng cũng toàn nói chuyện văn thơ.

Nhân nghe bà di tôi bị bắt, H. M. T. có gửi vào tôi một bài thơ đề tặng bà. Đó là bài thơ đầu tiên H. M. T. gửi cho tôi.

— Tôi xin bà đọc cho tôi nghe bài thơ,

Bà nghĩ-ngợi trong giây phút, đưa tay lấy miếng trầu cau bỏ vào miệng nhai, rồi quay mặt ra đường, đôi mắt hơi trầm ngâm ngó xuống

như đề nhớ lại, một chặp bà quay lại và tiếp :

— Tôi quên mất 2 câu đầu mà chỉ nhớ có 6 câu dưới :

Ghen tương trời nở đem đi giắt.
Yếu ớt ông đành bắt bỏ giam.
Ôi lũ con đen nhìn bất nhẫn,
Thương cô má đỏ cực vô vàn.
Ai xuất cơ sự ra nên nổi,
Mưa khóc lu bù gió thổi than.

Chúng tôi giao-thiệp như thế được chừng 5, 6 tháng thì tôi phải về Quảng-Ngãi. Cuộc giao-thiệp gián-đoạn. Về Quảng-Ngãi, tôi gặp một người bạn học cũ mới hay chính chị bạn tôi quen với Hàn-Mặc-Tử, đã giới thiệu tôi với Hàn và cho Hàn địa-chỉ. Chị cũng cho biết Hàn-Mặc-Tử vừa thôi làm sở Đạc-diễn, vào Sài-gòn viết giúp cho các báo *Sài-gòn-Mới* và *Phụ-nữ Tân-sởn*.

Ở Quảng-Ngãi mấy tháng, tôi lại trở vào Phan-thiết. Tôi ra Mũi-né (cách Châu thành Phan-thiết cây số ngàn) ở học "cô đỡ" với cậu tôi là ông Lê-quang, Thuần (anh lớn của Bích-Khê).

Tình cờ, đọc *Sài-gòn-Mới*, cậu tôi thấy Hàn-Mặc-Tử nhân trong

mục Thư tín : « Chị Mộng-Cầm ở đâu cho biết địa-chỉ... ». Ông mới hỏi tôi : « Hàn-Mặc-Tử là ai mà cứ nhần hỏi cháu hoài, sao cháu không trả lời ? »

Bà nghi nói, cầm ống nhổ lên nhổ trầu. Nước trầu quên đỏ tươi. Tôi để ý bà nhai chậm rãi, gọn gàng, nước trầu không vệt ra ngoài môi. Nhưng tôi thấy đôi môi bà như hồng thêm và đôi má cũng ửng thêm. Bà đứng lên mở đôi cánh cửa sổ ; ngoài trời những chòm mây đã tan dần để lộ những quang trời xanh quang đảng. Chút ít ánh nắng lọt lạt theo một luồng gió lạnh uả vào phòng đậu trên khuôn cửa. Em học-sinh mang nước trà vào. Bà ngồi lại, mời tôi uống nước, rồi tiếp :

« Tôi kể câu chuyện quen biết trong mục đích trau luyện văn-chương cho cậu tôi nghe. Cậu tôi cho phép ; tôi viết thư cho Hàn-Mặc-Tử.

« Thư từ đi lại một thiết trong mấy tháng. Thì một chiều thứ bảy nọ, vào khoảng tháng 4, 5, Hàn-Mặc-Tử ra Phan-Thiết. Anh mượn đò đi Mũi-né tìm đến định xá. Tôi đang làm thuốc cho bệnh nhân, ông phu nhà thuốc vào

đưa cho tôi một danh thiếp trên có đề mấy hàng :

HÀN-MẶC-TỬ
chez Cercle d'Etude
Quinhon

Tấm danh thiếp này tôi giữ mãi làm vật kỷ niệm bất ly thân cho đến lúc gần đây mấy tháng, vì đưa em họ tôi nó xin khàn thiết quá, tôi mới cho nó. Hiện nó giữ bo bo và ai xin cho coi nó cũng không đưa, chỉ sợ mất.

Tôi bảo ông phu ra thưa chờ tôi một chút. Tôi làm thuốc cho người bệnh xong, đi ra thì thấy một chàng thanh niên mặc âu phục xoàng xĩnh đứng ở cửa bệnh xá.

Sau khi chào hỏi, tôi mời vào nhà, giới thiệu với cậu Thuận tôi. Cậu tôi để cho chúng tôi tiếp chuyện tự nhiên. Kể ra, vào thời đó, nam nữ phải cách biệt, mà được như vậy cũng là đã tự do lắm. Hàn-Mặc-Tử xin cậu tôi sẵn có đò cho phép tôi đi Phan-Thiết chơi, luôn tiện nhờ tôi giới thiệu đề gặp Bích-Khê mà anh hằng ao ước tìm gặp. Cậu tôi

bằng lòng. Và tối hôm đó chúng tôi xuôi đò về Phan-Thiết.

Gặp hôm có trăng, nhưng chúng tôi không ngồi trên mũi thuyền để ngắm sông nước mà ngồi trong khoang để nói chuyện. Hàn-Mặc-Tử không đẹp, nhưng nhỏ nhẹ, dễ thương. Hồi này anh mới 24 tuổi, song trông người anh yêu tương, tôi in trí thế nào anh cũng không thọ. Nhờ ngọn đèn sáng dưới đò, tôi đã ngờ ngay từ hôm đó là anh có bệnh phong, 2 trái tai anh hơi đỏ đỏ mà dày dày. Vì có học ở nhà thương nên tôi biết triệu chứng, tuy vậy tôi chưa dám chắc. Đến sau này tôi gặp được anh Nguyễn Thông, bạn học cũ của tôi, cũng làm sơ Đạc-diễn với Hàn-Mặc-Tử ở Qui-nhon cho biết : « chị có biết Hàn - Mặc - Tử bị phung không ? (thời kỳ còn nhẹ) » Tôi mới chắc chắn.

Tôi xin phép ngắt lời bà và hỏi một câu :

— Như vậy xin lỗi bà, bà có đi Lầu Ông-Hoàng và có gặp mưa không ?

— Tôi nhận có đi chơi Lầu Ông Hoàng với Hàn - Mặc Tử, có gặp mưa, có ngồi ở nghĩa địa, nhưng không phải vì đó mà

Hàn-Mặc-Tử bị phung như anh Quách-Tấn đã viết. Nếu H. M. Tử bị phung, sao tôi không hề hấn gì cả ? Hai người cùng ngồi núp mưa một chỗ kia mà.

Rồi bà trở lại với vấn - đề "chuyến đò Mũi - né" : Đón Hàn-Mặc-Tử có phung, song tôi không nói ra; tôi vẫn một lòng kính trọng anh. Đò đến Phan-Thiết; tôi đưa Hàn-Mặc-Tử đến trường Hồng-Đức, cậu Bích-Khê tôi dạy tại đây. Ở đó suốt bữa sáng chủ-nhật, chiều lại, anh đáp chuyến tàu suốt trở về Saigon.

Sau ngày ấy, Cậu tôi bảo tôi ra dạy ở trường Hồng-Đức. Lẽ đó mà Hàn-Mặc-Tử ra vào thường, thứ bảy nào anh cũng có mặt tại Phan-thiết, chiều chủ nhật lại vào. Một dịp thứ bảy đi chơi Lầu Ông Hoàng anh thổ lộ mối tình với tôi.

Tôi có trả lời anh : « chắc rằng không thể đến chỗ làm bạn trăm năm được, tôi nói trước để anh đừng hy-vọng. »

Anh hỏi lý-do.

Tôi viện lẽ tôn-giáo khác nhau. Nhưng thật ra vì biết Hàn-Mặc-Tử mắc bệnh hiểm nghèo, không thể sống lâu được, ý tôi muốn được một người chồng mạnh-mẽ, tráng-khiên... Tuy vậy, chúng tôi

vấn giao-thiệp thân - mật một. hai năm như thế. Trong thời gian này, có nhiều lần Hàn-Mặc-Tử mà ní tôi dẫn về Quảng-Ngãi thăm nhà và trong nhiều bức thư anh đề-cập đến vấn đề hôn nhân. Tôi vẫn trả lời, nhưng luôn luôn tôi ngụy biện đề từ chối :

« Em nghĩ chúng ta sống như thế này thanh cao hơn, tôn-giáo bất đồng, chữ-hiệu bắt buộc em phải nghe lời thân mẫu em »...

Tôi xin lỗi ngắt lời bà :

— Tôi xin hỏi thật bà : bà không muốn đến hôn nhân, nhưng đối với Hàn-mặc-Tử bà có lúc nào cảm thấy yêu không ? Và trong những cuộc giao du thân mật đã có lần nào thi sĩ tỏ thái độ suồng sã với bà chưa ?

— Chúng tôi rất mến nhau. Nhưng đó là mối tình văn thơ. còn xác thật thì hoàn toàn không nghĩ tới, cha mẹ đã cho giao thiệp tự do, chúng tôi phải giữ gìn cho xứng đáng. Và lại lúc bấy giờ tôi tuy đã lớn tuổi nhưng còn khờ lắm. Tôi xin kể ông nghe một trường hợp thi vị :

Hàn - Mặc - Tử in tập « *Gợi quê* ». Anh đem sách ra nhượng

cho các tiệm, nhưng không một tiệm nào chịu mua cả. Anh đem về cho tôi. Tôi nhận đi làm cái công việc ấy. Tôi đem ra các tiệm, chỉ trong một buổi sáng tôi bán xong 50 tập. Tôi hí-hửng về khoe với anh. Tôi khờ quá, ông ạ. Tôi tưởng rằng cứ bán rẻ là người ta mua. Mà người ta mua thiệt. Giá sách 0\$35 một cuốn mà tôi chỉ bán có 0\$28 hay 0\$30.

Nghe tôi thỏ thẻ : em bán rẻ hơn anh cho nên người ta mua.

Hàn-Mặc-Tử cười bảo :

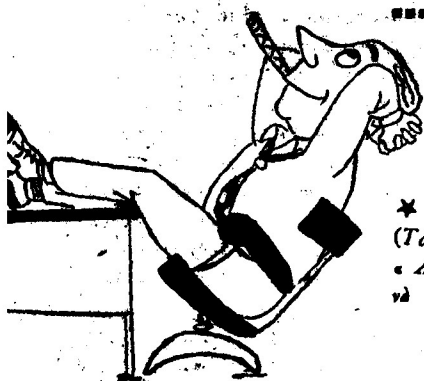
— Anh bán thơ chứ anh đâu có bán giấy.

★

Đồng hồ gõ năm giờ. Tôi định hỏi sang những bài thơ, những bức thư tình của Hàn-Mặc-Tử gửi cho bà mà hiện bà còn nhớ hay còn cất ở đâu không, thì chồng bà về. Bà giới thiệu tôi là thầy của em học-sinh và cũng cho ông biết lý-do cuộc viếng thăm của tôi.

Thấy như vậy cũng tạm đủ. tôi ngồi chuyện vãn cùng ông trong mấy phút, rồi đứng dậy xin kiếu từ.

CHÂU-HẢI-KỶ



hiện-dại

★ ELIZABETH JENNING
(Tác giả những cuốn «*POEM*»,
«*A WAY OF LOOKING*»
và «*A SENSE OF THE
WORLD*»)

TRONG 10 năm qua, nhiều sự mới lạ đã xảy ra trong giới văn-nghệ Anh. Giữa lúc dường như các văn sĩ Anh chỉ sản xuất những tác phẩm kém cỏi và trống rỗng thì có những kịch gia trẻ nổi tiếng một cách mau lẹ. Nhờ họ mà kịch trường Anh có một nguồn sống mới bùng bật cả trong loại chuyện tưởng tượng chẳng hạn như kịch «*Look Back in Anger*» của John Osborne lẫn trong loại kịch chính trị xã hội như các kịch của Arnold Wesker. Loại văn tiểu thuyết cũng trở nên phong phú hơn nhờ những tiểu thuyết của Kingsley

Amis vui và xuất sắc những tiểu thuyết của Iris Murdoch phân tách một cách sâu sắc tính tình của các nhân vật và những lý do hành động của họ, những chuyện thực tế của Alan Sillitoe về đời sống của giới lao động ở miền Bắc nước Anh, và những tiểu thuyết của John Wain, Philip Callow, John Bowen, William Golding và Andrew Sinclair. Trong số những văn sĩ lớn tuổi chúng ta không nên quên kể tên Sir Charles Snow nay đã viết gần hết bộ chuyện của ông về «những ngách lối của quyền thế» và Anthony Powell hiện còn đang viết thêm những

uyện chiêm biếm thanh tao về lời thương lưu Anh trong bộ tuyển «Music of Time» của ông.

Như thế tức là thời hiện đại rất thích hợp cho cả loại tiểu thuyết tưởng tượng lẫn loại tiểu thuyết suu tầm đời sống ngày nay. Trong tình trạng đó, thì văn Anh ra sao? Theo tôi nhận thấy thì dường như thi văn hướng theo một đường khác con đường của tiểu thuyết gia và kịch gia. Một trong những nguyên do chính đưa giới thi-sĩ Anh theo một đường khác là vì họ phản ứng chống những ảnh hưởng riêng biệt. Những thi-sĩ Anh nổi tiếng từ năm 1950 đến nay đặc biệt để ý tránh hai điều: một là không bằng bột vẽ chính trị như trong khoảng 1930-40 và hai là tránh lối hành văn bừa bãi của một nhóm thi sĩ gọi là nhóm Apocalyptic xuất hiện trong cuộc đại chiến thứ hai.

Các thi sĩ hiện đại Anh cố gắng viết một lối văn thanh nhã, với những lời lẽ thành thật và tránh những danh từ cầu kỳ khó hiểu. Những thi sĩ tiền bối có nhiều ảnh hưởng nhất đối với

những thi sĩ Anh hiện đại là Robert Graves, William Empson, Edwin Muir và Yeats, là những thi sĩ viết nhiều loại thơ khác nhau nhưng đều có tài về thể thơ và nhạc điệu. Nhưng trước khi xem xét những tác phẩm của các thi sĩ Anh trẻ thời nay, chúng ta hãy xem qua những tác phẩm của những thi sĩ tiền bối của họ.

Ngoài W.H. Auden, những thi sĩ nổi danh nhất trong thời 1930-40 không giữ được tiếng tăm của họ lúc đầu. Louis MacNeice, C. Day Lewis, Lawrence Durrell, David Gascoyne và Kathleen Raine đã trở nên lu mờ vì lâu nay ít sản xuất được tác phẩm nào xuất sắc.

Vì vậy nên những thi sĩ bắt đầu xuất bản thơ của họ từ 1940 đến nay thực ra đã nổi lại được nguồn thi thơ bị gián đoạn trong một thời gian khá lâu. Những bài thơ của một số những thi sĩ trẻ đó là Kingsley Amis, Donald Davie, Robert Conquest, D.J. Enright, John Wain, John Holloway, Thom Gunn, Philip Larkin và của tôi đã được tập trung trong cuốn thi tuyển «New Lines». (Những

đường thơ mới) do Robert Conquest xuất bản năm 1956. Tôi nay những thi sĩ đó đã xuất bản được một hai cuốn thơ của họ nên chúng ta có thể nhận xét giá trị của mỗi thi sĩ chứ không phải là của chung cả nhóm. Kingsley Amis có tài viết những câu thơ châm biếm nhẹ nhàng, Donald Davie chứng tỏ là có thể ghép thể văn điển thời thế kỷ thứ 18 với những tư tưởng thời nay. Robert Conquest hành trưởng một cảm tình sâu xa với những nơi những chốn quen thuộc của ông và có đặc tài viết những bài thơ tình tứ. Tôi thì chú trọng tìm hiểu các nơi các chốn, các nhân vật và tình cảm hơn là để ý đến sự trái ngược giữa trí tưởng tượng và thực tế. D. J. Earight chứng tỏ trong cuốn thơ thứ ba của ông nhan đề là "Some Men Are Brothers" là ông có thể viết những bài thơ ngoại lai thông thiết nhưng không si mê và thể văn chải chuốt nhưng nhẹ nhàng. Thơ của John Wain trước kia bị ảnh hưởng của William Empson nhiều nay ít gò bó hơn và đề cập đến những vấn đề tâm

tư hơn. Những câu thơ trong cuốn "The Fugue" của John Holloway có vẻ thư thái cởi mở hơn là những bài thơ trước kia viết một cách quá chải chuốt làm cho độc giả cảm thấy khó chịu. Nhưng có lẽ những thi sĩ có tài nhất trong nhóm này là Thom Gunn và Philip Larkin.

Gunn hay viết về ý nghĩa của quyền thế và những bài thơ của ông có tính cách triết lý. Nhưng tuy ông viết về những vấn đề trừu tượng, bao giờ ông cũng dùng những thí dụ cụ thể để phát biểu những ý kiến của ông. Philip Larkin là một thi sĩ khác hẳn Gunn, cuốn thơ mỏng của ông xuất bản tựa đề là "The Less Deceived" gồm những bài thơ đáng được chú ý cả về những lời thơ tuyệt tác lẫn về cảm giác dịu dàng, buồn nhớ lằng lằng bao phủ gần mọi đề tài của Larkin.

Nhưng không phải chỉ có những thi sĩ trên được nổi tiếng trong 10 năm qua. Có một số những thi sĩ khác cũng chú trọng đến thể và nhịp thơ nhưng tỏ ra có một thái độ khách quan đối với thế giới bên ngoài chứ

không chủ tâm phát biểu những tư tưởng và cảm xúc của họ. Trong số những thi sĩ đó có Norman MacCaig và Charles Tomlinson. Cả hai thi sĩ này đều bị ảnh hưởng của một thi sĩ Mỹ tên là Wallace Stevens vì họ chú trọng trước hết tới sự liên hệ giữa "thực tế" và "trí tưởng tượng". Những bài thơ của họ rất ít đá động đến các cảm xúc hoặc có nói đến cảm xúc thì là những cảm xúc cá nhân gây nên bởi những tư tưởng chống đối nhau.

Những thi sĩ trên đây viết thơ triết lý ngoài ra cũng có những thi sĩ cũng rất nổi tiếng không ngần ngại gì viết về cảnh vật thiên nhiên và những động vật, thí dụ như Ted Hughes viết trong cuốn *Lupercal*, xuất bản năm 1960, về những thú vật và ông hay diễn tả sức mạnh và sự tàn ác của con người cùng sự tàn ác vô tâm của súc vật.

Một thi sĩ khác cũng hay viết về những cảnh hùng vĩ là Thomas Blackburn, một thi sĩ trẻ tuổi hơn. Ông hay viết về những nhân vật thế giới hiện đại giống những nhân vật trong lịch sử hoặc đã sử thời xưa, như Oedipus chẳng hạn. Ông quan tâm đến những lý do tâm lý hơn là

chỉ diễn tả những cảm xúc, nhưng các bài thơ của ông cũng rất xúc động. Geoffrey Hill xuất bản cuốn sách thơ đầu tiên của ông năm 1959, vừa viết về những nhân vật đã sử như Thomas Blackburn vừa diễn tả những sức lực bị kềm chế như Ted Hughes. Những thơ của ông gần như hoàn toàn là khách quan và hơi khó hiểu vì ông hay bỏ những chữ có thể hiểu ngầm.

Sau khi nhận xét sơ qua về làng thơ Anh chúng ta nhận thấy có hai điểm chính sau đây: một là ngày nay không có một phong trào thi thơ nào có những mục đích và lý tưởng chung hay là các thi sĩ có những lối viết rất khác biệt nhau. Nói tóm tắt giới thi sĩ Anh hiện đại không có một đặc điểm gì riêng biệt như là các thi sĩ các thời đại khác.

Bài này chỉ kể tên những thi sĩ nổi tiếng nhất, nhưng còn hai thi sĩ nữa không thể bỏ sót được là R. S. Thomas, một người công giáo xứ Welsh, và Dom Moraes là một thanh niên Ấn Độ trẻ tuổi đã sản xuất ra những thơ tình rất hay.

Làng thơ Anh có tương lai sáng sủa vì có nhiều loại thơ và nhiều thi sĩ có tài.

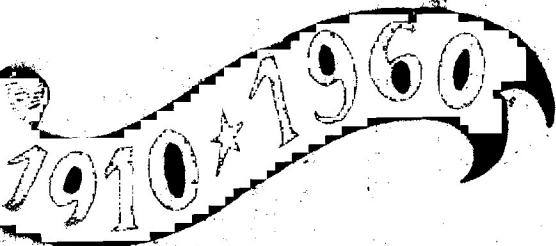
T U Á N ;

chàng
trai
nước
Việt

với uy-quyền của nước Pháp bảo hộ, khiếp-sợ trước binh-lực hùng-cường của người Pháp, và khâm phục văn-minh cơ-khí của Pháp, cho nên họ hòa theo đám quan-lại nịnh Tây mà tôn kẻ chiến thắng bằng những danh-từ tăng-bổc thông-dụng từ Bắc đến Nam :

* Quan Thầy Đại - Pháp,
* Nhà-nước Đại-Pháp », « Mẫu

quốc Bảo-hộ » v. v. . .
mà chính người Pháp cũng không ngờ. Những khẩu hiệu chính thức ấy không phải do người Pháp



* NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 62)

II

THANH-NIÊN V.N. theo tân-trào Tây-học, trong khoảng 1910 - 1916 không phải tất cả đều như Lê-văn-Thạch. Nhưng Thạch là nhân-vật điển-hình của một lớp trai-trẻ mới tiếp-xúc lần đầu-tiên

đặt ra. Phải nhìn nhận một sự thật rõ-ràng là ngay từ khi người Pháp mới sang để hộ-xử ta, họ chỉ tuyên-truyền và đề-cao văn-minh của họ mà thôi, chứ không khi nào họ bắt-buộc người Việt-nam phải suy-tôn họ bằng những câu nịnh-bợ như trên kia. Họ chỉ gọi xứ của họ là « nước Pháp » — *La France* — chứ không bao giờ họ tự đề-cao là « Đại-Pháp. », là « Quan thầy Đại-Pháp », v. v. . .

ng như họ gọi viên Toàn quyền hoặc viên Khâm-sứ của họ, là « Ông Toàn-quyền » « Ông Khâm-sứ », Monsieur le Gouverneur Général, Monsieur le Résident supérieur, chứ không bao giờ họ tự đề cao là « Toàn-quyền Đại-Thần », « Khâm Sứ Đại-thần », « Cự Lớn Khâm-sứ » v. v. . . . như người Việt-nam tự suy-tôn họ. Cái lối tăng-bớt phong kiến ấy là do các quan lại Việt-nam xướng ra đầu tiên, rồi các « Quan Phán », các thầy Thông, thầy Ký, cũng hùa theo xưng hô thành ra thông-lệ. Hạng thanh-niên Việt-nam làm việc cho « Nhà nước Bảo-hộ » thời bấy giờ, như Lê-văn-Thanh, hầu hết là hãnh-diện được làm tôi tớ cho « Quan Thầy Đại-Pháp », và tranh đua nhau nhỉnh bợ « Quan Thầy » để được ban-bố ân-huệ, tước vị, phẩm-hàm, « thăng quan tiến chức. »

Đa số lớp thanh-niên Tây-học thời bấy giờ chỉ có một mục-dích duy-nhất là thi đậu để « làm việc Nhà-Nước », tức là « Làm Quan », bên Nam-Triều thì từ quan Huyện, quan Phủ, đến quan Tuần-Vu, quan Tổng-đốc, quan Thượng-thư, bên chính-phủ Bảo-hộ thì quan Tham, quan Phán,

quan « Côm-mi », quan Đốc... Dưới một bậc là thầy Trợ-giáo, thầy Thông, thầy Ký, cũng ước được làm ông quan nho-nhỏ. Cho nên lúc bấy giờ người Pháp nhận-xét mĩa-mai rằng : « Trong đầu óc mỗi người Việt-nam đều có một ông Quan », nghĩa là người Việt-nam nào cũng có tham-vọng « làm Quan » cả. Sự nhận-xét tổng-quát ấy kể ra cũng đúng một phần nào. Và lại lúc ban-sơ người Pháp cần đào tạo cấp-tốc một số công-chức để giúp việc tức-thì cho họ trong các cơ-sở mới thiết lập : Tòa Sứ, Tòa Kho bạc, nhà Giấy thép, sở Lục lệ, nhà Thương, nhà Thương chánh, v. v. . . mà số thanh-niên theo học « Chữ Tây » tại các trường Pháp Việt mới mở còn rất ít ỏi, cho nên sự học-train được khuyến khích, thi-cử rất dễ-dàng và học sinh đỗ bằng Tiểu học đã được bổ dụng ngay trong các công-sở, làm « Thông ngôn », « Ký lục ».

Riêng ở Trung-Việt (Từ 1900 đến 1945, gọi là Trung-Kỳ, tiếng Pháp gọi là Annam) trường lớn nhất là Trường Quốc-Học, ở tại kinh-thành Huế, được mở năm 1896,

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

nhưng mãi đến năm 1907 mới bắt đầu mở kỳ thi «*Certificat d'Etudes Primaires Franco-Indigènes*». Lúc bấy giờ bằng cấp này còn gọi là bằng Sơ-học, trong dân chúng gọi tắt là «*Bằng Ri-Me*». Trường làng dạy hai lớp *Đông - Ấu và Dự - bị* (lớp Năm, lớp Tư); trường Huyện, phủ có lớp Sơ-đẳng (lớp Ba), trường tỉnh có lớp nhì và lớp nhất. Sau, từ 1917, các trường tỉnh đặt thêm lớp Nhì Đệ-nhi niên, và đổi là Tiểu-học Pháp Việt (*Ecole de Plein-Exercice*), trường Quốc-học đổi thành Cao-đẳng tiểu-học (*Primaires Supérieurs*). Cũng năm 1917 mở thêm trường Cao-đẳng tiểu-học Đông-Khánh, riêng cho con gái. Năm 1920, trường Cao-đẳng tiểu-học Vinh. Năm 1921, trường Cao-đẳng tiểu-học Qui-nhơn.

Năm 1910, các «*Trường Nhà-nước*» cả Trung-kỳ, tổng cộng chỉ có 1595 học sinh.

1915 có 2.442 học-sinh

1920 « 30.849 học-sinh

1925 « 41.082 học-sinh

1930 « 62.558 học-sinh

Năm 1930 sự học đã phát-triển

manh-mẽ khắp xứ, mà số Nữ-sinh toàn xứ Trung-kỳ cũng mới chỉ có 1988 người, trong số đó có 47 cô ở các lớp Sơ-phạm và 494 cô ở các lớp Cao-đẳng tiểu-học, (thi bằng «*diplôme*», tức là bằng «*Thành-Chung*»), gần như Trung-học Đệ-nhi-cấp ngày nay.

★

LÊ-VĂN-THANH bắt đầu học A.B.C hồi 10 tuổi, năm 1911, 20 tuổi xin vào Trường Nhà-nước, học lớp Năm. 24 tuổi, chàng thi đỗ bằng «*Ri-me*» hai tháng sau được vào làm «*Thầy ký*» ngay trong Tòa sứ, và làm Thông-ngôn cho ông Công-Sứ, tuy sức hiểu biết về tiếng Tây trong bốn năm sơ-học chưa được bao nhiêu.

Trong lúc đó, TRẦN-ANH-TUẦN, — Thăng-Chuột, con chú thợ mộc — nhỏ hơn Thanh 10 tuổi, lại học trước Thanh 2 năm. Năm 12 tuổi, nó đã đỗ bằng «*Ri-me*» và được ông Công sứ ở tỉnh cho học bổng đi Huế học trường Quốc-học.

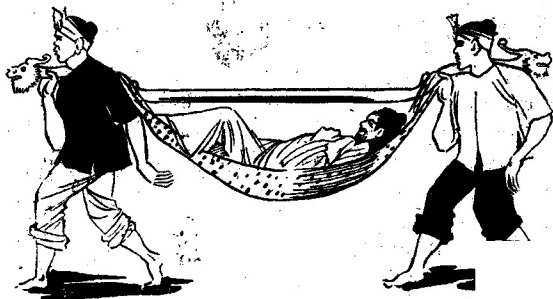
Trần-anh-Tuần đi Huế bằng cách nào?

«*Đường-cải quan*» đã có rồi, mới đồ đá, nện đất bằng-phẳng.

hai bên đường đã bắt đầu dựng cột dây thép. Tuy đến mùa mưa nhiều đoạn đường bị nước mưa làm trôi cả đất lẫn đá, và cầu cống chỉ được bắc qua các con sông nhỏ, các sông lớn còn phải dùng đò, nhưng « Đường-cải quan », mà người Pháp gọi là « Đường thuộc-dịa số 1 » đã nối liền các tỉnh, từ Saigon ra Huế, ra đến Hà-nội. Riêng ở các tỉnh Trung-Việt, đường sá đã có nhưng xe cộ chưa có. Xe ô-tô (ở Nam-kỳ gọi là xe hơi, ở Trung kỳ gọi là xe điện) ở ngay tại tỉnh-lỵ chỉ có ông Công-sứ Pháp có một chiếc mà thôi, xe hiệu *Delahaye*, cao ngồng; máy nổ kêu rầm-rầm, xịt

khói phía sau, dân-chúng sợ hãi không dám lại gần.

Người ta đồn rằng đứng gần « xe điện », sẽ bị nó hút vào trong bụng máy, chết liền không kịp thở. Chính thầy Ký Thanh cũng chưa dám đứng gần xe « cộ » Sứ. Các ông Tây khác hoặc đi ngựa, hoặc ngồi trên xe kéo bánh sắt, do một người « cu-li An-nam » kéo. Xe-kéo chạy xa nhất chỉ trong khoảng 30 hoặc 40 cây số (ki-lô-mét) một ngày, và chỉ chạy trong giới hạn một tỉnh. Các « Quan An-Nam » và các bà vợ quan, đi đâu đều đi cán và đi từng trạm, lính thay-phiên nhau mỗi trạm là hai người khiêng chiếc cán. Ông quan hay bà quan.



cái Cán

(Bà lớn) nằm trong cán như nằm võng, có mành thêu che phủ hai bên.

Dân chúng, đi buôn bán, từ tỉnh này qua tỉnh nọ, dĩ nhiên là phải đi bộ rồi. Phần nhiều họ rủ nhau 5, 10 người, đi cho có bạn hàng mấy trăm cây số, mất nửa tháng hoặc 20 ngày, có khi hàng tháng. Họ đi bộ như thế từ Quảng-Ngãi ra «Tou-Ranh» (Tourane, Đà-nẵng), hoặc từ Hội-An về Nha-Trang, Phan-Thiết, «Đông-nai—Gia-định» (Sài-gòn).

Vì đường-sá xa-xôi, xe-cộ rất hiếm-hoi, lại thiếu thốn tất cả những tiện-nghị trong cuộc viễn-hành, vượt núi băng sông, dầm mưa dãi nắng, cho nên một số người đi buôn bị đau chết dọc đường, một số khác vào đến Đông-nai, rồi ở luôn đấy sinh cơ, lập nghiệp không muốn trở về. Thịnh-thoảng đời người đi «Đông-Nai» về, khoe rùm lên rằng ở Sài-gòn nhà cửa phố-xá đông nghẹt, có nhà lầu cao ba tầng, có đường đi « rộng ba thước », trên bộ xe hơi chạy « boong-boong », dưới nước tàu thủy chạy «vù-vù», tới đến đèn điện thắp sáng choang như ban ngày, ông Tây bà Đầm ôm nhau «đăng xê» coi vui mắt quá chừng ! Thật là văn-minh quá sức

trông-tượng của người «Annam» ta ! Vì thế, mà ở các miền Trung, dân-chúng thường ao-ước được đi «Đông-Nai» một chuyến. «Đi Đông-Nai ! », đó là cả một giấc mộng phiêu-lưu, như thề đến một nơi thiên-đường xa-lạ... Một số đông phụ-nữ, trẻ đẹp, nhưng buồn duyên tui phận, giận mẹ chồng hiếp đáp, hoặc bị chồng hắt-hối, thường « cuốn gói » trốn đi «Đông-nai Gia-định» mặc dầu phải đi bộ. Rồi năm bảy năm sau trở về thăm bà con cô bác, họ đeo dây vòng vàng hạt xuyên, chói-lọi trên tay, trên ngực. Má phấn, môi son, đầu tóc thơm ngát mùi nước hoa. Thường thường cô Hai hay cô Ba thích dắt theo về một người chồng Đông-nai, bận quần áo bà-bà bằng lãnh đen, châu đi giày Tây, đầu đội mũ Tây, miệng bịt răng vàng và hút điếu thuốc Tây...

Đàn ông đàn bà ở đất «Hòn Ngọc Viễn-Đông» đi về đây, trông oai như ông Hoàng, bà Chúa.

Cho nên hầu hết những thanh-niên buôn bán ở các tỉnh miền Trung đều đi bộ theo đường-cải-quan, hoặc đi « ghe bầu » theo đường biển, kéo nhau vào Đông-Nai Lạc-Tĩnh. Nhưng còn đám

1. TUẤN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

Thanh-niên học-sinh, sau khi đỗ bằng Tiểu-học ở tỉnh nhà, thì lại rủ nhau đi Huế, tiếp tục học trường Quốc-học tại kinh-dô. Số học sinh đi học trong Sài-gòn rất ít.

Trần-anh-Tuấn được học bổng mỗi tháng 2 đồng bạc (cũng gần như 2000\$ bây giờ). Tuấn có đến chào « Quan Công - Sứ » ở tỉnh. Ông cho Tuấn 1 đồng bạc làm tiền lộ phí, Đòi ra tiền Việt-nam được 6 quan tiền kêm. Tuấn xuống bến Thu-Xà, chờ ba ngày có « ghe bầu » chở nước mắm và đường bông Quảng-Ngãi đi Fai-fô (Hội-An). Cha Tuấn, chú Thọ Ba, có quen với ông chủ ghe, gọi Tuấn đi nhờ ghe ông.

Trước ngày Tuấn ra đi, cha mẹ Tuấn có nhờ thầy phù-thủy trong tỉnh chọn được ngày lành tháng tốt, là ngày 2 tháng 8 ta, xuất hành vào giờ Mẹo. Chú Thọ Ba cũng có làm thịt một con gà nấu cháo để cúng Ông - Bà, xin phù-hộ cho thẳng con trai thượng lộ bình-yên. Cúng xong, chú Ba chặt hai cái giò gà đưa Thầy phù thủy xem.

Thầy Sáu Chánh lật qua lật lại cặp giò, xem-xét kỹ-lượng, rồi gạt đầu hai ba cái :

— Tốt lắm đây, chú Ba à. Trò Chuột đi Huế học chắc-chắn sẽ đỗ đạt thành tài.

Chú Ba vui-mừng, rót rượu mời Thầy Sáu Chánh phù-thủy. Bà con cô bác trong thân-quyển của chú thợ mộc, nghe tin « thẳng Chuột » đi học tận ngoài Huế, đều có đến chúc mừng. Kể cho nó một quan-tiền, người cho một vài thước vải quuyến trắng để may quần, vài thước vải trăn-dằm để may áo đen. Có người cho cả một cân đường bông, hoặc một xấp giấy tây, một vài gói bánh ít, bánh thuẫn, bánh bò... Tuấn cảm động nhận lãnh tất cả, nhét tất cả trong một khăn gói nặng trĩu-triu, (lúc bấy giờ ở tỉnh chưa có tiệm nào bán va-li). Sáng sớm hôm sau, mặt trời rạng đông, hai cha con chú Ba cột khăn gói vào một đòn gánh, rồi cha một đầu, con một đầu, lạng lẽ kiêng gói ra đi. Họ đi chưa khỏng, và đi bộ xuống tận Thu-Xà để Tuấn lên « ghe bầu » theo đường biển ra Fai-fô, (Hội-An). Từ Fai-fô, Tuấn sẽ đi xe kéo ra Tu-Ranh (Đà-nẵng), rồi lên xe lửa đi Huế.

Còn hai tháng nữa mới tựu trường, niên khóa 1915-16. Tuấn mới 12 tuổi. (Còn nữa)

GIÒNG LÊ-PHÁI

từ LÊ-DUY-MẬT
đến ngày nay

* NGUYỄN-THƯỢNG-KHÁNH

LỜI TÒA SOẠN : Đề bỏ túc các tài-liệu liên quan đến nghi-án về Ngọc-Hàn Công Chúa, chúng tôi có yêu-cầu ông Nguyễn-thượng-Khánh, tác giả bài « Ngọc Hàn Công Chúa đã ám-hại Vua Quang-Trung » cho biết rõ-ràng về giòng họ Lê-phái: từ Lê-duy-Mật đến nay. Ông Nguyễn-Thượng-Khánh có gửi đến Tòa-soạn Phò-Thống bài sau đây. Cũng như bài trước, chúng tôi xin đăng nguyên-văn bài này để tiện cho các nhà sử-học điều-tra và truy-làm, nghiên-cứu.

Tác-giả nhận lãnh hoàn-toàn trách-nhiệm về các tài-liệu do ông đưa ra.

PHÒ-THỐNG

TÔI, tác giả bài « *Cát chết của Vua Quang-Trung* », xin tóm tắt ghi thêm về tập gia-phả của họ Nguyễn-Lê lên đây, để các bạn đọc có dịp tham khảo. Có như thế mới thấy tài liệu lịch sử trên đây có phần xác đáng chứ không mơ hồ.

Sau khi Hoàng tử LÊ-DUY-MẬT chết, ông tôi phải bỏ vùng

Trần-Ninh, theo người lão-bộ về mai-danh ăn - tích ở Rừng Lam-Sơn, thuộc Phủ Thọ-Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.

Và, muốn trốn-tránh sự truy-nã của nhà Nguyễn-Tây-Sơn, ông Nội tôi đang có tên là LÊ-DUY-DƯƠNG, đành phải đổi cả tên lẫn họ ra NGUYỄN - LÊ - DUONG.

Rồi người cũng phải sống theo

thời-thế lúc bấy giờ là văn ôn vũ luyện để tìm dịp tiến thân.

Đến đời Minh-Mạng, thì ông Nội tôi đậu Khoa Thi Võ, và được ra làm quan. Theo đuổi hoạn lộ, ông Nội tôi lần lần làm đến chức *Chánh-Vệ-Ủy* (gần như là Chánh lãnh binh) và được Nguyễn-Triều « *Tứ-Tánh Vi Nguyễn* », nghĩa là : cho đời theo họ Nguyễn. Từ đó ông tôi tên văn-vện còn có 2 chữ : NGUYỄN DUƠNG, còn chữ « *Lê* » đệm ở giữa họ và tên thì phải bỏ đi.

Lúc ông Nội tôi làm đến Chánh Vệ Ủy thì người đưa gia-dình về mua đất đai ở làng Phong-Phú, tổng Phú-Xuân, Huyện Quế-Sơn, tỉnh Quảng-Nam, để khai cơ lập ấp. Người định gửi năm xương tàn ở nơi đó, với ngôi nhà Thờ, có 3 chữ đại tự : *Nguyễn-Lê-Phái*.

Sau khi ông tôi về hưu, thì định cho Thầy tôi vào đội lính « *Anh Danh Giáo Dưỡng* » là đội lính Cận-vệ hoàng-cung, mà chỉ riêng con trai các Công-Thần mới được vào.

Nhưng Thầy tôi không chịu, bỏ nhà ra Thanh-hóa là nơi phát-tích Nhà Lê do vị anh hùng áo vải

Lê-Lợi, dựng cờ khởi nghĩa tại Lam-sơn.

Thầy tôi trốn ông Nội tôi để ra Thanh-hóa sinh cơ lập nghiệp. Năm 1922, Thầy tôi lập ra một gánh hát tuồng - cổ, và có cả một cái rạp hát lớn nhất ở Cửa-Hậu, tỉnh Thanh-hóa thời bấy giờ. Thử thời, dân Thanh-hóa không biết tên Thầy tôi là gì, họ chỉ gọi văn tắt là Cậu VIÊN-QUANG. Vì Thầy tôi là con quan, được tập ấm là *Viên-Tử*, mà lại người ở Quảng Nam ra, nên họ gọi là Cậu Viên-Quang — Nhưng chính thực Thầy tôi là NGUYỄN-LIÊN — cháu ba đời của Hoàng Tử Lê-duy-Mật.

Sau đó, Thầy tôi về Quảng-Nam, rước ông Nội tôi ra Thanh hóa để được phụng - dưỡng. Trước tiên, ông tôi không chịu lia bỏ Quế-sơn, sau Thầy tôi phải đem lời nói cuối cùng như sau đây mới lay chuyển được ông tôi :

«Thưa Thầy ! Thế Thầy nhất định không về Thanh-hóa để viếng Lam-sơn là nơi Thầy đã sống khi còn niên-thiếu, mà cũng là nơi tổ-tiên Nhà Lê chúng ta phát tích hay sao ? »

Ông tôi nước mắt bỗng tuôn ra rồi xả, và Người lẳng lặng theo Thầy tôi ra Thanh-hóa ; nhưng người không quên trình-trọng đến lạy nhà Thờ và đem theo cả cuốn gia-phả của giòng họ chúng tôi.

Ra đến Thanh-hóa, bước chân vào dinh cơ của Thầy tôi, việc làm thứ nhất của ông tôi là lên lạy Tờ-Tiền ở Nhà Thờ.

Và khi thấy bức hoành phi có 3 chữ đại tự : *Nguyễn-Lê-Phải* treo giữa gian nhà Thờ thì ông tôi ôm lấy Thầy tôi mà khóc nức nở và nói qua hơi thở : Thầy sẽ ở lại đây với con cháu cho đến chết.

Tháng 7 năm 1947, theo lệnh của Việt-Minh, tỉnh Thanh-hóa phải sang bằng Thành bình địa, không một viên gạch hay một hòn đá nào còn đứng nguyên được. Vì bọn xảo-quyệt kêu gào « Tiêu

Thờ kháng chiến » để ngăn quân Pháp tiến vào Thanh-hóa. Cả nhà Thờ họ *Nguyễn Lê Phải* chúng tôi ở vào địa điểm Công Hậu, làng Đông Lân, Phủ Đông Sơn, cũng phải theo số phận mà bị giạt dời.

Giòng họ *Nguyễn-Lê* chúng tôi trừ một số ít người kẹt lại ở Thanh hóa, còn gia đình của chúng tôi hồi cư về Hà-nội, và tháng 8 năm 1954 chúng tôi di cư vào Nam. Và mãi đến nay mới có dịp viết về cái chết bí mật của Vua Quang-Trung, để cống hiến quốc-dân một sử-lịệu hoàn toàn bí mật chưa ai phát-giác.

Hiện nay, ngoài gia-đình chúng tôi ở Sài gòn, giòng họ *Nguyễn-Lê* còn một ít bà con ở làng Phong Phú, tổng Phú Xuân, huyện Quố Sơn, tỉnh Quảng Nam.



★ Tôi không phải là tôi nữa

Quan tòa hỏi thủ phạm :

— Anh bảo anh không gian-dối, thế tại sao lúc Cảnh-Sát bắt anh, hỏi tên anh, anh lại khai tên giả, không đúng tên thật của anh ?

— Bẩm quan Tòa, vì khi Cảnh-Sát bắt tôi, tôi tức giận lắm. Mà hễ khi tôi tức giận lên thì không tự chủ lấy tôi được nữa, tôi không còn là tôi nữa.

ặp nhau chiều hôm ấy

Trời vào thu êm-êm,
Gió vờn quanh bên thềm.
Hoa lòng em đang thắm,
Mặt vầng mây lênh-dênh.

Em chờ anh từ lâu,
Bao mùa thu ôu-sầu.
Ôm đêm dài mong đợi,
Vô tình Anh về đâu ?

Em ngỡ còn trong mơ,
Anh đến đây bao giờ ?
Đang lặng nhìn ôu-yếm
« Em Anh đẹp như Thơ »

Sung-sướng ngồi bên Anh,
Mộng lòng em trong lành.
Dâng Anh niềm thanh-khiết
Xanh hơn nguồn suối xanh.

Tim nhịp nhàng yêu-đương,
Đôi mắt tràn duyên-thương,
Đôi làn môi say-dắm,
Men rượu tình lên hương.

Em sợ đường tơ lạt,
Trần-ai lắm phũ-phàng.
Anh dịu-dàng khuyên-nhủ :
« Tình ta giấc mộng vàng ».

THANH - NGUYỄN

(Saigon)





(Tiếp theo P.T. số 62)

Một vụ âm.mưu «mua» ký-giả ?

D Ớ I thời Nhật thuộc, những ký-giả hành nghề rời rạc, không có một đoàn thể nào để quy tụ họ nên một số người sốt sắng với nghề đứng ra tổ chức lập một hội cho ký giả.

Sau hai buổi nhóm, hội này được đặt tên là « Văn nhân ký-giả Đoàn » viết tắt là « VKĐ » không những gồm các người sống về nghề viết báo thường thực mà còn cả những anh em văn sĩ, thi sĩ nữa, những người đã có sanh kế khác, chỉ thỉnh-thoảng viết bài gửi đăng báo.

« VKĐ » chưa kịp thảo luận xong điều lệ và bầu Ban Quản-trị thì có tin Nhật đầu hàng.

Tuy vậy, các văn nhân ký-giả cũng tiếp tục công việc vì nghĩ rằng dưới chế độ nào sự đoàn kết cũng là cần thiết.

Một buổi tối, khi các nhà văn, nhà báo ấy đến họp ở trụ sở tạm đặt ở sở Thanh-niên Thế-thao đường Nguyễn-Huệ, thì bỗng họ phải ngạc nhiên vì có bàn tay bí mật nào để trên bàn một sấp bao thơ có đến hai chục cái, mỗi cái để tên một ký giả đã hành nghề lâu năm, hoặc người có thành tích trong văn nghiệp.

Tưởng là thơ mời dự tiệc

đây, anh em mở ra xem, thấy mỗi bao thư đựng ba ngàn phiếu, mỗi ngàn phiếu 10 đồng, và người ký ngàn-phiếu có tên là Nguyễn-văn-Cui. Điều ngạc-nhiên hơn hết là tấm «sét» ghi rõ tên họ thật của người được tặng tiền, trong khi các văn nhơn, ký-giả chỉ cho người ngoài biết bút hiệu của mình. Ông Nguyễn-văn-Cui nào đây mà sao biết rõ được tên họ từng người viết báo ? Điều bí mật ! Làng báo chưa hề có tiếp xúc với một nhà mạnh-thường-quân nào có cái tên lạ hoắc như vậy !

Cầm 3 tấm ngàn-phiếu, người được tặng suy-luận ra rằng chắc ông Cui vì dạ liên tài mà muốn giúp mình 300 bạc, lãnh làm 3 tháng. Hồi đó lương ký-giả 100 đồng cũng đã là hạng khá rồi.

Trong sự hoang mang, thắc mắc, anh em hỏi nhau :

— Có ai biết Nguyễn-văn-Cui là ai không ?

— Hay là Việt-Minh ?

Các ký giả miền Nam còn chưa nhận thức rõ được «Việt-Minh» là thế nào, vì Việt-Minh chỉ mới vận động bí mật, chưa có hoạt động công-khai như ở ngoài Bắc. Chữ «Việt-Minh» có nghĩa là «bí mật» vậy.

Bản tình một lúc rồi, anh em người thì xé tấm ngàn phiếu,

người tặng cho hội của mình để dùng làm tiền chi dụng lúc chưa có quỹ, và cũng có người giữ làm kỷ-niệm, cố ý sẽ tìm xem nhà mạnh thường quân bí-mật là ai ?

Kể đến các biến cố xảy ra : Việt-Minh cầm quyền, Pháp trở lại Sài-gòn, nhân-dân lục-đục kéo nhau đi tản-cư. Tánh tò mò của tôi đã giúp cho tôi tìm ra được địa-chỉ của ông Nguyễn-văn-Cui ở Chợ-lớn số 2 «Quai de Phước-Kiến» nhờ tôi hỏi một người quen giúp việc trong ngân hàng mà ông đã gởi tiền. Giai-đoạn tản-cư đầu tiên, dân Sài-gòn mới tạm kéo ra ngoại-ô, tôi cũng tạm trú-ngủ ở nhà một người quen trong Bình-Tây, vì ai cũng chờ kết quả cuộc thương thuyết giữa Pháp và Việt còn đang tiếp tục.

Thừa lúc nhàn rảnh ở Bình-Tây, tôi tìm đến số Quai de Phước-Kiến. Đây là một căn phố lâu, có treo bảng đề tên hãng là «Thiên-Lực, xuất nhập cảng». Nhà dưới kê bộ xa-lông và một cái bàn giấy lớn. Tôi đưa danh-thiếp cho người tùy phái để được nói chuyện với ông Cui. Liền có tôi được mời lên lầu. Chủ nhơn là một người tuổi chừng giữa 30 và 40, hơi cao, mảnh khảnh, màu da trắng mịn, nét mặt tươi cười lạc quan. Ông không có vẻ gì là xả-quyết hết

KÝ GIẢ THỬA TRƯỚC

và dễ thâu được cảm tình của người đối thoại ngay từ lúc mới tiếp xúc.

— À ! Anh Tể-Xuyên ? Anh đã định tản cư đâu chưa ?

Chủ-nhơn vui vẻ hỏi tôi câu ấy như người đã quen nhau thân mật rồi trong khi tôi còn quan sát từ bộ mặt đến quần áo của ông, một bộ quần áo hàng đen, may theo kiểu một người Tàu. Tôi luận ra liền : ông muốn hóa trang thành một Huê-kiều hầu khỏi bị người Pháp bắt. Pháp không dám đụng dân nước Trung-Hoa vốn là đồng minh của Anh, Mỹ, Pháp.

Điều ngạc-nhiên lớn hơn nữa của tôi là thấy một người đàm lai còn trẻ tuổi với hai đứa con, đang sửa soạn hành lý, có lẽ sắp đi đâu. Đánh tan sự thắc mắc của tôi, ông Nguyễn-văn-Cui giới thiệu liền :

— Đây là nhà tôi và hai cháu. Nhà tôi tuy là người lai Pháp song có đến 75 phần 100 máu Việt trong huyết-quần. Má con nó hiện đang sửa soạn tản cư xuống Cần-thơ ở đồn điền của tôi.

Tôi ngồi xuống ghế và nói đến 3 tấm ngân-phiếu :

— Thưa ông, tôi đến cảm ơn ông về ba tấm «set» ông đã gửi cho tôi.

— Ô ! Có đáng gì đâu. Chỗ anh em mình mà ! Tôi là độc-

giả thường đọc những bài của anh em viết trên báo. Vì cảm mến anh em tôi có chút quà tặng, có chi đáng kể.

Thấy ông Cui quá «thần mật» tôi phải gọi ông là «anh» cho hợp điệu :

— Chúng tôi có công lao gì mà đáng thọ-lãnh sự quá khen ngợi của anh.

— Anh đã lãnh tiền rồi chứ ?

— Thưa không. Tôi giữ ba tấm «set» làm kỷ-niệm.

— Anh chớ ngần-ngại nê hà điều gì. Chẳng qua là tôi làm ăn khá, dư tiền nên mỗi tháng muốn trích ra một số nhỏ nhứt tặng anh em Văn sĩ là người sống với một nghề đạm bạc, túng thiếu, nghề không đủ nuôi người.

— Cảm ơn anh. Không những riêng tôi mà hìp như tất cả các anh em chúng tôi được anh chiếu cố, cũng không dám hưởng cái cử chỉ rộng rãi của anh, vì không ai biết anh hết.

— Nếu vậy thì đáng tiếc. Tôi mong rằng nay mai sẽ có dịp tiếp xúc với anh em và anh em sẽ thấy tôi chỉ là người có lòng thân phục nhà văn mà thôi, chớ không có ân-ý gì.

Tôi nói tiếp « ba điều bốn chuyện » rồi đứng lên cáo từ lui bước.

Đi tản cư ít tháng, tôi trở vềignon vì bị quân đội Pháp rượt bỏ » bắt phải trở vềignon cho Sài Gòn có vẻ nao hiệt, đặng các quan sát viên ngoại quốc có cảm tưởng là háp còn được lòng dân Việt-am.

Nhờ đến con người bí - mật guyễn-văn-Cui, tôi lại tò mò ào Chợ - lớn, tìm đến hăng « Thiên-Lực », thấy hăng này đã mở thêm ra một căn phố lầu bên cạnh, công cuộc làm ăn chắc là phát-đạt lắm.

Lần này, Nguyễn văn Cui tiếp tôi không còn hóa trang làm Hoa-kiều như lần trước mà lại với bộ đồ Tây may bằng hàng « tuyết-xo » lụa, coi rõ ra một ông chủ hăng xuất nhập cảng, chỉ còn thiếu có cái thân hình mập-mạp thôi. Ông khoe với tôi về công việc làm ăn của ông :

— Anh thấy cái tên « Thiên - Lực » có đúng không ? Trong lúc loạn lạc mà hăng này đứng vững, lại còn phát triển, có phải là nhờ ở « lực trời » ?

Tôi đã hiểu sự thành-công của ông, nhưt lại ông có bà vợ đầm lai, thì vấn-đề ngoại giao cho ông trong công cuộc doanh thương càng dễ dàng lắm. Quân đội Pháp mới trở lại mà !

Hỏi thăm qua loa về tình trạng

gia-đình của tôi, ông Nguyễn văn Cui hỏi đến kế sống của tôi.

— Anh đã làm báo nào chưa ?

— Tôi tính dạy học vốn là nghề thứ nhì của tôi, anh à ! Lúc này làm báo khó lắm vì chỉ có 2 tờ báo theo Pháp.

— Có khó gì đâu ? Tôi muốn ra một tờ báo thật công bằng. Mình sẽ tự do công kích Pháp nếu họ làm điều quấy và khen họ nếu họ làm điều hay... Anh tính có thể đủ một số ký-giả đề ra tờ báo không ?

— Anh em ký giã tản cư hết rồi, có còn ai đâu ?

Đến đây tôi đã hiểu sự dụng ý của Nguyễn văn Cui khi ông tặng một số đồng nhà văn nhà báo mỗi người 300 bạc bằng ngân phiếu.

Có lẽ ông đã nghĩ đến việc « mua chuộc » một số cán bộ trước đề sau dùng vào cuộc tuyên-truyền bằng báo chí chẳng ? Làm việc « xuất nhập cảng » — theo danh từ chánh thức — việc doanh thương chợ đồ chợ đen trong lúc hàng hóa khan hút, ông đã lời lớn, vậy mà ông còn muốn « buồn dư luận » nữa.

Tham vọng quá độ của ông đã làm cho ông đi vào cuộc phiêu lưu vĩ-đại đề mà ông thất bại cũng hết sức lớn lao

đến phải bỏ công ăn việc làm, không còn thấy tăm tích ông đâu nữa.

Cuộc phiêu lưu của ông lúc đầu bị báo «Thần-Chung» tố cáo hồi năm 1948: hãng «Thiên-Lực» đã nhận tiền thế chun cả mấy chục triệu, mua tàu toan tính việc vận tải đường biển. v.v... Kế đó, hãng bị nhiều người kiện rồi cuối cùng phải bỏ trốn.

Chẳng biết sự giao thiệp của vợ chồng ông Nguyễn-văn-Cui rộng đến thế nào và thế lực của ông mạnh đến tận đâu mà báo «Thần-Chung» trong khi phanh phui các vụ lộn xộn của hãng «Thiên-Lực» đã gặp phải chuyện khó dễ đối với Phòng Nhi Pháp. Ông chủ nhiệm báo ấy một hôm bỗng «được» mời đến Phòng Nhi ở đường Gallieni, rồi bị giữ suốt ngày. Người nhà ông hoảng hồn đi kiếm và phải nhờ luật sư đến tận Văn phòng kia hỏi, ông mới được trả về. Hồi đó ai bị phòng Nhi mời đi là chỉ có dặn người nhà liệu mà... thi hành di-chức.

Bị báo «Thần-Chung» tố cáo hãng Thiên-Lực sập luôn...

Thi sĩ Thứ - Khanh và «Thiên-Lực»

Nói đến Nguyễn-văn-Cui, tôi không thể bỏ quên được bạn

đồng nghiệp của tôi là thi sĩ Thứ Khanh vì nhà thơ này đã bị chủ hãng Thiên-Lực bỏ tiền ra «mua» mà không xong.

Cũng như số anh em trong «VKĐ» nhận được ba tấm ngân phiếu (đã nói ở đoạn trên) anh Thứ-Khanh không đi lãnh tiền mà xé ba tấm «sét» ấy. Anh đang sống nghèo túng trong một túp nhà tranh xiêu vẹo, cất nơi hẻm Lê-văn-Mùi, đường Võ Tánh. Báo bị đóng cửa, anh không có một nguồn lợi gì, đã thấy thiếu đến cả gạo ăn. Hồi ấy là cuối tháng 9 năm 1945 sắp có phong trào tản cư.

Một buổi tối, túp lều tranh của anh bỗng có một ông khách sang đến viếng. Ông này bận quần áo «tuyệt xơ» lựa đến nhà anh Thứ-Khanh, tặng anh một bao thơ, trong có 2 tấm giấy 500 đồng. Thi sĩ hết sức chối từ vì không quen biết với ông khách này bao giờ. Song ông cố thuyết phục anh:

—Tôi đọc thơ anh, tôi rất cảm động. Lại nghe nói anh sống cuộc đời quá thanh-bạch lại càng phục hơn. Nay xin có chút quà mọn, tặng anh chi dụng trong nhà.

Thứ Khanh không hiểu * Át, Giáp ra sao cả, nên không dám nhận.

Ông khách lạ đành ra về; anh Thử-Khanh bảo con chạy theo ông ra tới đầu ngõ hẻm, xem có gì lạ không. Đưa nhỏ chỉ thấy ông lên xe hơi, đi mất hút.

Sau này, Thử-Khanh mới biết ông khách đó là Nguyễn Văn Cui vì anh lại có dịp gặp ông này lần nữa, vào hồi giữa năm 1946. Hãng « Thiên-Lực » đang hoạt động phát-đạt, không mang tai tiếng gì, chủ hãng nhớ đến anh Thử-Khanh, cho người mời anh vào chợ lớn nói chuyện.

Chuyện gì ?

Nguyễn Văn Cui muốn mở một « Viện Văn-Hóa » ở ngay hãng « Thiên-Lực » và mời Thử-Khanh làm giám-đốc. Viện đặt trụ sở ở trên lầu. Trong lúc quá ngặt nghèo, vợ con thiếu cơm ăn, anh phải đành nhận lời. Chắc anh nghĩ : thằng cha này hư-danh, thôi thì mình cứ viết sách cho y, mặc cho y xuất bản có phương hại gì đâu. Tháng đầu ông giám đốc « Viện Văn-Hóa » được thù lao 800 đồng, 1 tạ gạo, 2 tấn nước mắm và 4 ki cá khô. Anh trừ tác được một cuốn sách mỏng, phỏng dịch theo sách Tàu, nói về cuộc oanh tạc nguyên tử hai thành phố Nhựt.

Viết xong, anh đưa cho Nguyễn-văn-Cui đọc.

— Anh viết gì trong đây? Ông Chủ hãng Thiên-Lực hỏi :

— Những cảnh rừng rợn của 2 thành phố Nhựt sau khi bị thả bom nguyên tử.

— Thế có nói đến cách thức chế tạo bom nguyên tử không? Có nói đến thì người ta mới thích đọc?

— Trời đất ơi! Nếu tôi biết cách chế tạo bom nguyên tử thì có lẽ tôi đã sang bất cứ nước nào, tôi cũng được tiếp đãi như bậc đế vương, còn đâu mà ngồi dịch sách cho anh.

— Nếu vậy, cuốn sách này bán không chạy, không nên in làm gì?

Câu chuyện hài hước trên đây đã kết thúc cuộc « liên lạc văn hóa » giữa một thi sĩ sống bừa bãi và một phú thương ôm mộng... chế bom nguyên tử...

« Viện Văn Hóa » của hãng « Thiên-Lực » mở ra sống được đúng một tháng, với một nhóm viên duy nhất vừa làm giám đốc và chỉ viết được đúng một cuốn sách dề... không xuất bản.

Anh Thử-Khanh bỏ chức làm giám đốc « Viện Văn-Hóa » để trở về với cái nghèo đói của con người văn nghệ.

Ít lâu sau, anh làm báo « Quân-Chúng » rồi từ trần ở trong túp lều tranh của anh, vẫn trong cảnh túng thiếu, cực khổ.

(Còn nữa)

✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿ ✿

Một giấc Mơ hoa

✿
✿
✿



✿ DUYÊN HỒNG

✿ Ngày 26

(Xem P.T. từ số 55)

Mấy hôm nay đau răng, chẳng học-hành gì được cả. Cũng chẳng buồn ghi chép nữa. Tại sao tự nhiên Hồng bị đau răng như thế này ? Khờ lắm, Giời ơi là Giời ! Đau quá, chịu không nổi, Giời ạ ! Một chiếc răng cửa, đang lành mạnh xinh đẹp, trắng-nôn trắng-nà, bỗngưng Hồng đang ngồi làm bài, cảm thấy nó đau rưng-rức lên. Thế có lạ không ? Rồi đêm nằm, nó nhức-nhối quá, như thể ai cầm búa đập vào nó vậy. Đau rên cả lên đến đỉnh đầu, ở cả hai bên má ! Hồng muốn khóc lên được. Đau đã mấy hôm rồi mà Hồng chẳng dám

nói cho Thầy Me biết, sợ Thầy Me bắt phải đi nhờ răng thì có nước chết !

Lạy Giời, răng của Hồng đau thì Hồng cũng ráng chịu, nhưng đừng có gãy nhé ! Đừng có rụng như chiếc lá mùa Thu !.. Hôm Tết, anh Hải khen răng của Hồng đẹp lắm. Anh ấy bảo « Hồng cười, để lộ hai hàm răng ngọc, duyên-dáng làm sao ! » Chẳng hiểu anh Hải khen thật, hay khen nịnh, Nhưng Hồng cứ lo sợ ngộ nhờ một chiếc răng « ngọc » của Hồng bị gãy, hay Hồng bị sún răng, thì nụ cười của Hồng còn duyên-dáng làm sao được nữa ?

Phần thì răng đau, phần thì Hồng cứ lo sợ răng gãy, mấy hôm nay Hồng buồn — buồn-buồn... ! Hồng chả muốn một tý sắc đẹp nào của Hồng bị hư-hỏng. Sắc đẹp của giời cho, nếu rui-ro sứt mẻ đi một tý, dù một tý thôi, chắc Hồng cũng khổ lắm. Chẳng biết người nhón, như Thầy Me chẳng hạn, bị rụng mất vài ba cái răng, có thấy khổ không ? Hồng mới nhưc mỗi một chiếc răng cửa, Hồng đã lo sợ. Hồng muốn sắc-đẹp của Hồng được nguyên vẹn thắm tươi mãi mãi...

★ Ngày 29

Răng đau ới, Hồng khổ vì mày ! Mày có « thông-cảm » với tâm sự của Hồng mấy hôm nay không ? Hồng sợ bị bắt buộc phải đến thợ nhổ răng, nên Hồng cứ ngậm cầm chả dám « hé răng » cho Thầy Me biết. Nhưng hôm nay Hồng không thể nào giấu được nữa. Vì Hồng ăn cơm không được, Me hỏi, Hồng phải thưa thật. Hồng chỉ bảo : « Thưa Me, hình như con đau răng, không biết có phải không ? » Me hỏi :

— Con đau răng hay không thì con biết, chứ sao lại « hình như » ?

Hồng muốn cười, nhưng nụ cười của Hồng hôm nay chắc là « vô duyên » lắm, Me bảo :

— Con có thấy nhưc răng lắm không ? Sao con há miệng ra không được ?

Hồng gục đầu xuống bàn, khóc..

Me đến đứng cạnh Hồng, Me đặt bàn tay dịu hiền trên vai Hồng, Me khẽ cúi xuống bảo :

— Con đau cái răng nào, Me xem...

Hồng vừa khóc vừa giè nhòì :

—Cái răng giữa... con nhức lắm...

— Sáng mai, Me đưa con đến Đốc-tò nhờ răng nhé ?

Thế là hồng ! Một tai nạn lớn-lao đang chờ đợi Hồng... Điết mà Hồng sợ nhất, sắp phải xảy ra!..

Hồng lắc đầu lia-lịa. Me hỏi :

— Sao thế ?

— Con không đi đâu.

— Con phải đi cho người ta xem cái răng đau làm sao, đi người ta chữa cho con chứ.

Hồng chỉ biết khóc thối. Răng đau ơ, mi đang xinh đẹp thế, sao mi phản bội tao, mi làm khổ tao, mi nghe chưa ?

★ Ngày 3 tháng 3

Me cầm xác, đứng bên cạnh Hồng. Xem chừng bà Cụ cũng bán-khoản áy náy. Bà bác-sĩ nha-y bảo :

— Cái răng bị sâu ăn. Phải nhổ.

Hồng muốn khóc oà lên ngay lúc bấy giờ.

Hồng đã chờ đợi bàn-án kinh-khủng ấy ! Người ta có tha cho đâu ...!

(Hồng còn ẽ cả người, chả muốn chép vào nhật-ký cái cảnh nhờ răng khùng-khiếp hồi sáng nay !)

Hồng buồn lắm. Hồng có ngờ đâu « hai hàm răng ngọc » của Hồng được anh Hải khen là « duyên-dáng làm sao !.. », lại có một chiếc bị sâu ăn, phải nhổ đi ! Nó lại ở ngay giữa cái miệng, nơi trăm nghìn cặp mắt bàng quan ngó vào...! Bây giờ nó không còn ở đấy nữa, than ôi ! Bàn tay tàn-nhẫn của nha-y đã cầm kèm lỏi nó ra và vứt nó trong một ống nhổ. Hồng chả tiếc rẻ một cái răng khốn-nạn

bị sâu ăn, làm cho Hồng đau gần cả tháng nay. Nhưng Hồng lo buồn là ở chỗ trống ấy sẽ lấy gì thay thế vào ?

Hồng soi gương mãi. Hồng cười để ngó vào gương xem lúc Hồng cười, cái lỗ trống ấy có xấu-xí, kỳ-cục lắm không ? Giời ơi, nụ cười của Hồng hôm nay trông rỗng làm sao ấy !

Mới 16 tuổi mà Hồng đã bị nhờ mất một cái răng ‘ngọc’, nhưng hạnh-phúc của Hồng sau này sẽ bị sút xé như thế không ?

★ Ngày 5

Chuyện ‘dứt gân’ !!!

Hồng đang cặm-cui làm bài toán sức nghe ngoài phòng khách tiếng ai giống như tiếng bà K. T. nói với Me :

— Miễn là hai Bác nhận nhờ cho, là tốt... Còn việc cưới hỏi, thì lúc nào lại chả được...

Hồng bỏ bút xuống, lắng tai nghe... Hai bà cụ nói chuyện gì... bí-mật với nhau đã lâu lắm nhưng qua câu chuyện nghe lồm Hồng hiểu là bà K. T. muốn dạm hỏi một người con gái của Me (?) cho một cậu con trai nào đó. Hồng nghe không rõ... Thoạt tiên chưa biết là bà K. T. dạm hỏi cô gái nào, chị Mai, hay chị Vân ? Nhưng sao lại Hồng nghe Me già nhờ :

‘Cháu, nó hãy còn bé lắm...’ ??

Hồng nghĩ : chị Mai và chị Vân đều nhón cả rồi, đã đến tuổi lập gia-thất, chứ còn bé gì nữa ? Nếu có người xứng đáng, thì chắc là Me bằng lòng gả ngay chứ còn chờ gì ? Bé là Hồng đây này, nhưng chả nhẽ người ta đi «hỏi» con bé 16 tuổi ư ? Hồng không thể tưởng-tượng chuyện như thế được. Con chim Hồng đang bay lả, bay la... bay ra cái công... bay vào cái sân... ai đã toan tính đưa tay ra bắt nó Ồ ? ! ai mà gan thế nhỉ ?

Hồng lên đi chân không, đến cửa phòng dán mắt vào khe cửa dòm ra ngoài phòng khách để xem người đàn-bà nào đấy... Đúng là bà K. T. ở Cầu Muối, bạn thân của Me. Hỏi còn ở Hà-nội, bà

K. T. ở phố hàng Nón. Hồng có đến đấy một lần với Me, lúc bấy giờ Hồng còn bé tí-teo. Hình như bà K. T. có hai ông con gái nhớn đã có vợ rồi, và hai bà con gái cũng đã có chồng rồi. Hai là bà K.T. "hỏi" Hồng cho cháu nội cháu ngoại của bà ? !!

Chuyện dứt gân thật !

Chờ xem chiều nay hay mai Me có nói gì không...

★ Ngày - 5 - 3.

Chàng nghe Me nói gì về câu chuyện của bà K. T.

★ Ngày 6 . 3.

Loan ưa làm dáng quá. Đi học mà diện không khác nào đi dự tiệc. Hồng đoán chắc ở nhà Loan ít có học bài nên đến trường không bao giờ thấy Loan thuộc bài. Hình như Ba Má Loan "cung" Loan lắm, để cho Loan tự-do muốn làm gì thì làm. Trong những giờ chơi, Loan nói với Hồng nhiều chuyện "động trời", mà thật ra, Hồng chẳng bao giờ dám nghĩ đến. Loan có những hai bức ảnh của hai cậu con trai, mà Loan giấu mãi trong cặp. Hôm nọ ngẫu nhiên Hồng bắt gặp một tấm trong quyển «*Việt-văn giảng-luận*» của Loan trao Hồng mượn. Cái xù ấy đeo kính cận-thị, cũng chạc 16, 17 tuổi. Sau lưng bức ảnh, có đề : «*Mến tặng Hồng-Loan, đề kỷ-niệm một nắng chiều vương tơ*» — Chả hiểu anh chàng cận-thị muốn nói cái gì ? «*Kỷ niệm một nắng chiều vương tơ*» là cái quái gì ? Hai người thân nhau thế nào mà đã tặng ảnh nhau ? Chắc là Loan đã có «*rendez-vous*» với anh chàng, cho nên mới có "một nắng chiều vương tơ" chứ ? Chả trách, Loan bạo quá ! Hồng chả bao giờ lãng-mạn như Loan được. Chiều thứ năm tuần rồi, Loan mở bóp nhỏ của Loan, lấy cho Hồng xem tấm ảnh Loan mới chụp ở Lys-photo. Không ngờ, xui cho Loan, trong lúc Loan rút tấm ảnh ra, Loan vô-ý đánh rơi xuống đất một tấm ảnh khác. Hồng nhanh tay cúi xuống nhặt và hết sức ngạc-nhiên thấy ảnh của một người con-giai khác ! Hồng biết xù này : Th... học đệ-tử ở Chu-văn-An. Loan vội-vàng chụp lấy, cười

rất tự-nhiên. Hồng giả ảnh lại, sau khi đã đọc câu đề tặng của Th... :

« Thân-ái tặng Loan, người đẹp đêm Noel 1955. »

« Thủy mong rằng hình-ảnh đầu tiên này sẽ không bao giờ
« phai mờ trong ký-ức của Loan. »

Hồng ngỡ ngàng quá. Hồng càng ngạc-nhiên thấy Loan chẳng
ngỡ ngàng tí nào. Loan chỉ cười, cất ảnh Th. vào bóp, và bảo : « Thủy
mến Loan, nhưng Loan không đề-ý đầu, Hồng ạ ».

Nghĩ buồn cười, tại sao Loan phải nói dối với Hồng làm chi thế?
« Không đề-ý » đến người ta mà cất ảnh của người ta trong bóp ?

Ghi vào Nhật-ký cho vui thế thôi, chứ chuyện của ai, mặc ai.
Loan cùng tuổi cùng lứa với Hồng, mà Loan giao-thiệp với « bạn-giai »
nhiều thế, Hồng chịu thôi. Giá sử Hồng muốn « rendez-vous » với anh
Hải, Hồng muốn tặng ảnh cho Hải, đâu có sao, nhưng Hồng không
thích thế.

Loan giao-thiệp tự-do quá. Chả trách cô ả diện « một cây » !



★ Một Bài toán.

Trước khi từ-giã nhà hộ-sinh, thiếu-phụ cần lại đưa con trai;
mới đề trước đó 10 ngày. Nó cần được 3 kí. Ông chồng xem hóa đơn
của bà Mụ tính các thứ tiền tổng-cộng 3000\$. Ông chế đất, và bảo bà
Mụ :

—Nhu thế, thành ra giá tiền đưa bé này là mỗi kí 1000 đồng !

Hy - sinh

TRỜI bây giờ tạnh mưa, gió ngừng thổi nhưng cái lạnh của một tối trời đông cũng làm cho người ta lạnh thấu xương.

Thành ôm con ngồi khóc bên xác vợ ở bờ sông. Trong tay anh là một đứa con nít độ sáu bảy tháng đang khóc. Thành nhìn con rồi nhìn vợ, những giọt nước mắt liên tiếp chảy từ má anh xuống gần hết cổ áo.

Bên cạnh đấy, trên chiếc giường ọp ẹp một cái xác cứng đờ được phủ một chiếc chiếu nhưng không kín được còn để lộ ra đôi bàn chân trắng bết. Phía trên đầu giường, mấy cây hương và chiếc đèn bạch - lạp cháy leo-lét chỉ đủ để người ta

★ NGUYỄN-ĐỨC-DŨNG

nhìn rõ mấy vắt cơm và cái hột gà luộc bóc vỏ để trong cái đĩa trên mâm gỗ.



Hương đến tìm tôi, với một giọng buồn buồn nằng báo :

— Anh nghĩ mà xem, vì tin anh, em mới nhận lời Thành. Anh ấy ban đầu yêu em rất tha thiết nhưng khi đã chiếm trọn em rồi, Thành càng ngày càng bỏ rơi em, Thành chơi bời xa xỉ không kể gì đến em cả...

Nhìn Hương than thở tôi thấy khó chịu vô cùng. Hình như nằng đến bắt đền tôi vì tôi với Thành là bạn cùng làm một sở. Chúng tôi quen nhau, tôi nhận thấy Thành có nhiều tính tốt và Thành chưa có vợ nên tôi

giới thiệu Hương với Thành. Hương quen tôi khi còn đi học — Tôi tự nhận một chân « mai dong » giữa Thành và Hương. Ban đầu thấy họ tha thiết yêu nhau tôi cũng mừng cho hai người đẹp duyên ; nhưng khi chung sống với nhau và đến bây giờ Hương có thai thì Thành tự nhiên đổi tính, ăn tiêu xài phí và gần như bỏ rơi Hương, người vợ mà trước đây Thành yêu rất tha thiết.

Bây giờ nhìn cái bụng của Hương và nghe giọng nói méo mào ấy, tôi cảm thấy đau đớn, tức bực. Dù sao, tôi cũng có một phần trách nhiệm ở sự đổ vỡ của nàng ngày nay.

Tôi gắng gượng an ủi :

— Hương đừng nói thế. Tình yêu của người đàn ông lúc đầu rất tha thiết, nhưng khi đã thành vợ chồng rồi, thì ái tình không còn bằng bột nữa. Tôi biết tánh Thành hiếu kỳ và nóng tính. Hương nên chịu một tý nữa. Khi mà Thành chán những xa hoa bên ngoài thì anh sẽ trở lại với hạnh phúc gia đình !

Tôi còn nói nữa, nói nhiều lắm, nhưng những lời nói của tôi vô ích đối với tình cảnh gần

như bi-đát của Hương.

Tôi đã khuyên Thành nhiều lần nhưng anh đều chối sự sa ngã của anh và đổ lỗi cho Hương.

Hương sinh được đứa con gái đầu lòng. Tôi đem biểu nàng vài món quà nhỏ để an ủi.

Hương nhìn tôi, nhìn đứa bé rồi nàng khóc mà cho biết rằng nàng và Thành đã cãi cọ nhau rất dữ và Thành đã bỏ nhà ra đi được năm hôm rồi.

Tôi thấy đầu choáng váng, khi không phải hứng chịu một việc rất bực mình. Ai bảo tôi vì tình bé bạn mà « đem mối » cho người ta để hôm nay nhận một phần trách nhiệm.

Sinh đứa bé xong, Hương vẫn buồn tủi vì người chồng tệ bạc, tiền gạo dần dần hết sạch. Mặc bận con, Hương không thể tự tìm kế sinh nhai được.

Khi đã biết được Thành chung sống với một người đàn bà khác cách đây 20 cây số, Hương quyết lòng con đi tìm chồng, một là có thể làm cho Thành trở lại với mẹ con nàng, hai là xin người đàn bà đến

sau ấy phải trả lại hạnh phúc cho nàng.

Một sáng trời đông gió lạnh, Hương bỗng con ra đi về phía mà nàng biết rằng đang có Thành ở đấy. Người đàn bà khắc kho vận chiếc áo dài đen, đôi guốc đã mòn, bế đứa bé lặn lội một buổi đường chỉ được độ 10 cây số. Trên đường thỉnh thoảng đứa bé giật mình khóc thét lên, Hương phải đứng lại dỗ dành.

Đến một con sông rộng, trời sập đổ mưa, mưa như người ta cầm vò mà trút nước. Trời càng mưa càng tối, không có cầu qua sông ; chỉ có đò. Nếu không qua trước khi trời tối thì ở lại bên này cánh đồng biết lấy gì mà ăn.

Vì thế nên Hương cùng năm khách bộ hành liền kêu dò qua sông, mặc dầu nước sông đục ngầu cuộn cuộn chảy.

Đò ra giữa sông, nước xiết qua, bác lái mất bình tĩnh, đò trông tránh như chiếc lá giữa ao hồ gợn sóng, bị nước cuống phăng đi.

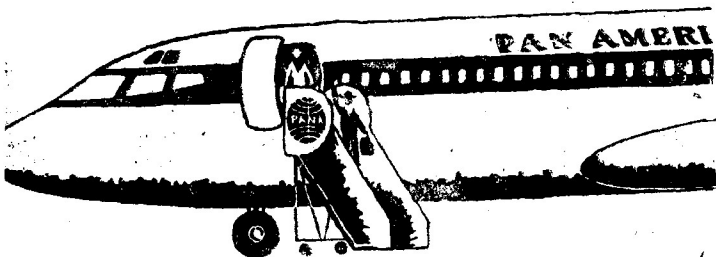
— Trời ôi !

Tiếng la vừa dứt thì chiếc đò chìm lìm. Người trong vạ ghe đồ xô ra cứu nạn. Người ta thấy một thiếu phụ cố hết sức hai tay đẩy đứa con lên khỏi mặt nước rồi lại bị nước cuống phăng đi ; đôi tay yếu ớt lại cố hết sức nhoi lên để đứa con bé lên khỏi mặt nước. Cứ như thế, đứa bé được đưa lên rồi hụp xuống cho đến khi người cứu nạn đến vớt được đứa bé thì người mẹ đã chìm để mặc sức nước cuống trôi đi !

Người ta tìm được xác Hương tấp ở bên bờ sông. Trong số người đồ xô ra bờ sông vì vụ chìm đò có Thành. Thành bỗng đứa bé được cứu sống lần khóc thảm thiết bên xác vợ anh mà người ta mới đưa lên bờ lúc chạng vạng.



Bây giờ mỗi khi về quê, phải đi đò qua khúc sông ấy, hình ảnh Hương chơi vơi giữa dòng sông, cố sức đưa đứa con lên khỏi mặt nước cứ hiện rõ ra trong trí tôi — ray rức tôi — một người phải chịu một phần trách nhiệm về sự hy-sinh của nàng.



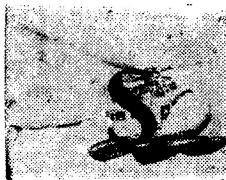
để tìm hiểu

Nha

HÀNG - KHÔNG

DÂN-SỰ

Trên công lộ, các bác tài-xế Taxi ngại nhất nhân-viên cảnh-sát công-lộ, trên không-lộ các phi-hành-gia lại e ngại những chuyên-viên kiểm-soát không-lưu.



A U t h ế -
chiến thứ
nhất, nhờ
ở những kết
quả khả
quan về
quân sự,
n g à n h
H à n g -

không dân-sự mới có một bước tiến dài. Mọi người đều nhận thấy nếu phi cơ có thể hoạt-động được trong mọi điều kiện

★ HOÀNG-THẮNG
và LỆ-MAI

thời tiết, phi-cơ sẽ là một phần tử quan-trọng của nền văn-minh.

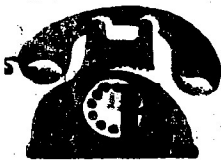
Những phù-dăng (light-beacon, LF/MF course radio range, marker beacon), liên-lạc vô-luyến không-địa (giữa phi-cơ và đài dưới đất) một chiều hoặc hai chiều theo ám-hiệu liên được thiết lập dọc theo hành-trình

phi-cơ kể từ 1927-1930 để giúp đỡ một phần nào an-ninh của phi-cơ khi đang bay.

Khi đệ-nhi thế chiến bùng nổ, bên trời Âu, nhất là Hoa-Kỳ đã thiết-lập nhiều đài kiểm-soát và Trung-tâm kiểm-soát địa-phương để giữ gìn an-ninh cho số phi-cơ dân-sự càng ngày càng tăng.

Riêng ở Việt-Nam, mãi đến năm 1940 mới thấy có lác đác một vài đài trắc giác VHF (very high frequency) và MF (medium frequency) đặt theo vài phi-trường quan-trọng.

Đệ-nhi thế chiến đã kết liễu, kỹ thuật hàng-không tân-tiến hơn và ngành HÀNG-KHÔNG DÂN-SỰ đã bắt đầu bước sang một giai-đoạn mới với số phi-cơ hoạt-động mỗi ngày mỗi nhiều hơn.



AI Việt-nam mặc dầu người Pháp đã thiết-lập một Nha Tổng giám-đốc Hàng-Không dân-

sự từ năm 1945, nhưng mãi đến năm 1947 mới thành-lập được hai trung-tâm kiểm-soát không lưu, một đặt tại Hà-nội và một đặt tại Saigon.

Trung-tâm kiểm soát không lưu địa-phương Saigon (C.C.R.=

Centre de Control Régional) là một « liên trung-tâm » vì phần kiểm soát không-lưu do quân-đội Pháp đảm-nhiệm, còn phần viễn-thông truyền-tin thì do Nha Hàng-không dân-sự phụ-trách.

Những đài vô-tuyến dăng (Radiophare) thiết-lập tại các phi-trường mặc dầu công-xuất yếu cũng giúp ích rất nhiều cho không-lưu, những liên lạc giữa Saigon với các thủ-đô Rangoon, Calcutta - Singapore - Bangkok - Manille, v.v... đã bảo-đảm đầy đủ an-ninh cho các chuyến bay quốc-tế và quốc-nội (Air France, Cosara, Bourgeois, v.v...)

Năm 1950, các công-ty quốc-gia (Air Việt-Nam, Air Laos, Air Cambodge) bắt đầu hoạt-động, cùng lúc đó « Liên trung-tâm » được đổi thành Trung-tâm hỗn-hợp đặt dưới quyền-điều-khiển của một sĩ-quan cao-cấp không-quân Pháp và một kỹ-sư khai-thác không-vận-cả hai đều là người Pháp.

Những ngày lịch sử của ngành Hàng-không dân sự Việt-Nam

Tháng 4 năm 1954, một sự thay đổi lịch sử: Việc chuyên-giao Nha Tổng giám-đốc Hàng-không dân-sự cho người Việt đã đánh dấu một bước-tiến của người Việt-Nam ở ngành này.

Song song với sự nắm chủ quyền Hàng-không dân-sự, các chuyên-viên Việt-Nam (kỹ sư không-vận viên, kiểm soát viên, v.v... tốt nghiệp tại trường Hàng không tại Pháp, Đài Bắc Saigon) đã tích cực hoạt động tại *Nha Trung-tâm kiểm soát không lưu địa phương*, các phi trường... bên cạnh các chuyên viên Pháp còn được lưu dụng.

Ngày 2-2-1957, sự chuyển giao quyền chỉ huy Trung-tâm kiểm soát không-lưu địa phương cho một kỹ-sư khai thác không-vận người Việt đã ~~khởi động~~ ~~hoạt động~~ ~~của~~ ~~các~~ ~~chuyên~~ ~~viên~~, để rồi đến tháng 8 năm đó, nhân viên phụ-trách Trung tâm gồm toàn là người Việt-nam đảm nhiệm.

Suốt ba năm sau, sự cố gắng không ngừng giữa các cấp chỉ huy và nhân viên đã tiếp tục và bảo đảm hoàn toàn cho nền an-ninh không-lưu.

Đề cho kịp với bước tiến của ngành Hàng không, một chương trình tu-nghiệp cho các chuyên viên tại Hoa-kỳ đã bước sang giai đoạn cụ-thể, đồng thời Nha cũng đã hoàn tất một trung-tâm tu-huấn ngay tại khu đặc-biệt mới được xây cất ở Tân-Sơn-Nhất. Hơn nữa, đề cho quen biết với mọi tổ chức hàng không các nước bạn, nhiều chuyên

viên đi thăm viếng các nơi như Bangkok, Singapore, Hongkong, v.v...

Ngày 11 - 9 - 1960, Trung-tâm kiểm-soát không-lưu địa-phương mới, được mệnh danh là KHU ĐẶC BIỆT gồm có trung - tâm kiểm-soát không-lưu, Trung-tâm truyền-tin, Trấn Viễn-Truyền Thâu (và ban sửa chữa), Trấn Phát-thanh, đã bắt đầu hoạt-động chính thức và hiện nay là một trong những Trung-tâm tốt nhất Đông Nam Á.

Trung - tâm kiểm - soát không-lưu (Aero Control)

RUNG-TÂM
KIỂM-SOÁT
KHÔNG-
LƯU có
nhiệm-vụ
kiểm - soát,
khuyến-cáo
không - báo



tất cả các phi-cơ bay trên không-phận Việt-Nam, Ai-lao, Cambodge và một phần biên Nam-Hải, ngoại trừ các phi-cơ ở trong vùng kiểm soát cận-tiến của các phi-trường như Dalat, Nha-trang, Đà-nẵng, Huế, Ban-mê-thuột, Vientiane, Phnom-Penh, v.v... Diện-tích ước-lượng 1.600,000 km². Tất cả không-phận đó được gọi là vùng

NHÀ HÀNG-KHÔNG DÂN-SỰ

Không-báo Saigon (F.I.R. : Flight Information Region)

Trung-tâm kiểm-soát không-lưu có nhiệm-vụ :

— *Kiểm-soát :*

a) trực-tiếp qua tần-số VHF, phi cơ bay trong vùng kiểm soát TMA (Terminal Area).

b) gián-tiếp, qua phòng liên-lạc không-địa (HF/RTF) phi-cơ bay trong phi-lộ (Air ways).

— *Khuyến-cáo và không-báo các phi-cơ bay ngoài vùng kiểm-soát.*

— *Báo nguy đối với các phi-cơ lâm nạn.*

— Liên lạc trên hệ-thống vô-tuyến trực-thoại hoặc qua *phòng Truyền tin* với các phi-trưởng trong F.I.R. Saigon và các Trung-tâm kiểm soát không-lưu kế cận (như Singapore, Bangkok, Manila, Hongkong).

Để hoàn tất nhiệm-vụ đó, Trung tâm kiểm-soát không-lưu đã thiết lập trong F. I. R. Saigon 6 phi-lộ quốc-tế, 6 phi-lộ quốc nội, 1 vùng kiểm soát (TMA), 1 hệ-thống lộ-trình khuyến-cáo trên vùng Thượng Lào và các vùng kiểm-soát cận tiến tại các phi-trưởng trong F. I. R. với sự hợp tác của các phi trưởng đó.

Trung-tâm kiểm-soát không lưu hoạt-động 24 giờ mỗi ngày. Nhân viên gồm 24 kiểm-soát viên không-lưu chia làm 4 phiên. Hầu

hết các nhân-viên đều được huấn luyện tại Việt-Nam, Đài-loan, Pháp và Hoa-Hy.

Vi sự tiến triển không ngừng của nền Hàng-không nên nhân viên thường được huấn luyện thêm, hoặc tại Trung-tâm tu-huấn (Tànsơnhát) hoặc ngay tại trung-tâm kiểm-soát không-lưu hoặc tại Hoa Kỳ.

TRUNG TÂM TRUYỀN TIN (Communication center)



RUNG-tâm truyền tin góp phần quan trọng vào sự bảo đảm an ninh không phận và điều hành các

chuyến bay bằng cách chuyên nhận tất cả loại điện văn hàng-không trao đổi giữa các phi-trưởng trong xứ, giữa các cơ quan không-lưu trong xứ và ngoại quốc, giữa các phi cơ và cơ quan không-lưu, công ty hàng không....

Để thỏa mãn được nhiệm vụ trên, đã được quy-định bởi tổ chức Hàng-không dân-sự quốc tế (ICAO : International Civil Aviation Organization), Trung tâm truyền tin được tổ chức làm 2 sự-vụ : sự-vụ cố-định và sự-vụ

tu động.

— *Sự-vụ cố-định* (Aeronautical Fixed service).

Sự-vụ này gồm có các hệ thống hoặc liên lạc xử dụng vô-tuyến viễn-ký hoặc vô-tuyến điện tin nối trực tiếp trung tâm truyền tin Saigon với các trung tâm ngoại quốc như Bangkok — Hongkong — Manila, với các phi trường trong nước và các công ty Hàng-không có đại diện tại Việt Nam như hãng Air France, Pan American, CAT.

Các đường liên lạc quốc tế, quốc-nội hiện được khai thác nằm trong cơ cấu tổ chức của hệ thống cố định, viễn-thông hàng-không quốc-tế, do đó qua sự trung gian của trung tâm truyền tin Saigon và các trung tâm truyền tin ngoại quốc khác, một phi trường ở Việt Nam có thể được nối liền với bất cứ một phi trường ngoại quốc khác nếu phi trường đó nằm trong quốc gia có chân trong tổ chức hàng-không dân-sự quốc-tế (ICAO).

— *Sự-vụ lưu-động* (Aeronautical Mobile service).

Sự-vụ này có trách nhiệm chuyên giao điện tin giữa các

phi cơ và trung tâm kiểm soát không-lưu dưới đất, thông-báo đặc tin tức cần thiết như thời tiết, phù trợ (meteo, nav aids) cho các phi cơ bay trong vùng không-báo Saigon.

Sự canh nghe thường xuyên trên nhiều tần-số vô tuyến điện thoại tất cả các phi cơ trong tầm hoạt động của phòng HF/RTF Saigon đã gia tăng an-toàn cho các chuyến bay quốc tế lẫn quốc nội.

Ngoài ra Trung tâm truyền-tin còn đảm nhận việc phổ biến Cáo-tri phi-hành gia (Notice to Airmen) với mục đích loan báo đầy đủ và kịp thời cho nhân viên phi-hành biết về tình-trạng, sự thay đổi, sự thiết lập các cơ sở thủ-tục hàng-không cùng mọi sự nguy hiểm đến an-ninh không vận.

Trung tâm truyền tin hoạt động 24 giờ mỗi ngày. Nhân viên kỹ thuật gồm có :

- 1 kỹ sư viễn-thông hàng không
- 13 kiểm-soát viên không-vận chuyên về viễn thông
- 22 không-vận viên chuyên về viễn thông
- 19 viễn-ký viên và điện-tin viên.

Những người đàn bà lòng danh trên Thế giới

13.- Những
người
yêu
của

NAPOLÉON I



IV. MARIE LOUISE

★ Quốc-vương La-Mã ★

HỒ N-lễ cử hành ngày
1-4-1810, dĩ-
nhiên là vô-cùng trọng-thể.

Làm vợ Napoléon, Hoàng-
 hậu Marie Louise được tràn-trề
hạnh-phúc, hưởng đầy đủ tất cả
tình yêu-đương tha-thiết của

(Tiếp theo P. T. số 62)

chồng.

Trong một bức thư viết về
Hoàng-đế Autriche, thân-phụ
của nàng, Marie Louise đã có
đôi lời tâm-sự :

• Từ khi con đến đây, luôn luôn

con được Người yên quý. Con rất mang ơn Người, và cũng đáp lại bằng tình yêu chân-thật... Người sẵn-sắc đến con một cách âu-yếm niềm nở, khiến con ob-cùng cảm-động... Con sung-sướng lắm... »

Metternich, Đại-sứ Autriche ở Paris, cũng tường-trình với Hoàng-đế François trong một bức thư, có một đoạn như sau :

« Hoàng-đế Napoléon lúc nào cũng tỏ ra rất thương yêu Công-Chúa và Công-Chúa cũng thông-cảm với Ngài sâu-đậm, và chịu theo ý Ngài. Công-Chúa rất phấn-khởi và hân-hoan. »

Trong một thư khác, Marie Louise viết cho Chú của nàng, là Quận-Công Wurzburg :

« Cháu không muốn để cho Người buồn-phiền một tý nào cả. »

Marie Louise quần-quít luôn bên cạnh chồng. Có khi bận nhiều công việc, Napoléon không gặt-gùi nàng trong vài ba hôm, thì nàng nhớ nhung, buồn-rầu, khóc-lóc.

Nàng viết thư cho Công-chúa Caroline, em ruột của Napoléon :

« Xa Người một ngày, tôi chịu

không được. Người đi kinh-lý nơi nào, tôi cũng hy-vọng được đi theo bên sát cạnh Người... »

Năm ấy Hoàng-hậu có thai. Rồi ngày **20 - 3 - 1811**, 22 tiếng sáng đại-bác báo tin Thái-tử ra đời, được Napoléon ban ngay cho chức-vị « Quốc Vương La-Mã ». Không những riêng Triều-đình và Hoàng-gia vui mừng được thấy Napoléon đã có thái-tử kế vị, mà toàn thể nhân-dân Pháp cũng nhiệt-liệt hoan-hô. Nước Pháp hành-diện là một Đế-quốc lớn nhất của Âu-châu và Thế-giới, và Triều-đại Napoléon là Triều-đại vĩ-vang nhất của lịch-sử Quốc-Vương La-Mã ra đời, hình như để chứng-nhận rằng ngai vàng của Napoléon được củng-cố và địa-vị bá-chủ của nước Pháp và của dân-tộc Pháp được tăng-cường hơn bao giờ hết.

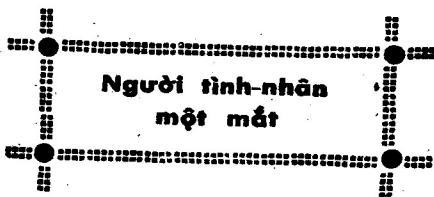
Nhưng Napoléon đâu có ngờ rằng ngôi sao chói-rạng của ông đã bắt đầu lu-mờ dần ngay sau khi vừa tắt những ngọn pháo-bông rực-rỡ muôn màu chào mừng Quốc Vương La-Mã.

Hương vị ái-tình của Napoléon

và Marie Louise vẫn được say-sưa, ngào-ngạt, hạnh-phúc gia-đình trong cung-điện Tuileries vẫn được êm-ấm, cho đến cuối tháng 3 năm 1814... vốn-vẹn được 3 năm! Uy - thế của Napoléon đang hiển-hách, bỗng dưng ngày 30 tháng 3-1814 Hoàng-đế nước Pháp phải thoái-vị sau một trận đại-bại bất ngờ trên chiến-trường Âu-Châu. Ba nước Anh, Nga, Đức liên-minh đem toàn-lực quật ngã nhà độc-

tài trên bờ sông Niemen,

Napoléon bị đày ra đảo Elbe cheo-leo giữa Địa-trung-Hải, tuy còn được giữ nguyên chức-vị Hoàng-đế. Marie Louise không còn ở trên ngôi Hoàng-hậu nước Pháp nữa, nhưng chính-phủ Anh là kẻ chỉ-huy cuộc chiến thắng anh-dũng này, lập mưu-kế không muốn cho Marie Louise theo chồng, và tặng cho nàng chức Quận-Chúa ngự-trị riêng biệt vùng đất Parme ở nước Italie.



N GƯỜI ta muốn chờ xem Marie Louise phản ứng như thế nào. Nàng có chống lại quyết-định của ba Cường-quốc liên minh không? Hay Cựu Hoàng-hậu nhất-quyết đòi theo chồng ra làm Vua trên hòn cù-lao bé-xiu? Đầu tiên,

nàng tỏ ra trung-thành với Napoléon, người chồng mà, trong bốn năm chung sống, nàng đã tha-thiết yêu-quý, chịu-chịu, kính-phục. Mặc dầu Hoàng-đế François d'Autriche, thân-phụ của nàng, bắt buộc nàng phải đem con về ở bên cạnh ông, tại Kinh-đô Vienne. — người ta

Bốn bắt cóc con trai của Napoleon không cho nó theo cha, — ông cũng xin phép Hoàng-đế François cho nàng đi nghỉ mát ở nước suối Aix, trong tỉnh Savoie, một đôi tháng rồi nàng định-liệu. Marie Louise lúc bấy giờ vẫn một lòng thương mến Napoléon mà trước kia, ở Paris, trong những giờ phút nghỉ ngơi trong tay chồng, nàng thường gọi yêu là *Nana* hay là *Nap*. Marie Louise nhất định không đặt vượt biển tìm người yêu ở đây ngoài hoang-đảo. Hoàng-đế François chỉ ưng thuận cho nàng đi nghỉ mát ở Aix, nhưng phải để đưa con trai ở lại kinh-đô Vienna với ông ngoại nó.

Để dụ - dỗ Marie Louise, Hoàng-đế François mưu-mô với Thủ-tướng Metternich của Autriche, sai một viên thiếu-tướng đến ở bên cạnh Quận-Chúa để hầu hạ nàng. Viên tướng ấy tên là NEIPPERG.

Thâm-ý của những kẻ thù của Napoléon, — bốn nước Anh, Nga, Đức, Autriche, — là giữ con trai của Napoléon là Quốc-Vương La-mã (đưa nhỏ mới 3 tuổi) ở tại kinh đô Autri-

che, kèm chế nó, đừng cho nó biết một tí gì về Napoléon, dạy cho học tiếng Đức, và khi nó lớn lên sẽ cho nó vào quân-đội Đức, để cho nó đừng có cơ-hội trở về đất Pháp gây lại uy-tín, nối theo nghiệp cha. Vì bọn thù địch của Napoléon biết rằng hễ con trai của Napoléon xuất hiện trên đất Pháp thì toàn thể nhân-dân Pháp sẽ hoan hô nó và tôn nó lên ngôi Hoàng - đế, kế vị Napoléon đệ-nhất. Để thực hiện thâm-mưu ly gián ấy, Hoàng-đế Autriche hủy bỏ chức vị « Quốc-Vương La-Mã » của đứa cháu ngoại, và đổi lại cho nó chức « QUẬN CÔNG REICHSTADT ». Nó cũng không được ở gần mẹ nó, mà bị giao-phó về sự nuôi dưỡng và dạy dỗ cho Hoàng-hậu Marie Ludovica, bà mẹ ghẻ của Marie Louise và là người thù không đội trời chung của Napoléon.

Marie Louise lúc đầu tiên không biết âm-mưu chia rẽ ấy. Bà dự tính ở nghỉ mát tại Aix ít lâu, rồi sẽ đòi đem « Quốc-Vương La-Mã » đến đây để hai mẹ con cùng xuống tàu ra đảo Elbe.

Nhưng việc xảy ra sai hẳn với

dự-định của bà. Bà được tin vua cha, Hoàng - đế Autriche, bắt buộc bà phải đi lập - tức đến Parme để nhận chức Quận-Chúa ngự-trị nơi đó. Napoléon bị đẩy ra đảo Elbe rồi, thì bây giờ bà hoàn-toàn bị ở dưới quyền kiểm-soát của vua Autriche. Bà lại được tin cho biết rằng tướng Niepperg đang chờ đón bà tại ngoại-ô Genève, ngày 17 - 7 1814 để đưa bà đến Parme.

Bà-tước NIEPPERG là một nhà võ-tướng ngoài 40 tuổi, con mắt bên phải bị hư, phải bịt lại, vì một lưỡi gươm đâm vào giữa một chiến-trận. Trông bộ-tịch kịch cớm của ông ta, đàn bà không thể nào ưa được. Hoàng - đế Autriche và Thủ-tướng Metternich giao-phó cho ông nhiệm-vụ làm quan cận-vệ bên cạnh cựu Hoàng-hậu Marie Louise, vì ông là người rất thù ghét Napoléon, luôn luôn mong ước cho Triều-đại Napoléon sụp đổ. Ông được phái đến hầu hạ Marie-Louise với mục đích không cho bà gần-gũi người Pháp, nhất là người nhà của Napoléon và các người còn trung thành với Cựu Hoàng-đế



NIEPPERG

Pháp. Một vài nhà Sử-học lại gán cho Vua Autriche, thân-phụ của Marie-Louise, cái ân-y muốn cho Neipperg tìm lời đường mật quyến-dụ Marie Louise để làm tình-nhân của bà, để bà đừng còn tưởng nhớ đến Napoléon nữa.

Mấy ngày đầu, Marie Louise rất ghét viên quan Cận-vệ Neipperg. Nhưng Neipperg khôn-khéo và nhẫn-nại, ngày một ngày hai dùng đủ các manh lối khôn-khéo để dụ-đỗ bà và

l cuộc là chinh-phục được
h tìm quá dễ-dàng của Nữ
hân-Chúa.

Chỉ trong vòng hai tháng,
vụ Hoàng-hậu Marie Louise,
vợ chính-thức của Napoléon,
là nghiêm-nhiên trở thành cô
anh-nhân... gần như chính-
thức... của viên quan Cận-vệ
Neipperg!

Marie Louise, người đàn-bà
nhẹ dạ, viết thư về Vua cha
ở Autriche, đã nói : *"Bà-tước
Neipperg rất chin-chuông con,*

*con rất thích những cử-chi của
bà đối với con."*

Trong lịch-sử thường có
những chuyện dùng đàn bà con
gái đẹp để quyến-dụ kẻ thù ;
đây, trái lại, bốn cường quốc
liên-minh chống Napoléon lại
dùng tên võ-tướng một mắt, để
quyến rũ vợ Napoléon, để cô-
lập hóa người anh hùng mặt
vạn đã bị đẩy ra hoang đảo...

KỶ SAU : để trứng trong
cái tổ của chim Đại-bàng
— (Chateaubriand).



*** Biết chọn ai ?**

Một thiếu-nữ lãng-mạn nói với cô bạn cùng lứa :

— Ước gì pháp-luật cho phép mình được lấy một lúc 3 người
chồng nhỉ !

— Tại sao thế ?

— Mình có 3 người yêu mà người nào cũng muốn cưới mình :
Xuân thì triệu phú nhưng du-côn, Thu thì đẹp trai mà nghèo, Hạ thì
hiền-lành ngoan-ngõn mà lại nghèo. Tổ phán vãn chưa biết lấy ai ?

KHÓC

CHA



Con nhớ ngày xưa con đã khóc,
Khi xe tang lăn bánh đến nghĩa trang,
Đề đưa cha, dùi-dĩa giữa là vàng,
Về thế-giới mà người đời chưa biết.

Nhưng cha hỡi, ngày nay con hỡi tiếc
Đã khóc nhiều, làm lưu-luyến hồn cha.
Cha đi về nơi có vạn mùa hoa
Thì đâu có chuyện gì con phải khóc.

Hay con sợ những ngã đường ngang đả
Mà thân con, cõi lẽ, phải lần qua ?
Vậy thì con, nào phải khóc chọ cha :
Con chỉ khóc vì lòng con ích-kỹ.

Nếu hôm nay cha già đời, an nghỉ,
Con khóc cha bằng những nụ cười tươi,
Con tiến cha bằng giọng hát, tiếng cười
Cho phần khởi một tâm-hồn giải-thoát.

THIÊN-THU
(Chợ-Lớn)



Trời xứ Huế chiều ni mưa
Không biết buồn hay không nữa.
Mưa bay, bay vào song cửa
Ai chừ chắc nhớ ai chưa..!

Gió chùng như vừa trở lạnh
Nghe dẫu đây tiếng thổ dài
Chiều e vừa vào hiu-quạnh
Cho buồn tâm-sự mưa bay.

Hình như trời mưa xứ Huế
Là trời dành để nhớ thương...
Bâng khuâng lên vào tâm-sự
Mưa chi cho lạnh phố phường !

Đường mô chừ về heo hút
Ai chừ lòng gởi cô-đơn
Xứ Huế chiều mưa rét mướt
Lòng như thoáng chút buồn hơn !

MỘNG-HOÀ-HUYỀN
(Mỹ-Thuật, Huế)

mưa xứ
Huế



ma không chồng

(Xem P.T. từ số 60)

LISZT, HAY LÀ CUỘC TẠM ẢN LỠ

LÚC bảy giờ Liszt bỗng nhảy vào cuộc đời bà « bá tước » trong một vài tuần. Người nhạc sĩ với vẻ mặt lãnh đạm xanh xao, « đẹp như một bức á thánh », và Marie, nồn nà và kiêu diễm với gương mặt thiên thần ấy; chàng, vừa dứt tình với bà bá tước Agoult từ mấy tháng nay; nàng, bị Alexandre Dumas bỏ rơi nên thành có chồng cũng như không chồng và sẵn sàng cùng chàng nhạc sĩ hòa tiếp bài ca Á-tinh.

Trong một buổi hòa nhạc, nàng vừa thoáng thấy Liszt trên sân khấu. Chàng dường trò chuyện với Jules Janin. Nàng nhìn

chàng, dán đôi mắt đen sâu thẳm qua làn kính nhòm màu lam lên chàng nhạc sĩ. Liszt bàng hoàng, hỏi Janin :

— Bà nào đang nhìn tôi mà đẹp thế kia ?

— Sao, anh không biết người ấy ? Nhà phê bình Janin nói. Đó là cô Duplessis, hay đúng hơn, là bà bá-tước Plessis, một bà hoàng hậu trong các đại tướng phu nhân của chúng ta...

Ngày hôm sau, khi vị thầy thuốc Koreff đến nghe bệnh cho Marie, nàng hỏi ông ta có biết đến Liszt hay là không.

— Biết nhiều lắm. Vị lương y bảo thế.

Và như Marie có vẻ điều tra về Liszt, ông lương y vừa cười vừa thêm vào :

— Rồi vì ông ta được cái may mắn làm cho cô vui thích, rồi sẽ ghi ông ta trên đơn thuốc cho cô...

Hai hôm sau, ông thầy thuốc mời Liszt đến dự một bữa tiệc với Marie. Cũng ngồi đối diện nhau, Franz Liszt và Marie Duplessis nhìn nhau say đắm, hai người ngây ngất dề mê. Một ngọn đèn sáng rực, nhảy múa trong đôi mắt xanh của Liszt, và trong đôi mắt đen thẫm nặng nề của Marie. Koreff cũng như các vị thực khách khác, đều chán nản, vai trò lu mờ mãi cho đến lúc tàn canh vào khoảng hai giờ sáng. Liszt ngồi chơi dương cầm... Marie thần thờ kéo về phía nàng nhà soạn nhạc tóc nâu...

Rồi họ dự định cùng nhau đi Constantinople.

Marie vỗ tay reo mừng như một đứa bé ; và một hôm chàng nhạc sĩ mang đến cho nàng những tập tranh ảnh đẹp : những phong cảnh mơ màng ở đông phương, những đoàn lũ hành lang thung bên những ốc đảo xanh trong vùng cát trắng, những con lạc đà nghỉ chân dưới bóng cây thốt nốt, cây lịch, dương, những

người A-rập, những người da đỏ, những ngôi chùa cò kính bên gốc cây bồ đề, cây hường...

Và nàng đã giao du với Franz, lộng lẫy trong bộ đồ Thổ-nhĩ-kỳ : cặp mắt vẫn đen thẫm dần hẳn lên chàng nhạc sĩ Franz. Rồi chàng và nàng thỏa thuận với nhau là sẽ gặp lại ở Pesth, một nơi thơ mộng ở gần phương đông, sau khi chàng đã giải quyết xong xuôi công việc ở Weimar và giải tán các buổi hòa nhạc ở đây.

Tuy nhiên, cuộc chia tay của hai người cũng khá buồn tẻ. Marie đã cố mỉm một nụ cười và chàng đến bước lên đường. Qua khung cửa, nàng đắm chiêu nhìn bóng người quen thuộc từ từ xa dần. Rồi một góc đường bỗng nhiên nuốt mất chàng, nuốt mất cả cái hình bóng mảnh khảnh thân yêu...

Và nàng cũng đã không bao giờ gặp lại chàng, không bao giờ lại thấy được cái hình bóng mảnh khảnh thân mến ấy. Đàn chim xanh bỗng bay hẳn lên trời và những đóa hoa Hường tàn tạ. Vận số đã không hoàn thành cho nàng cái giấc mộng của đời.

Franz Liszt đã giữ được của Marie những kỷ niệm rất là hiền

dịu. Đã có lần chàng tâm sự cùng bà Janka Wohl, người đã viết tiểu sử của chàng sau đó :

... « Tôi thường không có thiên vị, cho những người như Marion Delorme hay cả cho những người như Manon Lescaut... Nhưng Marie Duplessis lại là một trường hợp ngoại lệ. Nàng có một tâm lòng quảng đại, nhiều đức tính tốt, nét mặt vui tươi hoàn toàn lý tưởng, và tôi cho rằng nàng là một người độc nhất vô nhị trong hạng gái danh-kỹ hào hạng ấy... Cuộc du lịch sang Constantinople mà cái viễn cảnh đã làm cho nàng say sưa, là một trong những giai đoạn của cuộc đời trốn tránh khó nhọc mà tôi đã tiếc nuối vô ngần... »

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Những cơn ho kinh khủng lại đến với nàng, làm nàng cuồng loạn, dẫy dụa. Đôi khi những cục đàm chặn ứ cổ nàng, một vài mảnh máu làm hoen ố chiếc khăn tay. Nàng sợ sệt và mời thầy Koreff. Ông ta luôn luôn săn sóc nàng, cho nàng uống những vị thuốc như hồi nào. Cũng bởi nàng không còn đào

dâu ra được một mối lợi nào nữa, nên nàng tưởng rằng thầy Koreff đã muốn cho nàng qua đời, nàng cảm ơn. Nàng hỏi ý thầy Louis, bác sĩ Manec ở bệnh viện Trung ương, và nàng chọn làm thầy thuốc hầu cận nàng, bác sĩ Chomel, một bác sĩ của hoàng tộc, và bác sĩ Davaine là người có một tâm tình hiền dịu mà nàng mến chuộng.

Họ cấm nàng không được ra ngoài khi không có ánh nắng mặt trời, và chỉ ra ngoài vào khoảng ba giờ chiều; họ cũng cấm nàng nói lớn tiếng nhiều. Nàng theo phương pháp dưỡng bệnh ấy cũng không sát lắm. Thay vì nằm ở nhà và mặc dầu mỗi tối nàng bị sốt, nàng vẫn tiếp tục dự các buổi dạ vũ, đi coi hát, ngồi ở quán café Anglais, ở nhà vàng... Nàng trở về thường hôn hèn thờ dốt, chân tay run lay bầy, không thể bước đi. Hoặc đôi khi nàng ngồi trên cò xe ngựa màu xanh da trời để lang thang vào rừng. Nàng bước xuống một lúc, thơ thần dưới bóng cây, lượn mình trên những hoa lá xào xạc, rồi trở ra xe giục người xà ích : « Về phố ! ». Một đôi lần như thế, người, xà ích

chấy nàng nằm tàn tạ trên chiếc gối dựa màu xanh trên xe.

Những ngày cuối cùng của Marie đã đến. Những ngày cuối cùng bệnh hoạn, nàng bị dồn ép, và trải qua một chuỗi dài thất vọng rồi hy vọng; nàng bị mất hẳn thăng bằng, lúc điên cuồng lúc hiền dịu và yếu đuối trước chuỗi ngày khủng khiếp dằng dặc phải vượt qua. Sự hỗn loạn ấy đã làm cho người ta kinh ngạc. Saint Victor đã viết: «Cuộc đời mà nàng đã sống đã từ chối sự chịu đựng, nói bệnh hoạn, những hơi thở hắt ra rồi lại hít vào cái bụi bặm cũng chính cái bụi bặm đã được hắt ra ấy. Ngọn lửa nổ bùng đâu có tin nằm tro tàn là một sự thật. Không có một bộ xương khô nào ẩn dưới chiếc áo lộng lẫy trong buổi dạ hội!»

Thế nhưng mà Marie Duplessis bỗng thất thần tìm một nơi nương tựa vào nhà quý tộc đúng mực hào hoa phong nhã, bá tước Pierre de Castellane, để sống những tuần lễ tối thượng còn lại trong đời nàng. Bá tước Castellane say mê nàng con gái đầy chết ấy một cách chân thật, nàng con

gái trong cái rục rờ huy hoàng còn có được vẻ siêu quần và một vẻ xanh xao cao thượng. Ở dạ lộ Madeleine, chàng được nhìn nàng say đắm, và tránh cho nàng những cảnh léo nhéo của các chủ nợ...

Marie đi xem hát lần cuối cùng chính là với chàng, ấy là lần đi xem vở kịch *La Poudre de coton* của Dumanoir và Clairville ở điện Hoàng-gia. Nàng phúng phính trong bộ áo lông chuột hương, khuôn mặt lộ rõ lên như những nụ hoa tuyết lớn. Nàng mỉm cười với bạn bè nàng gặp trong phòng. Một khán giả có bảo: «Nàng không còn là một cô gái dậy thì nữa, mà là cái bóng của một thiếu phụ một cái gì trong mờ và trắng toát, xương thịt và áo quần».

Những ngày đầu năm 1847 đã đến. Từ đó, nàng tàn tạ một cách nhanh chóng. Cơn sốt dần dần nuốt tươi nàng. Rồi nàng lại tươi hẳn trở lại như một ngọn lửa bùng loé lên.

Đôi khi nàng nhìn qua cửa sổ, lần tuyết rơi trải trắng đường phố và những vỉa hè. Nàng vào bàn giấy, cố viết một lá thư cho

nhà hàng, nhưng rồi nàng không thích, cũng không đủ sức để viết và Clotilde phải viết cho nàng; và thỉnh thoảng, Clémence Prat phải đem những món đồ trang sức quý giá đi cầm cho nàng.

Ngày ngày, nàng suy nhược dần, ít khi rời khỏi giường để nằm dài trên chiếc divan lót nệm hoặc ngồi vào lòng ghế bàn nữa. Con chó Tom của nàng liếm bàn tay nàng với những giọng than vãn đáng thương. Nàng hiền từ vuốt ve nó. Rồi mặc dầu những khúc củi trong lò, sưởi vẫn cháy thành ngọn cao, nàng vẫn bị lạnh và người ta phải đặt nàng nằm vào giường. Nàng thường bị mê muội phật phờ và không thể nào ngủ yên giấc. Bác sĩ Davaine rất cảm động, sau khi chuẩn bị cho nàng xong, thường vẫn ngồi lại cạnh nàng, nắm lấy tay nàng, nói chuyện với nàng về mùa xuân ấm áp, về hoa trắng hoa vàng, và ông cũng thấy mạch máu nàng nhẩy đều hơn... Nàng lại hy-vọng, lại lo lắng đến thời trang, về lối phục sức theo từng mùa...

Những bức thư của bá tước Castellane từ Phi-châu gửi về làm cho nàng tưởng đến cánh rừng thốt nốt, những túp lều

trại, những chiếc áo sợi quàng và những phương thuốc thần hiệu mà người ta bảo là do những người đàn bà ở những xứ ấy chế biến ra.

Edouard de Perregaux, người đã bị nàng tống khứ một ngày nào, giờ lại được Clotilde ban cho cái ân huệ nhìn thấy Marie khi nàng vừa thiu ngủ. Nhìn thấy Marie, Edouard bỗng khóc oà. Người đầy tớ trung thành Clotilde nói với Edouard :

— Mấy ông thầy thuốc bảo tôi rằng bà đã tuyệt vọng rồi, ông ạ.

Những cơn ngạt thở lại đến, và vào buổi mai ngày đầu tháng hai năm 1847, nàng không thể nào nói được nữa. Bác sĩ Davaine chích lấy huyết động cho nàng. Nàng lại nói được, nhưng rất yếu ớt. Bác sĩ khuyên nàng nên cho mời một vị cha đạo, và nàng bằng lòng. Rồi chính Davaine đi mời một tu sĩ ở nhà thờ Saint Roch. Khi ông ra đi, Marie nhờ Clotilde mở tủ áo của nàng, chọn cho nàng một chiếc nón đội đầu, một áo dài có nhiều đường ren :

— Tôi sắp chết rồi, nàng nói. Em mặc áo cho tôi những thứ

này.

Clotilde nước mắt dàn dụa, đau đớn làm theo lời chủ. Vị tu sĩ bước vào phòng và rửa tội cho nàng. Lúc ra về, vị tu sĩ bảo với Clotilde :

— Bà bá tước đã sống như một người có tội, nhưng bà chết như một con chiên hiền lành.

Một lát sau, tu sĩ lại đến, dẫn theo một đứa trẻ cầu kính mang một Thập tự giá có hình Jésus Christ, và một người giữ Thánh vật đi trước, rung chuông để biểu lộ rằng Thượng đế đến chứng giám cho một linh hồn đi về bên kia thế giới.

Clotilde phủ phục dưới nền nhà. Tu sĩ thoa dầu thánh lên chân, lên tay và lên trán người sắp chết, rồi đọc lời cầu nguyện.

Một giờ sau, Marie phải một con hôn mê kỳ lạ, những con tỉnh ngẩn xen với những lúc điên cuồng lâu dài. Đến ngày hôm sau, mừng hai tháng hai thì nàng được lại gặp Perregaux :

— Ô ! Anh đến thăm em, nàng nói trong hơi thở... Vĩnh biệt hẳn rồi. Em đi đây.

Rồi nàng lại mê sảng.

Vào ngày thứ tư, mừng ba

tháng hai, thì nàng trút linh hồn. Théophile Gautier đã viết trong tờ La Presse, báo tin nàng tử biệt : « Trong ba ngày trường, nàng cảm thấy mình đã chui vào cái vực thăm mà tất cả mọi người sẽ ngã vào ; nàng quỵn luyến và cố bám víu lấy một sự che chở để giữ mình... muốn sao cho cành cây mỏng manh trên miệng vực thăm sẽ không bao giờ gãy đổ. Tuy nhiên, khi một giáo sĩ đến đỡ nàng thì nàng lại buông tay. Ngọn lửa trước khi tắt hẳn, lại lóe lên. Marie cũng nhờ một chút hơi tàn cuối cùng, vùng dậy như cố thoát khỏi bàn tay của tử thần, bỗng thốt lên ba tiếng nhẹ, rồi lại ngã hẳn qua bên kia cuộc đời ».

Bác sĩ Davaine khóc òa lên.

Sau khi chụp chiếc mũ mà nàng đã chọn lên đầu nàng, người ta trải trên chiếc giường tang đầy những hoa trà là thứ hoa mà nàng thích nhất. Hai bàn tay nàng được đặt lên trên thập tự giá có hình chúa Gia tô.

Perregaux đã được báo cho biết và chàng vội vã đến. Đứng bên thi thể Marie, chàng chiêm ngưỡng một thân xác quen thuộc, lòng nào nung. Một người đồng

hương ở Normandie của nàng, Romain Vienne, được phép cắt ở phía trên trán nàng một vài lọn trong mái tóc tơ huyền ấy.

CUỘC BÁN ĐẤU GIÁ

Những ngày cuối cùng của Marie Duplessis đã làm cho cả kinh thành Paris trong thời ấy chú ý đặc biệt. Một người đương thời đã viết rằng « giữa những lời châm biếm, kinh thành Paris lơ dểnh và vô tâm đã mai táng người chết dưới năm tro tàn của những điều xì gà ». Rồi từ bấy giờ, quen theo cái thị hiếu nhất thời, người dân của kinh đô ánh sáng đã quên hẳn người con gái thời đại, « như vua Thổ-nhĩ-kỳ ngày xưa (Sultan) đã ném hẳn các cung phi mỹ nữ của ông ta vào miền Bosphore », kinh đô Paris đã quên ở nàng danh kỹ cái danh dự của một lời tiếc nuối và một lời từ biệt ».

Ba tuần lễ sau cái chết của Marie, ngày 24 tháng hai và ba ngày kế tiếp, người ta đã bán đấu giá tất cả những cái gì thuộc quyền sở hữu của nàng kỳ nữ khi xưa.

Một bọn người thêm thường, náo nhiệt, muốn nhìn cho tận mắt ngôi nhà đã nổi tiếng và bị cấm

cung từ lâu, muốn hít tận mũi cái hương vị phóng dăng kiêu kỳ, đậm dật và một phần lạt lẽo ấy. Những nhà đạo đức lúc bấy giờ tấm lòng vui vẻ mở rộng, vào hàng đầu của những con người Dickens, vị chủ nhà hàng của chúng ta đã viết cho bạn ông, bá tước Orsay :

« Kinh thành Paris đã bị thối nhất đến tận những phần tinh túy... Từ vài hôm nay, tất cả các vấn đề quan trọng như chính trị, nghệ thuật và thương mại, đều bị các báo chí bỏ rơi. Tất cả bị phai mờ trước một biến cố khá quan trọng, cái chết ly kỳ như tiểu thuyết của một người nổi tiếng trong xã hội giang hồ, nàng kỳ nữ Marie Duplessis.

« Cô Marie Duplessis này đã sống một đời sống chói rạng nhưt, đời bại nhưt và điên cuồng nhưt, đã lưu lại một mớ đồ đạc quý giá, một mớ đồ trang sức rực rỡ, huy hoàng, một mớ đồ trang điểm lộng lẫy, khiêu dâm... »

Bốn ngày bán đấu giá tại số 11 đại lộ Madeleine đã thu hút một đám đông người hỗn tạp lạ lùng. Vùng ngoại ô Saint-Germain sang trọng và những người quý

tộc ở phố Antin đều tụ họp tại nhà Marie. Người ta bán tất cả đồ đạc, bán đến cả những tấm vải phủ giường của người kỳ nữ khi xưa. Alexandre Dumas mua lại được chiếc vòng liên châu mà ông ta đã tặng cho nàng kỳ nữ ngày nào, vì vừa đúng hôm bán đấu giá...

... ALEXANDRE DUMAS TRỞ VỀ

Người ta nhớ lại rằng không hiểu tại sao từ mười bảy tháng nay, Alexandre lại tuyệt giao với Marie. Nàng kỳ nữ đã chỉ xâm chiếm một thời gian ngắn ngủi trong đời Alexandre, nhưng Alexandre vẫn không quên nàng. Sau khi chu du một thời gian lâu ở Espagne và Algérie với cha và bạn Auguste Maguet, Alexandre trở về Marseille và mãi đến ngày 10 tháng hai năm 1847, năm ngày sau đám táng Marie, Alexandre mới hay cái chết của nàng. Alexandre đã biết Marie bệnh hoạn từ lâu, và cũng biết rằng ở ngay tại thành phố Alger, bệnh tình của Marie sẽ thêm trầm trọng : từ Alger, Alexandre đã viết cho nàng một bức thư dịu dàng và tiếc rẻ, nếu

không là ân hận, và rời từ bức thư đó, vì lẽ Alexandre không bao giờ được thư trả lời nữa...

Được tin người mình đã yêu mến biết bao nhiêu trong mười một tháng trường, giờ đây đã nằm yên dưới ba tấm đất, Alexandre Dumas như bị điên cuồng lên, vội về Paris để thăm lại ngôi nhà ở Đại-lộ Madeleine, ngôi nhà của người yêu đã chết và tất cả những đồ đạc trong nhà sẽ phải cho bán đấu giá để lấy tiền đền bù cho các chủ nợ...

Biết bao nhiêu kỷ niệm còn sống của một thời gian quá khưêm đêm đã mất, còn phơi bày ra rõ rệt đầu đây. Sau khi mua lại được chiếc vòng ngày nào mình đã tặng cho Marie, Alexandre trở về nhà trải rộng tâm hồn trong bản ai ca nhau đề là «M.D.» với những câu cuối cùng:

*«Hỡi em yêu ! Chính trong giờ
tử biệt,*

*«Chỉ một người buồn bã khắp
mắt em.*

*«Và trên đường đưa em đến
cửa huyệt,*

*«Muốn bạn bè chỉ còn lại một
hạt l...»*

Tác giả đã để tặng bản ai ca này cho Théophile Gautier, để tỏ lòng biết ơn người đã nói rõ về cái chết của người yêu của mình.

Marie bấy giờ đã được yên nghỉ tại nghĩa địa Montmartre, trong một ngôi mộ do Edouard de Perregaux xây cất. Năm tháng qua, Alexandre Dumas đi thăm cha ở villa Médicis về, nghỉ tại nhà hàng Cheval Blanc, và định ở lại đó một thời gian. Người ta nhớ lại rằng chính tại nơi này, Alexandre Dumas đã cùng bạn Eugène Déjazet cưỡi ngựa đi thăm cha và trở về để được gặp kỳ nữ Marie Duplessis lần đầu tại rạp Variétés trong một chiều nào.

Thăm lại khu rừng Saint Germain, Alexandre Dumas nhớ đến hơn một lần mình đi người yêu đi trong những bờ cỏ dại,

nhưng hương hoa còn phảng phất đầu dây mà mái tóc đen huyền của người yêu thoang thoang mùi hương nhẹ bên vai mình đã không còn và cũng không bao giờ tìm lại được. Những kỷ niệm êm đềm thơ mộng dậy lên trong ký ức với bao nhiêu xốn xang bỗng bột : Alexandre Dumas quyết định phơi bày trên trang giấy và trong ba tuần lễ sau, tại nhà hàng Cheval Blanc, Alexandre Dumas đã cảm động hoàn thành cuốn tiểu thuyết của người yêu dưới nhan đề Dame aux Camélias. Bốn năm sau nữa, cuốn truyện được phỏng thành một kịch phẩm và trở nên bất hủ dưới danh hiệu Marguerite Gautier, nữ nhân vật chính của tấn thảm kịch mà biệt danh là Marie Duplessis hay Alphonsine Plessis.

TRẦN-CHU



★ **Lái xe hơi**

Chàng mới làm quen với nàng, muốn lấy «le», định lái xe hơi đưa nàng đi Long-Hải. Nàng hơi lo-ngại, hỏi :

— Anh lái xe có giỏi không ?

— Anh đã bị phạt hai lần rồi. Còn lần thứ ba nữa thì sẽ bị rút giấy phép, cho nên anh sẽ cẩn-thận... Em đừng lo.

Mình Ơi!

Bà Tú năm vống, nung-
niu con pu-pê Mọi da-
đen. Con pu-pê nhỏ-xiu với đầu
tóc xoăn, đôi mắt tròn xoe và
trắng phếch với đôi môi đỏ lòm
đỏ ra giữa bộ mặt đen xì. Hai
tai và cổ nó đeo mấy chiếc vòng
bằng thau to tướng, cổ chân cũng
đeo vòng, quanh dưới bụng quấn
một xà-rông kết bằng chỉ lòe-
loẹt đủ các màu. Con pu-pê da
đen của Phi-châu trông dễ thương
lạ!

Bà Tú mua nó 12 đồng bạc
trong Chợ-lớn, đem về để trên
bàn con, lúc nào rồi rảnh, bà chỉ
thích cầm nó trong tay, nâng-niu
vuốt-ve nó, như đứa con nít. Bà
gọi ông Tú đang ngồi bàn xem
sách :

— Mình ơ!

— Ơi.

— Mình biết em muốn gì
không?

— Em muốn... ăn thịt bò bầy
món!

— Em còn muốn cái khác kia.

— Em muốn cái gì nữa thì
chỉ có em với ông Trời biết, chứ
anh làm sao biết được?

— Mình đến gần em, em nói
chuyện cho nghe.

— Anh ngồi đây cũng nghe
được vậy.

— Em muốn nói rất khẽ cơ...
Mình lại đây với em một chút
mà!

Ông Tú chịu vợ, lấy con ốc
đè lên trang sách đang đọc dở,
đứng dậy lại gần vống. Bà Tú khẽ
kéo chông nghiêng đầu xuống. Bà
kề miệng nói thầm vào tai ông :

— Mình ơi, em muốn có một đứa con.

Ông Tú cười :

— Muốn có thì có.

— Em muốn có con ngay từ bây giờ cơ. Được không, Minh ?

— Muốn có con lúc nào cũng được. Chúng ta hãy làm ra một đứa. Khó gì !

Bà Tú âu yếm ngó chồng, đôi mi-mắt chớp-chớp lia-lịa, như một nàng công-chúa mới ngủ dậy :

— Thế sao Minh không cho em một đứa, để em bế em chơi ?

Ông Tú tùm-tùm cười, mon-trón làu tóc huyền chảy óng-

có con. Trời không cho thì dù mình muốn cũng không được.

— Trước kia, ai cũng nghĩ như em, vì người ta không hiểu nguyên nhân khoa-học của sự thai-nghén. Nhưng từ năm 1930, nhà Bác-học Nhật là Bác-sĩ OGINO, và một Bác-sĩ người xứ Autriche là KNAUSS, đã khám-phá ra rằng đứa con là do hai tế bào dương và âm cấu-tạo mà thành. Hễ có sự kết cấu của hai tế bào âm dương là tức nhiên có con.

— Thế sao nhiều người đàn bà có chồng mà không có con ? Tại sao những người đàn-bà đó

EM MUỐN CÓ CON...

án hai bên vai người đẹp :

— Tại vì lâu nay chúng ta chỉ biết yêu nhau chứ không nghĩ đến chuyện sanh con.

— Thế ra, đứa con do tự mình sanh ra được chứ không phải do Trời cho, hả Minh ? Em cứ tưởng đứa con là của thiên-nhiên Trời cho, ông Trời thương người đàn-bà nào thì ông cho người ấy

không sanh ra con được ? Trong Lịch-sử, như Hoàng-hậu Joséphine chẳng hạn, lấy Napoléon Ier trên 10 năm không có con, là tại sao ? Soraya lấy vua Iran cũng không có con đó, Minh à.

— Đó là những trường-hợp thiếu một trong hai tế-bào kia. Hoặc hai nguyên-tố âm và dương không gặp được với nhau.

— Hai tế-bào âm dương là gì, bà Minh?

— Là TINH-TRÙNG của đàn-ông (*Spermatozoïde*) với NOĂN-CHÂU của đàn-bà (*Ovule*). Noãn, chữ Nho, nghĩa là trứng. Tinh-trùng của đàn-ông gặp cái trứng của đàn-bà, cấu hợp lại thành ra cái thai.

Bà Tú ngạc-nhiên, hỏi :

— Sao Minh nói « cái trứng » của đàn-bà ?

Bà-Tú nhong nhèo, cãi lại kịch liệt :

— Em không chịu Minh dùng danh-từ « cái trứng ». Đàn-bà đâu phải con gà mái mà có trứng ? Đàn-bà đẻ ra con, chứ đâu có đẻ ra trứng ?

Ông Tú mỉm cười, vỗ khế bàn tay trên vai vợ, như dỗ an-ủi :

— Em tha lỗi, nhưng anh không thể dùng danh-từ nào khác được. Đó là danh-từ khoa học. Chính thực, người đàn bà có một BUỒNG TRÚNG (*Ovaire*) trong thâm-cung của cơ quan sinh-dục. Buồng trứng đó cứ mỗi tháng vào khoảng 14 ngày sau kỳ kinh-nguyệt là nó chín một lần, nứt ra đẻ một cái trứng rụng xuống tử-cung, sẵn-

sàng chờ đón một tinh-trùng của đàn-ông để cùng nhau làm nhiệm vụ thiên nhiên là sinh nở.

— Cái trứng đó bao lớn, bà Minh ? Không lẽ nó to bằng trứng con gà mái sao ? Sao em không bao giờ thấy cái trứng đó trong bụng em ? Mỗi lần có đường kinh sao em không thấy cái trứng rụng ? Nó có to bằng trứng con... thằn-lằn không ? Nó ở đâu rụng xuống ?

Ông Tú cười, cúi xuống hôn trên trán vợ :

— Em ngây-thơ dễ ghét quá ! Cái trứng của đàn-bà, mà khoa-học gọi là Noãn-Châu (*Ovule*) không phải như trứng con thằn-lằn, hay trứng gà, trứng ngỗng... Nó nhỏ lắm, nhỏ tý-xiu tý-xiu. Người ta cũng gọi nó là tiểu noãn, hay noãn tử.

— Người đàn bà nào cũng có buồng-trứng, bà Minh ?

— Con gái đến tuổi dậy-thì, bắt đầu có đường-kinh (kinh-nguyệt), là có buồng trứng.

— Minh ơi, thế tại sao đàn-bà mỗi tháng lại có đường kinh một lần ? Tại sao hễ mất đường kinh là có chửa ?

Thấy bà Tú hỏi dồn-dập v

những vấn-đề của đàn-bà, ông Tú cười ngặc-ngheo, bảo :

— Những chuyện đó là chuyện bí-mật riêng của phụ-nữ, đáng lẽ em phải biết và em giảng cho anh hiểu ... Bây giờ trái ngược lại, chuyện phụ-nữ mà em bắt thảng đàn ông này giảng ! Anh đâu có đường kính mỗi tháng mà anh biết ?

Bà Tú... bị đường trả lời, không làm gì hơn là cù - lét ông Tú :

— Minh bắt-bẻ lời-thời, phải không ? Minh có giảng cho em nghe không, nói mau ?

Ông Tú nhột quá, cười âm-ĩ :

— Giảng... giảng... giảng. Đùng cù anh nữa, đề anh giảng...

— Trước hết Minh phải nói nguyên-do tại sao người đàn-bà có chữa, đề cho em hiểu rõ. Và em giao-hẹn trước, Minh phải giảng theo khoa-học, mà có vẻ nên thơ một chút, giảng sao cho em nghe em không mắc cỡ, chứ Minh nói trắng-trợn em không thèm nghe đâu đấy.

— Chà ! Làm Thầy-giáo dạy em, thật là thiên nan vạn nan ! Thì đây, anh giảng chút ít khoa-

học... Còn nên thơ hay không, thì anh không dám chắc vì anh không phải là thi - sĩ. Lúc này, anh có nói về con tinh-trùng của đàn ông, đó là tiếng khoa - học, tức là *Spermatozoïde*. Nó không phải là một con. Cứ mỗi lần xuất-tinh, (émission de Sperme) có đến MẤY TỶ con tinh-trùng, nghĩa là MẤY NGHÌN TRIỆU con. Mắt trần của mình không thể trông thấy chúng nó, nhưng nhìn kiến hiên-



vi, thì thấy mỗi con có một cái đầu hình bầu-dục, và một cái đuôi thật dài luôn luôn cừ - đ ộ n g :

ngoặc qua ngoặc lại, cứ tìm đường tiến tới... Hình nó giống na-ná như con nòng-nọc đang bơi trong khe nước. Tuy rằng có mấy nghìn triệu con tinh-trùng thi đua bò vào trong tử-cung của đàn-bà, đề tìm đến *Noãn-châu*, nhưng khi nào cũng CHỈ CÓ MỘT CON bò nhanh hơn hết, vượt tới đích trước tất cả nghìn triệu con kia, và bám vào *Noãn-châu*. Một con tinh-trùng bé tỳ-tỳ như mũi kim, kết-cấu được với *noãn*.

châu : thê là cái trứng
ấy thành ra cái thai.

— Thông-thả cho em hỏi đã.
Minh : chỉ một con tinh trùng
bám vào được Noãn-châu thôi ư ?
Con nghìn triệu con kia đi đâu ?

— Nghìn triệu con kia thua
cuộc, đành phải chầu rìa, rồi rút
lui có trật tự. Hoặc bị tống ra ngoài
Cửa - mình của đàn-bà, hoặc tự
nhiên bị tiêu tan trong nước tiểu.
Nhưng em nên biết rằng con tinh-
trùng tiên-phong kia tuy đã chiếm
giải quán-quân, vào đến tận Tử
Cung, nhưng không phải lúc nào
nó cũng gặp được Noãn-châu
đâu nhé.

— Sao thế ?

— Chóc nữa, sẽ hiểu rõ.

— Không gặp được cái trứng,
thì con tinh-trùng ấy sẽ làm gì ?

— Em nên biết rằng Noãn-
châu ở trong Tử-Cung không
khác nào một nàng Công-chúa
trong Cung-Điện. Không phải
kẻ phạm-phu tục-tử nào cũng
gặp được Nàng, mà đầu là một
vị Hoàng-tử hào-hoa anh-dũng
chăng nữa cũng không phải muốn
gặp Nàng lúc nào là gặp được
đâu. Tinh-trùng là một Chàng
Hiệp-sĩ phải vượt qua ba chặng

đường : Cửa-mình (*Vagin*),
trường Dạ-con (*col utérin*), eo
Tử-cung (*trompe*) rồi mới đến
Nôi điện Tử-cung (*corps de la
matrice*). Phải len lỏi qua :

« Một đèo, một đèo, lại một
đèo... »

Trong khoảng BA TIẾNG
ĐỒNG - HỒ mới đến nơi
Cung - cấm. Đến đây, nếu có
phước đi đúng ngày, đúng giờ,
vừa kịp lúc Noãn-châu xuất hiện,
thì chắc-chắn được vinh-dự
nàng nhận lễ giao-duyên ngay.
Nàng và chàng phối-hợp, để
làm tròn nhiệm vụ thai nghén
trong 9 tháng 10 ngày. Nhưng nếu
rủi-ro chưa gặp nàng vì đi không
đúng hẹn, đến không đúng giờ,
(vì đây là cả một máy-móc nghi-
lễ của Thượng-đế đã sắp-dặt ra
như thế, chóc nữa sẽ hiểu rõ về
điều này) thì... Tinh-trùng hiệp-
sĩ tuy thất vọng nhưng cũng còn
cố gắng ở lại đây chờ đợi giai-
nhân..., trong 48 TIẾNG
ĐỒNG HỒ. Quá thời hạn này,
Tinh-trùng không gặp được
Noãn-châu, ấy là Nàng chưa
xuất hiện, chàng với nàng không
có duyên kỳ-nghô thì chàng không
thê nào sống được nữa với cơn
tuyệt-vọng ê-chề. Sau 48 giờ
ruột héo, tim khô, Tinh-trùng

tự-tử, chết âm-hầm trên thêm hoa của Tử-Cung. Thật là một bi-kịch nào-nùng chỉ vì Tình-duyên trắc-trở. Chàng đã vậy, Nàng cũng vậy. Khác hẳn với Tinh-trùng của Đàn-ông xuất-phát ra vô số, cứ mỗi lần là mấy nghìn triệu con, mà mỗi tháng không biết bao nhiêu lần như thế, Noãn-châu của Đàn bà thì lại mỗi tháng chỉ xuất hiện **MỘT LẦN** mà thôi, và mỗi lần chỉ có **MỘT TRỨNG** mà thôi. Theo thường-lệ, đối với những người đàn bà có *Kinh-nguyệt đều*, thì Noãn-châu (trứng) rụng vào khoảng **14 NGÀY SAU NGÀY CÓ KINH** : ĐÓ LÀ NGÀY CÓ THÈ THỤ THAI. Nếu ta tưởng-tượng **MỖI THÁNG** chỉ có **MỘT NOÃN-CHÂU** xuất-hiện trong Tử-Cung **MỘT LẦN** mà thôi, thì, đối với hàng mấy nghìn triệu Tinh-trùng xâm-nhập vào địa điểm của nàng, chắc là không bao giờ nàng bị số phận hăm hiu, tình duyên ế-âm. Nhưng sự thật không đúng thế. Máy huyền-vi của Tạo-hóa đã sắp-dặt cho Noãn-châu một duyên kiếp cũng bấp bênh, bẽ-bàng lắm lắm.

NÀNG XUẤT HIỆN NƠI TỬ CUNG chỉ trong khoảng thời gian **HAI TIẾNG ĐỒNG HỒ MÀ THÔI**. Nơi đây, nàng chờ đợi một vị Tinh-trùng hiệp sí.. Nàng ôm ấp mộng vu-sơn, ngong ngóng đợi chờ gấp rút vị Hoàng-tử hào hiệp đến để gây dựng Thai nghén cho được vuông tròn nhiệm vụ thiên liêng. Nhưng nếu quá thời hạn đã chỉ định, *2 tiếng đồng hồ*, mà chàng không đến, thì... ôi thôi !.. Noãn-châu cũng đành mang hận, nghìn thu mà chết héo, chết mòn trong cô quạnh !

— Mình à, nói tóm lại, trong số hàng nghìn triệu Tinh-trùng của đàn ông, mỗi lần thi đua tràn ngập vào trong Dạ con của đàn bà, chỉ có một Tinh-trùng khỏe mạnh hơn cả là xâm-nhập được vào đến Tử-cung mà thôi ; vào đấy nếu gặp Noãn-châu, thì thụ thai. Nếu không gặp, thì Tinh-trùng còn sống thêm 48 tiếng đồng hồ để chờ đợi. Qua thời hạn đó nó sẽ chết, không còn hoạt động được nữa. Đúng không. Mình ?

— Đúng.

— Còn Noãn-châu; là cái

Trúng của đàn-bà mỗi tháng chỉ rụng một lần, mỗi lần chỉ sống được 2 tiếng đồng-hồ trong Tủ-cung. Trong thời-gian ấy, nếu Noãn-châu gặp Tinh-trùng, thì thọ thai. Nếu không gặp, thì sau thời-gian 2 tiếng đồng hồ, Noãn-châu sẽ thối và cũng chết. Đúng không ?

— Đúng. Như thế là em đã hiểu rõ nguyên-do tại sao người đàn-bà có chửa.

— Bây giờ Minh nói cho em nghe về hai điểm em còn thắc-mắc.

1^o) Tại sao em có đường kinh mà Minh không có ?

2^o) Trong mỗi tháng, nếu em muốn có con, thì những ngày nào em có hy-vọng thọ thai được ? Nếu em chưa muốn có con, thì những ngày nào em tránh khỏi có thai ?

Minh nói rõ-ràng như vẫn

đề Tinh-trùng và Noãn châu trên kia, rồi em thương cho Minh...

Kỳ sau, sẽ nói dứt - khoát hết.

— Sao không nói hôm nay ?

— Hôm nay ? Em quên rồi ư ? Em đã hứa với anh 7 giờ chiều nay em đi ăn thịt bò bầy món với anh cơ mà. Bây giờ là 7 giờ rồi.

— 7 giờ chiều mai hãy đi.

— Thôi, anh không chơi ăn gian đâu. Em không đi bữa nay thì kỳ sau em đừng có hòng «Mình ơi» Minh hơi nữa.

— Vâng, thì thưa ông, em xin đi đây ạ.

Ông Tú cười, vỗ vai vợ :

— Bà Tú phải ngoan thế thì mới có một đứ con đề bế chứ !

Diệu Huyền



* DANH NGÔN

Muốn trả thù ai, anh cứ gửi đến cho hắn một người đàn bà đẹp.

(Tục ngữ A-RẬP)

tình
yêu
không
tiếng
nói

Tôi vẫn tin tình yêu không tiếng nói
Dầu giọt sầu chiu nặng nhưng đường tơ
Tuột đôi mươi trên bến lạnh đợi chờ
Từng cánh mộng trôi theo dòng nước chảy
Dầu người yêu muốn đời không trở lại
Ánh mắt sầu lịm tắt giữa hoàng hôn
Tôi vẫn tin nơi thâm thâm linh hồn
Ngẫm tẻ giá một lời không nói nổi !
Xa nhau mãi để hồn mơ chung lối
Đường vẫn dài vẫn đếm bước nhau đi
Trong cơn mơ thầm hỏi nhớ nhưng gì !
Khi đã biết tình yêu không tiếng nói.

Tôi vẫn biết nhớ nhau là cay đắng
Khi đôi hồn sợ hãi tiếng yêu đương
Khi thanh cao gần mãi hố chán chường
Sẽ ngẫm giết nhớ nhưng nuôi thần-tượng
Và khóa kín một trời thu mơ tưởng
Có đôi hồn quyến luyến giữa trời xanh
Mây chơi vơi gió thoảng dịu hương lành
Ngàn hoa lá mỉm cười xanh chờ đón.

Tôi chỉ muốn tình yêu là nhưng nhớ
Là đợi chờ một hình bóng xa xôi
Tiếng «yêu anh» thầm giấu giữa làn môi
Hơi tàn cuối gọi tên anh trọn vẹn
Tôi sẽ chết với tình không hề hạp
Giữ muốn đời một hình ảnh không phai
Xác thời gian có chôn lấp hình-hài
Vẫn tin tưởng tình yêu không tiếng nói.

BĂNG-LINH

(Saigon)

cách đặt tên trong

HOÀNG PHÁI NGUYỄN-TỘC

* THÁI-VĂN-KIỆM

CU Ung-Trình & Lạc-Tĩnh Viên, Bền-Ngự (Huế) vừa tìm thấy trong châu-bốn đầu triều Minh. Mạng một tập số của Đinh-Nguyễn-Phiên, Đông-các đại-học-sĩ, tâu rằng : « Tôi đã dự soạn 11 bài thơ, mỗi bài 4 câu 20 chữ. Một bài về Đế-hệ, mười bài về Phiên-hệ, tôi kính cần dâng lên theo lá số này, dám mong Hoàng-đế xét đoán ». Theo Khổng-giáo, muốn định phận cho cả mọi người, thì trước phải lấy « chính danh » làm nguyên tắc.

Đinh-nguyễn-Phiên đề - nghị « phép đặt tên », để phân Đế-hệ Phiên-hệ, ra hai : Đế-hệ là dòng vua, kế thừa đế nghiệp, còn Phiên-hệ có bốn phận làm tôi, làm hàng rào cho nhà vua, gọi

là « Phiên hàn » cũng như chư hầu đối với thiên-tử. Nếu danh phận đã định rõ như thế, thì đế-nghiệp sẽ an như bàn thạch, và mấy mươi đời.

Tuy đã biểu đồng tình, song vua chưa dám tuyên bố, còn muốn thăm dò ý kiến ; thành thử vua còn giữ bí mật, đề nghị của Đinh - Nguyễn - Phiên. Có một ngày, vua ban với các Hoàng-đệ rằng : « Con cháu cả chín hệ, đã theo Đức Thái-Tổ vào Nam, thì đều được mang quốc tánh là Nguyễn-Phúc ; còn ai ở lại Thanh-Hóa, thì mang công tánh là Nguyễn-Hựu. Đức-Hoàng-Khảo ta đã truy thượng huy hiệu Hoàng-đế, lên cả chín đời trên, từ Triệu-Tổ đến Thế-Tôn ; vậy

người trong chín hệ trên, cũng như người trong đệ nhất chính hệ (cả mười Phiên hệ) đều được xưng là Tôn-thất, nghĩa là đồng họ với nhà vua, khỏi phải xưng đến quốc-tánh (Nguyễn Phúc) như trước nữa. Sở dĩ chúng ta định như vậy, là vì theo văn-hóa tương truyền, thì tên và họ của các triều vua, đều thuộc về quốc húy cả.

Về vấn-đề này, chúng ta cố ý tìm trọng quốc-sử, cho biết các ông Hoàng-đệ áp dụng tự ngày nào. Chúng ta thấy trong châu bản về Minh-Mạng nguyên niên, ngày 24 tháng 3, có 1 ông tâu lên, xưng là Nguyễn-phúc-Bính. Cũng năm ấy, ngày 12 tháng 10 một ông khác tâu lên, còn xưng là Nguyễn-phúc-Mão. Cả năm thứ hai, chúng ta không tìm

được gì trong châu-bản, tương quan đến vấn-đề này.

Qua năm thứ ba (1822) ngày 28 tháng 5, cũng ông Bính tâu lên, song không xưng là Nguyễn-Phúc như năm kia, mà lại xưng là Tôn-Thất-Bính. Vì chưa tìm được gì về trước nữa, cho nên chúng ta phải bằng theo tài-liệu trong châu-bản, năm thứ ba, ngày 28 tháng 5, là một ngày lịch-sử : Từ ngày ấy, người Hoàng-gia về đời công, thông xưng là « Tôn-thất », thay thế hai chữ Nguyễn-Phúc, xuất hiệu từ năm 1563.

Về 11 bài thơ ngũ ngôn nói trên, có 1 bài về Đê-Hệ (dòng vua Minh-Mạng) và 10 bài về Phiên-Hệ, tức là dòng các anh và em của vua Minh-Mạng :

✱ ĐÊ-HỆ

(Phòng vua Minh-Mạng)

*Miên hường ứng bửu vĩnh
Bảo quý định long trường
Hiền năng kham kế thuật
Thế thoại quốc gia xương.*

2.200
người:

CÁCH ĐẶT TÊN TRONG HOÀNG PHÁI

● **PHIÊN-HỆ**

1. — Phòng Tăng-Duyệt Hoàng-thái-Tử
(con trưởng của vua Gia-Long).

Mỹ duệ tăng cường tráng
Liên huy phát bội hương
Lĩnh nghi hàm tôn thuận
Vỹ vọng biểu khôn quang

} 32 người

2. — Phòng Kiến-an-Vương
(con thứ 5 của vua Gia-Long)

Lương kiến ninh hòa thuật
Du hành suất nghĩa phương
Dưỡng di tương thức hảo
Cao túc thế vi tường.

} 46 người

3. — Phòng Định-Viễn Quận-Vương
(con thứ 6 của vua Gia-Long)

Tĩnh hoài chiêm viễn á
Cảnh ngưỡng mạo thanh kha
Nghiêm khức do trung đạt
Liêu trung tập cát đa

} 183 người

4. — Phòng Diên-Khánh-Vương
(con thứ 7 của vua Gia-Long)

Diễn hội phong hành hiệp
Trùng phùng tuần lãng nghi
Hậu lưu thành tú diệu
Diễn khánh thích phương huy

} 39 người

5. — Phòng Điện-Bàn-Công
(con thứ 8 của vua Gia-Long)

Tín diệu tư duy chánh
Thành tồn lợi thỏa trình
Túc cung thừa hữu nghị
Vinh hiển tập khánh danh

} 8 người

6.— Phòng Thiệu-Hóa Quận-Vương

(con thứ 9 của vua Gia-Long)

Thiện thiệu kỳ tuần lý

Vân tri tại mãn du

Ngưng lần tài chí lạc

Địch đạo dân phu hưu

18
người

7.— Phòng Quảng-Oai-Công

(con thứ 10 của vua Gia-Long)

Phụng phù trưng khai quảng

Kim ngọc trác tiêu kỳ

Điền học kỳ gia chí

Đôn di khắc tự trị

8.— Phòng Thương-Tín Quận-Vương

(con thứ 11 của vua Gia-Long)

Thường các tuần gia huấn

Lâm trang tủy thanh cung

Thân tu di tán đức

Thọ ích mẫu tán công

8
người

9.— Phòng An-Khánh-Vương

(con thứ 12 của vua Gia-Long)

Khâm tưng xưng ý phạm

Nhã chánh thủy hoàng qui

Khải để dâng cần dự

Quyển ninh cộng trấp hy

9
người

10.— Phòng Từ-Sơn-Công

(con thứ 13 của vua Gia-Long)

Từ thế dương quỳnh cảm

Phu oanh ái diệu dương

Bách chi quân phụ đức

Vạn diệp hiện khuôn tương

79
người

Ngoài ra, còn có một bài nữa gọi là « *Ngự-chế mạng-danh thi* » gồm có 20 bộ (clés) để đặt tên cho các hoàng-tử :

Miền Nhân Kỳ Sơn Ngọc
Phụ Nhân Ngõn Tài Hòa
Bối Lực Tài Ngõn Tâm
Ngọc Thạch Hòa Hòa Tiểu

Ví dụ như con của vua Minh-Mạng, đặt tên phải có bộ *Miền*, con vua Thiệu-Trị phải có bộ *Nhân* đứng v.v... như vậy cho dễ tìm ra thế-hệ.

Còn về chữ *Phước* lót (*Nguyễn-Phước*), Sử có chép rằng người đầu tiên mang chữ lót ấy là Chúa Sãi NGUYỄN-PHƯỚC-NGUYỄN, vì lý do sau đây :

Bà vợ Chúa Nguyễn-Hoàng sinh ra Chúa Sãi vào ngày giáp thìn, tháng 7, năm quý hợi (1563), tức là sau khi vào trấn Thuận-Hóa được 6 năm (từ 1558), dưới triều Chánh-trị Lê-Anh-Tông. Tục truyền rằng khi bà Gia-Dũ còn bụng mang dạ chửa, bà nằm mộng thấy một người đem dâng cho bà một tờ giấy có viết rất nhiều

chữ *Phước*. Đến khi thức dậy, bà sinh được một con trai. Bà định chọn chữ *Phước* để đặt tên cho con nhưng bà nghĩ lại nếu làm như vậy, thì chỉ một mình con bà là tên *Phước* mà thôi, chi bằng tốt hơn là dùng chữ *Phước* để làm chữ lót giữa họ và tên, thì về sau sẽ có đến hàng vạn người trong họ Nguyễn được hưởng, vì hàng vạn người sẽ mang chữ *Phước*.

Sau hết, xin nói về những chữ dùng để thay thế họ Nguyễn-Phước về phía bên con gái, đồng thời đối chiếu với họ con trai, tất cả đều phải là trực tiếp thuộc dòng của vua Minh-Mạng :

Miền	Công-chúa
Hương	Công-nữ
Ứng	Công-tôn-Nữ
Bửu	Công-tằng-tôn-nữ
Vinh	Công-huyền-Tôn-nữ
Bảo	Tôn-nữ

Từ đời thứ 6 trở đi, kể từ vua Thiệu-Trị (Miền Tông), con gái dòng vua đều mang tộc-danh là *Tôn-nữ*. Còn hai chữ *Tôn Thất* mà ta thường thấy đặt trước tên các người

trong cựu hoàng-tộc là để phân biệt con cháu các Chúa trước đời Gia-Long (như cụ Văn - Bình Tôn-thất-Lương), hoặc là con cháu những anh em của vua Minh - Mạng (như Tôn - Thất Viễn-Đệ). Tuy thế về trường hợp sau này, người ta có thể không dùng đến hai chữ Tôn-Thất, mà chỉ dùng chữ *Viễn* là đủ rồi, đúng với bài thơ để dành cho phòng Định-Viễn.

Từ khi thiết - lập Chính-thể Cộng-hòa, *Tôn - nhân - Phú* đã được đổi ra là *Nguyễn-phước-Tộc*. Trước đó, một số người trong cựu hoàng tộc đã thêm vào tên của mình hai chữ *Nguyễn - Phước* như giáo sư *Nguyễn-Phước Bửu-Hội*, Đại-sứ Việt-Nam tại Maroc.

Ngày xưa, những tên vua chúa đều là húy cả, cho nên :

— Chữ *Hoàng* phải đọc là *Huyah* vì húy tên Chúa Nguyễn-Hoàng, chữ *Anh* phải đọc là *Yén*, vì húy tên của Chúa Nguyễn-Ánh, chữ *Đàm* phải đọc là *Đôm*, vì húy tên vua Minh-Mạng, hai chữ *Hồng-Nhậm* phải đọc là *Hương-Nhiệm*, vì húy tên vua Tự-Đức, cũng như chữ *Thì*, như danh của vua Tự-Đức, phải đọc là *Thời*.

Ngoài ra ngày xưa tên các Hoàng - Hậu cũng phải kiêng cử, tỉ như chữ *Hoa* phải đổi là *Huê*, là *Bông* (tỉnh Thanh-hóa, cửa Đông-ba, Tu-bông, Cầu-bông, Huê-kỳ, v.v...) vì húy tên bà Hồ-thị-Hoa, vợ vua Minh-Mạng và là mẹ của vua Thiệu-Trị, bà này quê quán Linh - chiểu : Tây (quận Thủ-Đức, Nam-Việt).

THÁI-VĂN-KIỆM



★ QUEN MIỆNG

Một cô thư-ký đợi chồng đã hơn 12 giờ khuya chồng chưa về, cô đi ngủ trước.

Nửa giờ sau, chồng về. Thấy vợ ngủ chồng rón rén lên giường nằm, và âu yếm hôn lên môi vợ.

Vợ đang ngủ say giật mình nói rả-rì :

— Ông chú hôn em thế, nhớ chồng em biết được thì sao ?

ĐẠI-THỨC (Huế)

H O N T
L Ê U Ô T
R

LÊN TRĂNG (1)

Kìa ai, bên Mỹ, bên Nga,
Đua nhau hỏa-tiến bay xa tít-mù.
Lòng tôi cũng muốn bay vù :
Cung Trăng thoát khỏi ngục tù trần-duyên...

●

Ai ơi, xin nhớ Diệu-Huyền,
Đêm ngày thơ-thần ước-nguyên lên Trăng.
Bao giờ hỏa-tiến trực thăng,
Cho tôi đi với, vượt băng nút trời...
Hành-trang đã sẵn đây rồi,
Mang theo chỉ có một gùi dựng Thơ.
Lâng-lâng một chút hồn mơ,
Trần-ai cỡi bỏ duyên tơ bộn-bề.

Một đi, nhất quyết không về,
Không thương, không nhớ lời thề nước non !
Ra đi vút cục tim mòn,
Cho làn máu nhuộm đỏ lòm gió sương.
Ra đi, không chút sầu vương,
Không còn ray-rứt phấn-hương bẽ-bàng !
Lên Trăng sạch hết phũ-phàng,
Lên Trăng tắm ánh trăng vàng say-sưa.
Người nay gặp lại người xưa,
Giấc mơ lại gặp người mơ ảo-huyền.
Bao-la một chiếc phi-thuyền
Ta bơi, bơi khắp các miền trong xanh !
Trăng Sao xoay tít quanh mình,
Trối lên khúc nhạc thanh-bình muôn năm !



Trông Trăng sáng tỏ mà thêm !
Bao giờ có chuyến tàu Rằm tháng-thiên ?
Kéo không, buồn quá hóa điên,
Xé tan mối hận sầu-duyên với đời !
Lòng tôi mọc cánh đây rồi,
Bay ! Bay ! Bay vút lên trời... trời mơ !

Diện-Huyền



Mơ-hỏi NƯỚC MẮT

Truyện dài tình cảm thời-đại : ★ NGUYỄN-VỸ

Vì cảm tình sẵn có từ trước đối với ông Ngọc Minh, nên Ánh vui-về nhận lời mời đến nhà dùng cơm cùng ông. Nhưng sau khi trở về, Ánh cảm thấy bồn khoăn thắc mắc... buồn tủi cho số kiếp bé bång, không may của Hoàng và tình yêu thương của Ánh, chẳng biết rồi đây sẽ ra sao.

(Tiếp theo P.T. 62)

CHƯA phải là tình yêu, nhưng có thể rất mau chóng trở nên tình yêu nếu Ánh không có một tâm-sự riêng mà chỉ Ánh biết với Ánh mà thôi. Và nếu ông Ngọc-Minh cũng không có một thắc-mắc riêng của ông mà Ánh làm sao biết được!

Hai giờ, Ánh đứng dậy xin về. Ông Ngọc-Minh tiễn Ánh ra cửa, lấy nón đưa Ánh rồi âu-yếm nhìn thẳng vào mắt nàng, ông khẽ hỏi:

— Chứa-nhặt tuần tới, Ánh muốn đến đây dùng cơm trưa với tôi nữa không?.. Tôi mong lắm..

Ánh mỉm cười:

— Ông thật tử-tế với em quá, em cảm-dộng lắm, nhưng.. thưa ông, em không dám hứa trước.. Nếu vì một lý-do nào em không đến được, em cũng tin rằng ông sẽ tha lỗi cho em...

— Chứa nhặt... Ánh không bần gì chứ?

— Thưa, bây giờ em chưa biết được.

— Thứ Bảy, tôi đến nhà in sửa bài, Ánh cho tôi biết nhé?

— Dạ.

Ngọc-Minh đưa Ánh đến gara, mời Ánh lên xe của ông đi

đang đưa Ánh về Sài Gòn.



Ánh nằm thao-thức nhớ Hoàng, hai ngón lệ âm thầm rơi trên gối, chiếc gối mà nàng đã thêu hai chữ A... H. phối hợp với nhau.

Ánh khóc vì nhớ Hoàng và một lẽ, nhưng thực ra còn vì một lẽ khác nữa. Chiều hôm ấy, sau khi ở nhà Ngọc-Minh về, vào khoảng 4 giờ, Thúy và Hoa có đến chơi nhà Ánh. Mặc dầu bây giờ Ánh đã lên làm thư-ký ở văn phòng, lương nhiều hơn và địa-vị sang hơn, nhưng hai cô thợ đóng sách của nhà in Minh-Tân vẫn là đôi bạn thân nhất của Ánh từ trước đến giờ. Với Ánh, không có mối tình nào thay đổi cả. Với Ánh, không phân biệt cấp « Thầy » cấp « Thợ » giữa tình bè-bạn cảm-thông với nhau đã lâu ngày. Nàng không hề hãnh diện với Hoa là người bạn mà nàng đã mang ơn vì nhờ Hoa mà nàng đã được vào làm ở nhà-in. Nàng cũng không xa-cách Thúy đã người bạn đã cùng với Hoa thường bình vệc nàng trong những lúc nàng bị một vài đồng

nghiep trong sở dèm pha ganh-ghét.

Chiều chúa-nhật này, như đã nhiều lần, Hoa và Thúy đến chơi nhà Ánh. Gần 5 giờ hai cô rủ Ánh đi coi chớp-bóng, nhưng Ánh không đi. Trông gương mặt Ánh hơi buồn buồn, Hoa cười :

— Cậu lại nhớ xù Hoàng chứ gì !

Ánh mơ-màng nhìn ra ánh nắng chiều còn trải một tấm thảm vàng dưới hiên, và khẽ đáp :

— Ừ, Ánh nhớ Hoàng...

Thúy cũng cười như Hoa, nói giọng bông lơn :

— Hơi đâu mà nhớ-nhung cho bận lòng con người thiếu-nữ, hở ta !

Ánh đáp lại liền :

— Các cậu nói thế, chứ Ánh thì nghĩ rằng một thiếu-nữ như tội mình phải có một cái gì để nhớ-nhung, một cái gì để mơ-mộng...

Hoa cười :

— Nhớ-nhung và mơ-mộng để chi vậy ?

— Để càng yêu đời chó chi ! Để nhìn trong mọi vật thấy bình

ánh của ta mơ ! Hoa kia, nắng kia, làn gió rung trong ngọn lá kia, đám mây bay kia, lúc hiệp, lúc tan như thế đó, là hình-ảnh của một giấc mơ phản-chiếu ra khắp cả bầu trời, là hình-ảnh của một người rơi khắp cả bao-la...

— Thôi đi bỏ ! Xứ Hoàng biến đâu mất tiêu, ba bốn năm trời nay cậu đâu có gặp chàng, mà cậu mơ với mộng ?

— Ánh còn nhớ Hoàng, thì Ánh tin rằng Hoàng còn sống ở đâu đó. Hoàng chưa mất tiêu đâu, vì Hoàng còn yêu Ánh, Ánh biết, Ánh vẫn nghe tiếng Hoàng nhắc đến Ánh đêm, ngày, không ngớt...

— Cậu nghe ở đâu ?

Ánh cười, như say sưa :

— Tiếng Hoàng đê-mê trong nhớ-nhung, hồi - hộp trong tim, thì-thầm trong giấc ngủ...

Hoa liền vỗ tay lên vai Ánh :

— Thôi mà ! Đừng có mơ-mộng quá rồi đâm ra thất tình, ghen bỏ ? Tớ thì kể chuyện gì đã qua, là không thành vấn-đề.

Thúy tiếp :

— Tớ trước kia cũng có thằng mèo, hai đứa cũng mê

nhau chết người được, vậy mà rồi tự-nhiên thằng chả bỏ đi biệt tích đến nay, tớ cũng dèch còn nhớ nó nữa ! Tụi đàn-ông con trai đồn lăm, nghe cậu ! Họ chỉ vờ-vực yêu-đương, để cho mình tin, sống tin chết với họ, rồi họ xa mình một đôi bữa là bắt tình-nhân với con khác ngay. Tớ thì tớ không tin là có cái thứ ái-tình thủy-chung như chuyện tiều-thuyết đâu, ghen ?

— Hoàng đâu phải như hạng con trai ấy. Các cậu chưa biết Hoàng.

— Xí, tại cậu mê Hoàng nên cậu thần-thánh-hóa người yêu của cậu đó thôi. Chứ nếu hẳn yêu cậu thiệt tình, sao hẳn đi đâu ba bốn năm mà không thư-từ gì cho cậu biết ?

— Ánh tin rằng Hoàng không đi đâu xa. Hoàng chỉ quanh-quẩn đâu đó, rồi thế nào không sớm thì muộn Hoàng cũng sẽ gặp Ánh, Ánh cũng sẽ gặp Hoàng...

Hoa cười :

— Hoàng thề-thốt với cậu nặng lời lăm sao mà cậu tin dữ vậy hả ?

— Hoàng chẳng thề thốt gì với mình cả.

— Không thì Hoàng nói với cậu thế nào mà cậu mê anh chàng lung vậy ?

— Hoàng chẳng nói chi với Anh cả.

— Anh nói chuyện vô lý hết sức. Anh chàng không nói gì mà Anh yêu, Anh nhớ, như con mẹ điên vậy sao ?

— Hoàng chưa hề nói là Hoàng yêu Anh, Anh cũng chưa hề nói là Anh yêu Hoàng.

Thúy cười ha-hà đề ngạo Anh :

— Thế mà hai đứa bay mê nhau ? / Chuyện lạ đời không !

Anh không cười, đáp :

— Ừ. Hai đứa mê nhau.

Hoa đập bàn tay lên cánh tay Anh .

— Thôi đi, cậu ! Cậu chỉ tiêu-thuyết-hóa một mối tình băng-queo, vớ-vẩn. Nè, Hoa đề-nghị với Anh câu này Anh chịu thì Hoa nói.

— Cậu cứ nói đi.

— Anh có biết xù Phú không ?

— Không. Nhưng mà bây giờ Anh không muốn biết người đàn ông nào nữa hết.

— Bộ không gặp lại Hoàng

thì ở vậy mãi đời sao chứ ?

— Không, nhưng Anh không thích làm quen nhiều với đàn-ông. Chỉ một người thôi, chừng nào người ấy không còn là ý-trung-nhân của mình nữa, thì hẳn hay.

Hoa đứng dậy lại bàn rót một tách nước trà nguội, quay lại nói với Anh :

— Anh gần lắm.

Uống tách nước trà xong, Hoa trở lại Anh :

— Bây giờ Anh đã có địa-vị khá. Dù sao Anh cũng là cô thư-ký, tội gì Anh phải đeo đuổi mãi cái bóng một thằng bạn học cũ nghèo kiệt xác ?

Anh đứng dậy làm thinh, muốn nói, lảng qua câu chuyện khác :

— Hoa với Thúy ngồi chơi. Anh xuống bếp nấu nước sôi pha trà nóng uống nhé.

— Thôi mà ! Có đi chơi với tụi mình thì đi ! Ra Sài-gòn uống nước mía ngon hơn.

— Hai chị đi đi, Anh còn công chuyện nhà chưa làm hết. Xin lỗi, nghe. Để khi khác.

Hoa và Thúy đứng dậy cầm nón. Anh tiễn hai bạn ra tận cửa. Lúc hai cô đã ra đường.

quay lại thấy Ánh còn đứng nơi cửa nhìn theo, nét mặt buồn bã nghĩ-ngợi...

Đêm ấy, Ánh nằm khóc âm thầm trong mùng, nhớ thương Hoàng và nghĩ đến ông Ngọc-Minh, trần-trọc không ngủ được.

Dù muốn dù không, trong đời Ánh cũng đã có hai người đàn ông, hai mối tình trái ngược mà Ánh không có can đảm dứt khoát một mối nào, cả hai đều tha thiết, êm đềm. Nếu là một thiếu nữ khác, thì cô có thể quên Hoàng rất dễ dàng, nhưng Ánh không đành bỏ rơi một người bạn nghèo khó, mà cô đã cảm mến đức hạnh từ lâu. Ánh chỉ muốn được một người chồng yêu cô rất nhiều và tính nết hiền lành cũng như cô vậy. Thì Hoàng chính là người chồng lý tưởng mà Ánh đã chọn lựa để gả nghĩa kết duyên. Ánh không ngờ vì Hoàng nghèo và chắc là đang bôn-tàu xa-xôi để lo sinh kế, nên hai cô bạn gái thân nhất của Ánh là Hoa và Thúy cũng tỏ vẻ khinh khi. Ánh đau lòng cho tình đời, nhưng tâm sự của Ánh chỉ có Ánh biết thôi.

Một tháng sau, quyền sách của ông Ngọc-Minh đã in xong.

Ông lấy một quyển giấy tốt nhất, loại đặc biệt, ký nơi trang đầu tặng Ánh.

Như các bạn đã biết, quyền sách của ông Ngọc-Minh tựa là :

ĐI TỚI MỘT XÃ-HỘI VÔ GIAI-CẤP

Ngay trang đầu, có bài tựa « gởi Ánh »

Đĩ nhiên, lúc ông Ngọc-Minh viết quyển sách của ông và bài tựa ấy, ông không được gặp Ánh và ông tưởng Ánh vẫn sống cái kiếp đầy-tớ trong một gia đình nào đó. Ông đâu có ngờ rằng nhờ kiên nhẫn và cố gắng, Ánh đã trở nên một cô thư-ký, mà lại làm việc ngay ở nhà in mà ông đến thuê in quyển sách của ông.

Ông Ngọc-Minh có hỏi Ánh trước khi đưa bài tựa cho thợ nhà-in sắp chữ :

— Ánh có bằng lòng cho tôi để « gởi Ánh » như lời tựa này không ?

Ánh đáp :

— Dạ điều ấy xin tùy nơi ông chớ em đâu có quyền gì ?

— Đành rằng thế, nhưng khi tôi viết quyển sách này, tôi nghĩ đến Ánh. Vì có biết Ánh trước

gia nên tôi mới viết quyền sách này. Nhưng nay hoàn - cảnh là thay đổi.

Ánh không do-dự đáp :

— Dạ, thưa ông, hoàn-cảnh vẫn không thay đổi mấy. Ánh ngày nay vẫn là Ánh ngày xưa.

— Nghĩa là Ánh bằng lòng tôi đề nguyên mấy lời tựa đề gởi Ánh?

— Dạ, Ánh bằng lòng.

— Cảm ơn Ánh. Thế là Ánh hiểu tôi nhiều lắm và tôi sung sướng được hiểu Ánh nhiều hơn và mến Ánh nhiều hơn nữa.

Quyền sách đầu tiên, in trên giấy thượng hảo hạng, đóng và xén xong rất đẹp, ông Ngọc-Minh lấy bút đề nơi trang đầu, trước bài tựa, mấy câu sau đây :

Thân-đi lặng LÊ-THỊ-ÁNH

Người bạn đã giúp tôi được nhiều nhận-xét sâu-xa về thực-tế xã-minh cái giá - trị vĩ-nh-điển của chủ-trương xã-hội của tập sách này.

NGỌC-MINH

Ánh rất sung sướng được ông Ngọc-Minh niềm-nở chiều cố đến thân thể hèn mọn của cô, và khi

ông trao tặng cô quyền sách quý báu, ấn-bản đặc biệt đầu tiên vừa lấy ở nhà in ra, cô lễ phép đưa hai tay nhận lãnh, nhưng cô cảm động quá không nói được một lời cảm tạ. Cô nhìn ông với đôi mắt dịu-dàng, muốn rơm-rớm lệ. Cô định nói một câu, một tiếng thôi, đề tỏ lòng tri ân tha-thiết, nhưng trên môi cô chỉ nở một nụ cười cảm-xúc. Cô im-lặng luôn.

Ngọc-Minh khế bảo :

— Chủ-nhật này mời Ánh đến nhà dùng cơm trưa với tôi, đề cùng tôi kỷ-niệm ngày quyền sách này ra đời.

Không một chút e-lệ, Ánh đáp ngay :

— Dạ. Chủ-nhật em xin đến.

Đây là lần thứ hai Ánh đến nhà ông Ngọc-Minh. Sau lần đầu tiên, đã hai chủ-nhật rồi ông Ngọc-Minh vẫn mời Ánh, nhưng Ánh đã từ chối. Ánh viện cớ bận công việc nhà, nhưng sự thực là Ánh không muốn đến thường. Ánh muốn giữ cách-biệt ông Ngọc-Minh hơn là muốn gần gũi ông luôn.

Nhưng lần này Ánh cảm thấy không nên phụ hảo-ý của ông, và hơn nữa Ánh muốn đến để tỏ lòng biết ơn ông đã tha-thiết đến cô...

Cũng như lần đầu tiên; Ánh đi xe ô-tô-buýt đến chợ Bến-Thành, đi xe ngựa qua Thị-Nghè rồi đi bộ đến nhà ông Ngọc-Minh ở một xóm vắng, nửa thành-thị nửa thôn quê, thanh-tĩnh mát-mẻ. Ông Ngọc-Minh niềm nở đón Ánh ngay từ ngoài cổng. Ánh đến lúc 10 giờ, cùng ngồi dưới bóng mát ngoài vườn trò chuyện vui-vẻ với ông Ngọc-Minh cho đến gần 12 giờ sắp sửa đi dùng cơm.

Bỗng nhiên, một chiếc xe hơi nhà từ phía Thị-Nghè chạy xuống rẽ vào cổng, đỗ ngay trong sân. Thiếu-phụ, là người lái xe, mở cửa xe bước ra, đứng yên-lặng nhìn về phía bóng mát ngoài vườn nơi ông Ngọc-Minh đang ngồi trò chuyện thân-mật với Ánh. Ánh nhận ngay ra là bà Minh-Tú, em ruột của ông Giáo-sư, và chủ-nhà cũ của Ánh. Gần ba năm nay, từ ngày Ánh không giúp việc cho bà nữa, lần này là lần đầu tiên Ánh gặp lại bà, đột-ngột và hơi bối rối. Nhưng Ánh vẫn giữ

thái-độ bình-tĩnh. Ông Ngọc-Minh đứng dậy ra đón em, và một nụ cười diễm-nhiên thân-ái

— Minh-Tú ! Các cháu về chơi, chứ em ? Em lái xe mình à ?

Minh-Tú chỉ đáp :

— Dạ, thưa anh Hai.

Bà nhìn trông-trọc cô thiếu-n mà bà rất kinh-ngạc nhận ra Ánh. Nét mặt giấu dấu, bà tiê đến con đay-tớ cũ của bà đan ngồi trong ghế ny-lông, bên cạnh chiếc vông của anh bà, dưới bóng mát mấy cây nhãn.

Ánh đứng dậy, khẽ cúi đầu theo phép lịch-sự :

— Thưa chào Bà.

Minh-Tú đã tái mặt, giọng như như muốn run lên :

— Mày phải không, Ánh Mày làm gì ở đây ?

Ánh diễm-nhiên :

— Thưa Bà, tôi đến thăm ông Giáo.

Minh-Tú nói dần từng tiếng

— Cái bộ mặt mày mà để thăm ông Giáo ? Mày là hạng co ở, mà mày dám đến đây quyến-r anh tao hả ? Mày là con dĩ-ngự

ai cho phép mày bèn mang tới đây ?

Ông Ngọc-Minh thật không ngờ em gái của ông có thể chửi Ánh và vu-khống Ánh một cách tàn-nhân như thế. Ông chạy đến nắm tay Minh-Tú, và dju-dàng bảo :

— Em Năm à, anh mời Ánh đến dùng cơm với anh trưa nay. Ánh là khách của anh, em không nên có những lời nói kém lịch-sự.

Minh-Tú quay lại sừng sộ với ông Giáo :

— Tại sao anh Hai cho phép nó tới đây ? Nó là con đay-tó của em trước kia mà !

— Em lầm rồi. Ánh bây giờ không phải là đay-tó của ai nữa cả. Ánh là thư-ký của một nhà-in lớn. Ánh đã giúp cho anh trong việc sửa chữa các bản nháp của án-công suốt một tháng nay trong lúc anh in quyển sách của anh ở đây. Sách đã in xong, nay anh mời Ánh đến dùng cơm với anh để ghi một kỷ-niệm tốt đẹp trong đời anh...

Minh-Tú càng nổi nóng :

— Chính em đến để nói cho anh Hai biết rằng quyển sách anh

Hai gửi cho vợ chồng em sáng hôm qua là một cái nhục cho tụi em. Tại sao anh Hai in ngay trên trang đầu quyển sách là để tặng con Ánh ? Con Ánh, nó là hạng đay-tó, anh biết chứ ? Nó là người con gái đi làm thuê ở mướn, nó đâu có xứng đáng gì để anh tặng-bốc nó ? Tại sao anh tặng-bốc nó ? Hay là con khốn nạn, nó cho anh uống bùa mê thuốc lú gì rồi ?

Ông Ngọc - Minh nghiêm nét mặt, ngó thẳng vào mắt Minh-Tú :

— Năm, em nghe anh đây : em không có quyền nói xấu một thiếu-nữ hoàn-toàn vô-tội, trong-trắng, hiền-lành và rất đoan-trang, rất đáng quý mến. Ánh là bạn của anh.

Minh-Tú bây giờ như một người nôi điên, bà xấn đến Ánh toan cầm xác đập vào mặt Ánh, nhưng ông Ngọc-Minh chạy tới kịp, lợi bà ra, miệng ông lầm bầm :

— Em mất lý-trí rồi... Em Năm, em không thương anh Hai. Em vào đây anh bảo...

Ông Ngọc-Minh đặt bàn tay dju dàng trên vai em, định đưa em vào nhà :

— Em vào phòng khách ngồi một lúc cho bớt giận... Em nên bình tĩnh... đừng nóng nảy...

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

Em thương anh Hai, nghe lời anh Hai...

Minh Tú không nói sao được, dùng gục đầu vào vai anh, khóc òa lên, khóc nước nỡ... vừa lập đi lập lại :

— Nỡ là con đày-tớ... Nỡ là con đày-tớ...

Ngọc Minh khế bảo em :

— Em vừa làm nhục một cô gái trong-trắng nhất, hiền lành nhất... Em làm cho thêm đau khổ một tâm-hồn vô-tội, đã đau khổ nhiều... Không !.. Em không nên tàn-nhân thế...

Ngọc Minh đề cô em đứng dậy

giữa hai bồn hoa. Ông quay lưng tiến lại gần Anh :

— Anh ạ, tôi xin lỗi Anh về tất cả những gì em tôi vừa nói...

Anh im-lặng từ đầu đến cuối suốt trong lúc câu chuyện xảy ra. Cả ngời xuống ghế, cúi đầu, buồn bã... Hai ngón lệ trào ra trên đôi mi mắt, âm thầm rơi xuống má...

Nhưng Ngọc-Minh nghe tiếng xe rồ máy, ngó ra thì Minh-Tú đã ngồi trong xe, nét mặt hăm-hăm, Chiếc xe quay đầu ra còng, chạy về Sài-gòn...

(Còn nữa)

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON



★ **Đôi mắt người xưa,**

Tiểu-thuyết của NGỌC-LINH, một bạn ký-giả đã từng viết nhiều truyện dài trong các báo, hiện viết trong báo *Lẽ-Sống*. Cốt truyện hay hấp-dẫn, mới ra quyển I, dày 280 trang.

Nhà xuất-bản *Lẽ-Sống*, 66 Nguyễn-Huệ, Saigon.

★ **Vạn vật học.** Lớp đệ Tứ.

Do hai giáo-sư Trung-học, Huế : TÔN THẤT QUỲNH và NGUYỄN-CỨU-TRIỆP.

Nhà xuất-bản Việt-Hùng.

★ **Trên Đường Chiều.**

Thơ của CHIỀU-THIÊN-THƯƠNG, ở Châu-độc.

Một nhà Thơ trẻ tuổi có nhiều triển-vọng.

Tác-giả tự xuất-bản : 50 đường Bào . hộ . Thoại, Châu-phú, An-giang.

★ **Nội-san Cổ-học Quảng-Trị.**

Do tỉnh-hội Quảng-trị, của hội Cổ-học Việt-Nam xuất-bản. Chủ-bút : NGUYỄN - VĂN - THỤ. Chủ-nhiệm : NGUYỄN-HỮU-HIỆP. Có nhiều bài nghiên-cứu về Khổng-giáo, rất có giá-trị. 50 trang, giá 12\$.

★ **Hán-học Tự-tự thành-ngữ**

★ **Cách-ngôn phiên-dịch.** Cả hai quyển đều do Ô. HỒ ĐẮC-HAM, Huế, biên soạn, rất công-phu. Loại sách này giúp ích nhiều cho những người tìm hiểu những thành-ngữ Hán-tự được thông-dụng trong Việt-ngữ. Văn-hữu Á-châu xuất bản,

* **Nhạc Tinh.** Nhạc và lời của **SỬ - TIÊN** và **DUY - THƯỢNG**. Hình bìa : cô Bích-Ngọc. Nhạc ru.dương, lời đẹp.

* **Tiêm - Lục.**

Tuần-san văn-hóa, xã-hội, nghị-luận. Cơ-quan ngôn-luận của một nhóm nhà văn có tên tuổi : Xuân-Huy, Tế-Xuyên, Thượng-Sỹ, Thiêt-Can, Tam-Ích, Duyên-Anh, Trọng-Tấu, Linh-Phong, Lê-tràng-Kiều, Minh-Nhượng, Trần-quang-Thuận, v.v.. Nhiều bài có giá-trị.

Tòa soạn : 106, đường Võ-Tánh, Saigon.

* Đã phát hành **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN** số 61. Nội-dung phong-phú. Dày 179 trang, giá 12\$.

SÁCH LUẬT VIỆT NGŨ BÁN TẠI :

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, đại lộ Lê-Lợi
Saigon

Hình luật tu trí	Phan-văn-Thiết	95 \$
Dân luật tu trí	—	100 —
Cách tranh tụng dân sự	—	95 —
Kiểu mẫu văn khế	—	95 —
Hộ tịch chỉ nam	—	100 —
Phụ nữ Việt-Nam trước pháp luật	—	65 —
Pháp luật thực hành	—	50 —
Giải thích luật gia đình	—	25 —
Bộ luật lao động	Công Báo	145 —
Tập lục các bản văn áp dụng Luật Lao động	—	150 —
Luật thế vụ	—	160 —
Luật nhà phố	—	35 —
Luật thương mại 2 cuốn	Lê-tài-Triển	110 —
Pháp luật tập san toàn bộ	—	550 —
Quyền người thuê và quyền chủ nhà	Vũ-văn-Mẫu	33 —
Dân luật khái luận	—	130 —
Dân luật lược khảo	—	120 —
Luật hành chánh	Huỳnh-văn-Sang	75 —
Luật gia đình	—	10 —
Tổ chức công quyền V.N.	Tế Xuyên	50 —
Quy pháp vững tập I	—	120 —
Quy pháp vững tập II	—	90 —
Quy pháp vững tập III	—	100 —
Chế độ tài sản gia đình V.N. I	Vũ-văn-Hiền	75 —
Chế độ tài sản gia đình V.N. II	—	120 —
Luật hiến pháp	—	100 —

Quần-Đảo TÂY-SA

(PARACELS)

của

VIỆT-NAM

hay

của

TRUNG-HOA

?

★ THIÊN-SINH

Hạ tuần tháng 7 vừa qua, hãng thông tấn Trung-Hoa Dân-Quốc có công bố một bản tuyên-ngôn, theo đó thì : « Trung-Hoa Dân-Quốc lúc nào cũng cho rằng quần đảo Tây-Sa (Paracels) cũng như các đảo Hoàng-Sa (Spratley) và Pratas đều thuộc lãnh-thổ của THDQ. Hãng này còn cho biết nay mai Bộ Ngoại-giao THDQ sẽ có bản tuyên ngôn xác nhận lại chủ quyền của THDQ tại các đảo ở Đông-hải. Nguồn tin trên được các báo Thủ-Đô đăng tải. Hầu hết đều lấy làm ngạc nhiên, đồng thời cũng tỏ ý lo ngại đường lối bang-giao của hai nước có thể bị thương-tồn. Hơn thế, có báo (Tân Dân số 284 ngày 29-7-61) còn cho rằng, nếu sự giàn xếp giữa hai nước không ổn thỏa, quần đảo Tây-sa có thể biến thành một vụ Bizerte ở Viễn-Đông. Nhưng việc đó có xảy ra hay không, chúng ta chưa quyết đoán được. Có điều quan-trọng là chúng ta thử xét xem quần-đảo Tây-sa từ lâu thuộc chủ-quyền của ai đã khiến hầu sẽ định đoạt.

TÂY-Sa là một quần đảo, lớn nhỏ gồm trên dưới 130 hòn, Bờ mọc lên giữa một đại-dương nên đảo bốn mùa gió thổi mạnh. Chính nơi đây cũng thường là gốc của nhiều trận bão thổi vào lục-địa. Cát vàng, đá xam tro trụi rất thuận tiện cho loài hải-diều (giống Mòng-Két, vịt bể) tụ tập, sinh sôi nảy nở. Cứt chúng bại tiết ra tạo thành những quả núi phốt-phát (phosphate) là một nguồn lợi lớn cho nước kiểm-soát đảo ấy. Mỗi năm có thể khai từng triệu tấn. Người ta còn tìm thấy trên đảo nhiều hải vật như ốc xà-cừ, ốc tai voi có con to bằng tấm chiếu, rùa lớn, giống ba ba, san hô, v.v...

Ngoài cái lợi về hải sản đó ra, đảo Tây-Sa càng trở nên quan trọng vì vị trí đặc biệt của nó. Các đường biển đi Saigon, Hải-loan, Ma-ni, Hương-cảng, Tân-giá-Ba... đều phải qua nó. Gần nó nhất có lẽ là tỉnh Đà-nẵng (Trung-phần Việt-Nam) cách độ 200 hải lý. Nói tóm, nước nào làm chủ-nhân-ông nó, kiểm-soát được cả một vùng Đông-hải rộng lớn.

Xét lịch-sử nước nhà, đời chúa Hiếu-Minh Nguyễn-phúc-Chu (1691-1752) đã cắt quân ra trấn thủ đảo Tây-Sa. Nhưng chính thức cắm cờ trên đảo thì kể từ Gia-Long thống nhất đất nước.

Nguyễn hồi Lê-mạt (1774), Chúa Tĩnh-đô-Vương Trịnh-Sâm sai thống tướng Hoàng-ngũ-Phúc, Bùi-thế-Đạt, Hoàng-đình-Bảo đem 10 vạn quân vào hãm đánh Phú-Xuân (Huế). Cầm cự cho đến cuối năm Ất-vị (ngày 30-1-1775) thì thất thủ. Chúa Huệ-Vương bèn tháo thuyền qua cửa Tư-Dung ra bề chạy vào cửa Hậu lần tránh. Thế tử Nguyễn-Phúc-Dương cũng thoát bằng đường bộ, băng đèo Hải-Vân vào hiệp với Chúa Nguyễn. Nhưng khôn cho Huệ-Vương, từ Quảng nam, quân Tây Sơn đánh mạnh ra. Ép giữa hai gọng kim, Chúa tởi nhà Nguyễn bị giết sạch. Duy chỉ còn Nguyễn Phúc-Ánh, lên 18 tuổi, được các quan Võ-di-Nguy, Ng-vân-Thành Lê-văn-Duyệt, do cửa Hàn, phò chạy thẳng ra khơi Đông-hải. Thuyền lênh đênh giữa biển cả mấy hôm đề rồi giạt vào đảo Tây Sa. Lương thực hết ráo, Chúa tởi bèn hái trái cây lột lông. Không biết trái gì, Chúa đặt tên là trái « phù quân » (trái giúp vua — sau này gọi trại ra là bồ quân). Một người lính trong đội « hồ oai », theo Chúa ra đảo Tây Sa, về có chép rằng : « Đảo ấy gió quá, nắng quá lại không có đất màu (...) Trên Đảo có nhiều bạc, thiếc, gang đã đúc thành thoi. »

Nhận thấy đảo Tây-Sa rất lợi hại cho hải phận nước nhà, sau khi thống nhất Nam-Bắc, vua Gia-Long bèn phái hai vị văn

võ đại-thần là Trương-phú-Sĩ và Phạm-văn-Nguyên đem lá cờ « ĐÀI NAM » ra cắm trên đảo. Vua lại sai dựng bia kỷ - công, lập miếu tạ hải-thần và dựng đồn đặt quân phòng thủ. Quân trấn thủ được cất đi trong nửa năm thì thay đổi với số lượng thực đủ cho 6 tháng.

Cũng kể từ đây, dự sáp nhập quần đảo Tây-Sa vào tỉnh Quảng-nam được nhà vua ban hành.

Qua triều Minh-Mệnh thứ 14, vua lại ra lệnh ghi đảo Hoàng-Sa (Tây-Sa) vào địa dư Nam-Việt, đại-dề nói: Ở phía Đông Bắc làng An-Vinh (huyện Bình-Sơn) và ở giữa bề có một quần đảo gồm 130 cái đảo nhỏ, cái nọ cách cái kia hàng vài giờ hay hàng ngày thuyền. Ở các đảo ấy cũng có giếng nước ngọt. Giữa các giếng đá ấy có một bãi cát gọi là Hoàng-Sa, dài tới 30 dặm. Biên ở quãng này rất yên-tĩnh. Quần đảo này có nhiều Yến và các thứ chim khác rất nhiều. Chúng dạn người lắm, người đến gần cũng không thêm bay (...). Các tiền triều đã từng phái một đội gọi là đội Hoàng-sa, có 70 người mộ ở làng An-Vinh. Hằng năm vào tháng ba, người trong đội này mang đủ lương thực trong 6 tháng, đi năm chiếc thuyền nhỏ ra đảo. Sau ba ngày đêm thì thuyền tới nơi. Họ câu cá kiếm ăn thêm rồi tháng 8

quay về. Thuyền kéo buồm chạy thẳng về kinh thành Phú-Xuân để dâng các đồ quý đã kiếm được ở đảo.

Cũng trong triều Minh-Mệnh, vì muốn phòng thủ nữa hiệu đảo Tây-Sa chống lại các nước Tây-phương (Hòa-Lan, Bồ, Anh, Pháp) làm le tiếm đảo, vua treo giải cho ai phát-minh được thứ tàu chạy hơi nước. Trong công cuộc này, một người Việt-Nam đã dâng vua một kiểu tàu trận, được nhà vua ban thưởng 30 nén bạc. Nhưng vì việc phát-minh chưa được hoàn-bì, tàu chạy nửa chừng bị nổ nồi súp-de, chìm ngấm và nhà kỹ-sư chế tàu đầu tiên của nước Việt bị nhà vua nổi giận sai chém đầu.

Sách « Đại-Nam Nhất thống chí » soạn dưới triều Duy Tân, ngoài những điều tả trên, lại có chép thêm: « Một đội lính nữa gọi là đội Bắc-hải đặt dưới quyền chỉ huy của đội Hoàng-sa (Tây-sa) và chuyên giữ việc kiểm các sản vật ở đảo Côn-lôn (...). Năm Minh-Mệnh thứ 16, đã có quan chức được lệnh ra đảo ấy dựng một cái đình và một cái bia kỷ-niệm những cuộc du-lịch của các người trước. Các lính và cu-li làm đình có đảo được ở dưới đất 2000 cân gang và đồng lá ».

Các triều Thiệu-Trị, Tự-Đức về sau, vì bận việc Pháp quấy

nhiều ở trong nước, nên việc trông nom đảo Tây-Sa có vẻ lơ là.

Cho đến khoảng năm 1938, khi các cường-quốc Anh, Pháp, Nhật, Nga, Hòa-lan, Trung-hoa toan giành chủ quyền đảo Tây-Sa, thì chính phủ Nam-triều hạ một sắc dụ sáp nhập quần đảo Tây-Sa vào tỉnh Thừa-Thiên, thay vì trước kia sáp nhập vào tỉnh Quảng nam. Dụ này được đăng trong công báo Đông dương năm 1938.

Nhà Thanh không nhìn nhận Đảo Tây-Sa

Vào cuối thế kỷ 19, một chiếc tàu Mỹ chạy ngang qua đảo Tây - Sa, bị giặc tàu-ô bủa ra cướp phá. Chủ tàu ấy nhận thấy đảo nằm trong vùng biển Đông-hải (Mer de Chine) bèn lên tiếng trách Thanh-Triều và đòi bồi thường. Thanh-triều không nhìn nhận và đổ vạ cho Việt-Nam : « Đảo ấy ở ngay trước mặt xứ Trung-kỳ, từ trước đến giờ vẫn thuộc quyền nước Nam quản lĩnh, Trung-hoa không biết đây là đâu ».

Vài năm sau, sau khi lấy được Phi-luật-Tân, Mỹ muốn chiếm luôn đảo Tây-Sa. Nước Anh hoảng-hốt nhảy ra la lối : Tây-Sa nằm lọt vào đường tàu Hương-cảng, Tân gia-Ba, nước Anh không thể nhượng cho ai

được. Nước Pháp, nhân cơ hội, xác nhận lại quyền bảo-hộ của họ đối với nước Nam đồng thời cũng đứng ra làm chứng lời nói của Thanh triều : Đảo ấy nước Nam cấm cơ chiếm nhận từ đầu thế kỷ 19 (1800). Đạo tàu Mỹ mất cướp mới rồi, chính Thanh - triều cũng nhận như thế...

Trung-Hoa lợi nhìn nhận

Trước sự tranh giành của 3 Cường quốc Âu-Mỹ, Nhật, Hòa-lan cũng ngửa miệng cãi vạ. Hòa-lan cho rằng đảo Tây-sa là « đũa con lại » của quần đảo Indonésia. Bức Trung-Hoa, lúc bấy giờ thấy cuộc đấu khẩu khá hào hứng, trịnh trọng lên tiếng : « Cả một biển Đông-hải kia là của Trung-Hoa, cả mấy trăm hải đảo trong Đông-hải như Nam-áo, Đông-sa, Hải-nam đều của Trung-Hoa, thì có lẽ nào mấy hòn đảo Tây-sa, — vừa đối chiếu với đảo Tây-sa, vừa kế liền với đảo Hải-nam, — nếu không phải của Trung-Hoa thì còn của ai vào đây nữa ! Bỏ nó là Hải-nam, mẹ nó là Đông-sa, sao lại bảo con « Tây-sa » là vô thừa nhận được. »

Năm 1937, giữa trận Hoa-Nhật chiến tranh, Trung-Hoa nhận thấy đảo Tây-sa là một căn cứ lợi hại, bèn hạ bút ghi đảo vào « Trung - Hoa tối tân hình thế đồ », đại để như sau : « Tây-sa quần-đảo trước gọi là

Thất-châu-Dương... ở về hải phận phía Đông và phía Nam Nhai huyện và Du-lâm-Cảng (Yu-liu-kan), và hiện nay thuộc huyện Nhai tỉnh Quảng-Đông trông coi, lớn nhỏ có hơn 10 cái đảo (...) Cuối đời Quang-Tự nhà Thanh, đảo này bị Nhật chiếm, kết quả cuộc giao thiệp, nước Tàu phải bỏ ra 10 vạn đồng mới lấy lại được (...)

Trước kia, nhà Thanh từ chối, nay Trung-Hoa Dân-quốc nhận nhận. Rõ lời thôi!

Pháp Nhật giành đảo Tây-Sa

Như trên đã nói, cái quan trọng của quần đảo Tây-sa là nối liền các đường tàu của các nước ở cõi Viễn-đông. Cho nên, xét về lợi thế quân sự, nước nào làm chủ-nhân-ông đảo ấy sẽ lũng đoạn được hết chủ quyền trên mặt biển cũng như về hàng không.

Trước chiến cuộc Hoa-Nhật, Nhật luôn luôn dòm ngó đến các đảo ở Đông-hải. Ngày 5-7-1938, Pháp bỗng được tin điện Đức cho hay Nhật sắp chiếm đảo Hải-nam. Pháp bèn tức tốc phái 5 chiến hạm và 1 mẫu hạm, trong số có 2 chiến hạm chở đầy lính và lương thực, bao quanh đảo Tây-sa. Pháp lại xây ngay cột đèn biển, lập nhà thiên văn trên đảo. Nhật lên tiếng đe dọa;

« Bất chấp về nguyên lý gì cả. Nó chỉ là một tốp hải đảo vô thừa nhận, nước Nhật có quyền chiếm lĩnh mà nhất định phải chiếm cho kỳ được mới nghe. Nếu một nước nào tỏ ý tranh giành, Nhật quyết thẳng tay dùng võ lực đối lại tức khắc cho coi ».

Công sứ Pháp ở Đông-Kinh đệ quốc-thư lên Bộ Ngoại giao Nhật nói rằng : « Kể từ nay, nước Pháp chính thức giữ quần đảo Tây-sa. Nước Pháp xưa nay vẫn có chủ quyền ở đảo ấy, cũng như ở toàn cõi nước Nam... »

Ngày 7-7-1938, Bộ Ngoại-giao Nhật báo cho Đại sứ Pháp ở Đông-kinh là Charles Arsène-Henri rằng, kể từ ngày đó Pháp phải rút ra khỏi đảo Tây-Sa và nhường đảo đó lại cho Nhật. Nhưng Pháp không chịu lùi bước. Theo báo « France Annam » ngày 13-7-1938, Pháp đã phái một đội lính khố xanh, dưới quyền chỉ huy của tướng Grethen, đáp tàu Coulon ra đóng đảo Tây-sa. Các ông đồn Brutus, Tutier đã được tướng Grethen phân phối đi đóng các đảo gần quanh.

Vài ngày sau khi đội lính khố xanh đặt chân lên đảo thì một toán sĩ-quan và thủy binh Nhật cũng kéo đến. Tiếp theo đó, hãng Domei Nhật loan báo : Chính-phủ Nhật trừ tịch cách đối phó thật cương quyết về

việc Tây-sa. Các báo Nhật cho việc nước Pháp đem quân chiếm giữ Tây-sa là thủ-đoạn của quân ăn cướp và hành động của Pháp thật tối tăm khó hiểu. Các báo này lại bảo rằng sở dĩ Pháp chiếm Tây-sa là do nước Anh xúi dục. Rồi Bộ Tham-mưu Nhật ra lệnh đem 20 chiến hạm, trong có 6 chiếc tuần-dương đến hải phận VN, gần đảo Tây sa. Tại Đông-Kinh, Đại-sứ Pháp Arsene-Henri thân hành đến Bộ Ngoại-giao Nhật giải thích về việc đóng quân của Pháp trên đảo Tây-sa. Đề-đốc Fujita, tổng-tư-lệnh quân Nhật ở Hoa-nam được lệnh sẵn-sàng tấn-công. Nhưng Pháp vẫn giữ thái độ cương quyết.

Vi nhận, thấy Pháp được các nước Tây - phương đứng sau

giúp đỡ nên Nhật đành xuống dụ : Vì Nhật đang đói sắt, nếu chính-phủ Pháp vui lòng cấp cho Nhật một ít sắt thì hai nước Pháp Nhật sẽ được hòa-thuận thân yêu (1) nhau mãi. Việc Nhật muốn chiếm đảo Tây Sa là có ý phong tỏa Trung-Hoa thôi.



Qua những giòng trên, chúng ta có thể thấy chủ-quyền quần đảo Tây-Sa thuộc về nước nào rồi Ấy là chưa nói đến Hội-nghị Cựu-kim-Son, năm 1951 đã xác nhận Chủ quyền của Việt-Nam đối với đảo ấy. Năm 1956, khi Trung-cộng đòi chủ quyền sở hữu các đảo này, chủ quyền của Việt-Nam Cộng-Hòa lại được xác nhận một lần nữa không có sự nghi ngờ nào cả.

THUỐC MUỐI SUI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RUỘT
BAO-TỬ CƠ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ



★ Chúng tôi mong chương-trình sinh-ngữ được triệt-đề canh-tân

(Của Ô. Nguyễn-văn-Sinh, phụ-huynh học-sinh, Saigon)

Sau khi đọc những bài xá luận về sinh ngữ của ông ở Tạp-chí Phổ Thông, tôi có vài ý nghĩ bổ túc sau đây với danh nghĩa là một phụ-huynh học sinh có con em học các bậc Trung và Đại-học.

Chúng tôi không đòi hỏi con em chúng tôi khi học xong Tú tài phải viết tiếng Pháp giỏi như người Pháp, nói tiếng Anh giỏi như người Anh. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ một học-sinh học xong 5 năm tiểu-học, 7 năm Trung học ít nhất cũng hiểu được khi người Anh hay Pháp nói, viết được một bài luận 4 trang sách sẽ ít những gạch đỏ. Đó là cái tối thiểu phải có trong 12 năm cấp sách đến trường.

Trình-độ sinh ngữ của đa số thí sinh Tú tài Việt nam hiện giờ có gì? Nếu không phải gần hết là làm một bài tả cảnh, thuật chuyện, mà trong ấy câu nào cũng sai, tiếng Pháp không ra tiếng Pháp, tiếng Anh không ra tiếng Anh. Tất cả phụ-huynh học-sinh và Học-sinh đều công-nhận hiện tượng ấy.

Tình-trạng đã bi đát lắm rồi. Người ta đã đặt chương-trình như vậy để mặc kệ học sinh học sao thì học, còn người ta thì cho con cháu người ta vào trường Pháp học, hoặc di ngoại-quốc! Một bậc yếu-nhơn Đại-học có nói với tôi rằng: "Tôi không đồng ý với chương-trình Việt-nam hiện-tại, nên tôi không cho con cháu tôi học trường V.N., không ai trách tôi được".

Sự thật phũ phàng là như vậy đó. thưa ông!

Chúng tôi vốn biết là khoa-học rất cần, con em chúng tôi rất có khiếu và rất thích khoa-học nhưng sau khi đậu tú tài rồi, con em chúng tôi không nghe, không viết được những điều giáo-sư giảng dạy ở Đại-học về khoa-học. Vậy mảnh bằng Cử-nhơn Khoa-học sau mấy năm

chuyên-khoa khoa-học bây giờ làm gì ?

Con em chúng tôi muốn học ngành khác mà chúng nó nói chuyện với một người Anh không được, người Pháp cũng không, đọc một bài báo ngoại ngữ không hiểu hết thì mảnh bằng ấy để làm gì trong khi sách báo của ta có được mấy cuốn đáng đọc và đáng học đối với trình độ cao hơn trình độ bằng cấp đó ?

Theo ý chúng tôi, người Việt Nam chúng ta không phải là tẻ lăm, ngộ đại học nào có châu sinh viên Việt Nam đặt tới là đã để lại thành tích vẻ vang như ở Anh, Pháp, Đức, Úc, Nhật..

Nước chúng ta là nước kém mở mang, chậm tiến, ở ngã ba đường trên thế giới, thế mà cứ khur khur giữ mãi những thành kiến hủ bại.

Chúng tôi không có ý đòi hỏi Anh hóa, Pháp hóa, Đức hóa... chương trình Trung học Việt Nam, nhưng chúng tôi đòi hỏi chương trình sinh ngữ phải triệt để canh tân và không nên sợ rằng học nhiều sinh ngữ sẽ thành ra vong bản, là mất hết dân-tộc tính.

Chúng tôi không phải như ai kia đòi hỏi ở kỳ thi để đề mị học sinh, nhưng chúng tôi đòi hỏi người học sinh đậu Trung học, Tú tài, có trình độ xứng-dáng của bằng cấp đó. Ngay ở những môn hiểu biết đại cương người ta cũng hạn chế như Sĩ-Đĩa với một hệ số khiếm tốn là 1, cho khi nào đậu viết rồi để vào vấn đáp Tú-tài bên cạnh hệ số 3, 4 ở những môn khác. Thà rằng bỏ quách nó đi nếu thấy không cần còn như là thấy cần thì phải tăng hệ-số lên.

Trình độ lại sút kém, tình trạng lại bị dốt. Trên đây là những cảm nghĩ thành thật của một phụ-huynh học sinh đã thăng thân trình bày ra đây. Chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng tiếp tay với ông Chủ-nhiệm để đòi hỏi những điều chính đáng.

Trân trọng kính chào Ông Chủ-nhiệm
Sàigòn, ngày 27, tháng 6 năm 1961

NGUYỄN-VĂN-SINH

một phụ-huynh học-sinh Sàigòn

★ Tại sao chúng tôi kém sinh ngữ ?

(của bạn Trần-văn-Cầu, học sinh Trung-học, Dalat)

Tôi tên là Trần-v-Cầu, học sinh trường Trung-học V.A. Dalat. Chúng tôi hết sức vui mừng và cảm ơn Ông, khi ông đã chú ý đến sự học của chúng tôi. Chúng tôi tin chắc rằng không riêng gì chúng tôi mà tất cả học sinh Miền-Nam cùng phụ huynh của chúng tôi, đang mong mỗi những vấn đề của ông đã nêu ra sẽ được các cấp trên chấp thuận. Có như thế thì chúng tôi mới chóng tiến được. Thưa ông, không phải chúng tôi quá dần độn hay là những kẻ phá-sản, kiếm chuyện nói để che tội của chúng tôi. Mà tôi nhận thấy có nhiều trường rất cầu-thả, chỉ biết thu nhận học sinh, chứ sự dạy dỗ không được chú trọng cho mấy. Nhất là về sinh-ngữ, chúng tôi cứ tưởng hễ mỗi khi thành một giáo-sư là có đủ sức điu-dắt chúng tôi. Chứ chúng tôi có ngờ đâu có nhiều vị giáo sư mà khả năng sinh ngữ không hơn gì Thầy Ký Thanh trong « *Tuần, chàng trai nước Việt* » ! Đây, tôi xin đưa bằng chứng mà chính chúng tôi đã gặp phải. Năm tôi học Đệ-ngũ, về sinh-ngữ giáo sư chỉ cho chúng tôi tập đọc qua loa và học thuộc lòng, chứ không có một chút gì về văn-phạm. Cho nên chúng tôi trượt năm này đến năm khác vì thiếu căn bản. Ai ngờ đâu, vị giáo sư ấy cũng mới đi học như chúng tôi, nhưng nhờ sự « *nón lưỡi* » mà chúng tôi tin răm-ráp. Cho đến nay chúng tôi cảm thấy buồn quá vì bị hỏng mãi về môn sinh ngữ. Kém sinh ngữ như chúng tôi, mà muốn học thêm, phận đông là nhà nghèo, không biết học ai ? Học ở đâu ? Tiều đâu mà học thêm ?

Thưa ông, tội nghiệp cho học sinh chúng tôi, tương lai mù-mịt quá !...

★ Hột gáo

(của Ông Tôn, 12-B Đồng-khánh Đà-nẵng)

.. Trong Phê Thông số 59, trong mục « *Tuần, chàng trai nước Việt* » về khoản nữ-trang của cô Ba-Hội, ông quên kể một món nữ-trang rất thông-dụng của thời ấy : *Hột gáo*.

Hồi xưa, thay vì chuỗi ngọc, các cô các bà đều đeo *chuỗi hạt*. *Gáo* là một loại nhỏ cỡ hạt tiêu hay lớn hơn một tí, bằng vàng, xâu khít nhau vào một sợi chỉ tơ đỏ, càng nhiều hạt bao nhiêu thì chuỗi sẽ dài bấy nhiêu và có thể quấn lại được nhiều vòng từ cổ đến ngực của người đeo và do theo số vòng nhiều ít mà người ta sẽ trầm trở khen ngợi sự giàu sang của tài chủ. Ông xem những di ảnh của các bà xưa, hay là tấm hình «Cổ Ba» trong cục xà-phòng «Cổ Ba», thì sẽ nhớ ngay đến món nữ-trang ấy.

Gọi là góp chút đỉnh ý kiến cho vui..

✱ Cởi mở

(*Của bạn Huỳnh-Thiên-Đức, Sinh-viên Khoa-học Đại-học Saigon*)
.. Về bài của tôi, đăng trong mục «Thư bạn đọc», Phò Thông số 62, trang 6, 7, 8, 9, tôi không có ý viết để đăng báo, mà đó là những ý-nghĩ riêng-tư của tôi muốn giải bày của ông.. (về vấn-đề sinh-ngữ ở Đại-học)

Thưa ông, được ông chiếu cố tới mà cho đăng-tải trên quý tạp-chí thật là một điều tôi không bao giờ dám mong ước tới. Nó là một cái gì to tát, hết sức to tát mà tôi cảm thấy không bao giờ được cái đặc-ân đó. Tôi hèn kém, trí-óc nông-cạn đâu có bao giờ dám nghĩ đến việc viết bài cho người lớn và các bậc thầy xem. Những ý-nghĩ khờ-dại và ngông-cưỡng của tôi chỉ làm phiền cho người lớn biết bao.

Tôi chỉ muốn giải bày những băn-khoăn thắc-mắc của một số thư sinh Đại-học, đâu dám nói lên ý-nghĩ của mình cho ai khác

.....

Và xin ông vui lòng đính-chính lại giùm 4 câu cuối cùng ở trang 9, như sau đây :

«Lỗi tại ai? Tại những người mà *mười* mấy năm về trước tưởng rằng ta đã đủ tài đủ sức để có thể bước riêng ra lập một chương trình khác (?) và gấn đây (tại) sự yếu kém về sinh-ngữ của học-sinh chương-trình Việt nói riêng và học sinh Việt-Nam nói chung?

Trong đoạn trên, tôi chỉ đưa lên những câu hỏi mà thôi.

.....

Xin thành-thật cảm ơn ông..

Hai chữ «Tâm Tình»

Mến gửi chị Diệu-Huyền
(đáp lại bài của D. H. trong P. T. số 62 trang 121)

Cùng chung một kiếp tơ tằm,
Chút duyên-văn-tự, nợ trần trót mang.
Khen ai dạ sắt gan vàng.
Quyết tâm chẳng «tổ-cáo» nàng là ai !
Ngáp ngừng nửa một, nửa hai,
Một hai, hai một, trên ai, tức cười !.
Rằng : Như hũ, thế, thôi thời...
Tâm-tình xin hỏi đôi lời được chăng ?
Rằng : Diệu-Huyền bao tuổi xuân ?
Có ai «sừa túi nắng khàn» chưa nào ?
Hay còn đợi khách anh hào ?
Phòng loan khuya sớm ra vào một thân ?
Hay còn đợi khách văn-nhân,
Mr «Nàng thơ» để tuổi xuân mỗi mùa,
Trăng kia có một độ tròn.
Đến khi trăng khuyết ai còn... mơ trăng ?



Văn-vơ hỏi chuyện tâm-tình,
Trần ai, ai kẻ «biết mình» hỏi ai ?

TÂM-TÌNH

(T. T. Th.)

● Đáp

Trần ai, ai kẻ biết mình ?
Trần-ai, ai dễ tâm-tình với ai !
Đã rằng có một, không hai,
Chút duyên văn tự, còn ai với mình ?
Văn-vương một mối Tâm-tình,
Ai chàng, ai thiếp, ai mình, ai ai ?
Tơ tằm dù thắm, không phai,
Trăng tròn, trăng khuyết, biết ai biết mình ?...
Bâng-khuàng nghĩ chuyện tâm-tình,
Trần-ai, ai đã biết mình, chẳng ai ?

D. H.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **DIỆU-HUYỀN**

★ **Em Đỗ-lợi-Học, 599/2 Phan-thanh-Giản, Saigon**

● Văn-dề Do-Thái, em xem lại bài « Minh ơi ! » P.T. số 55

● Tục-truyền « con mèo nhảy ngang qua xác chết thì xác chết tự nhiên đứng dậy, v.v... » là điều mê-tín dị đoan.

★ **Cô Ng-thị Nhị-Thủy, Lâm-Đồng**

Vấn trán đen không có thuốc gì xức cho nó trắng được. Bạn cứ để tự nhiên như thế, vẫn đẹp. Đừng nghe lời người ta bày xức bậy bạ, hỏng cái trán, ừong.

★ **Em Hoàng-Linh, Hội-an.**

Em 16 tuổi, gầy, lại bị bệnh đau tim, không nên tập các môn thể thao nặng, nhất là tạ.

★ **Ô. Phạm-văn-Quan, Châu-Đốc**

Những câu chuyện truyền khẩu ở thôn quê như ông kể : lươn biến thành chồn, chim dỏ-dẻ biến thành chuột, thú vật tu lâu năm thành người, v.v... đều hoàn toàn không đúng sự thật, và trái hẳn với khoa-học.

★ **Bạn Khuê-Oanh, Mỹ-Tho**

● Bài *Le vase brisé* là của Sully Prudhomme chứ không phải

của Lamartine. Trong bài *Le Lac*, (viết hồi tháng 10 năm 1816) Lamartine ký thác tâm sự đau khổ thương nhớ người yêu Elvire, đã qua đời. Trước kia nàng và chàng đã có lần cùng nhau đi thuyền dạo chơi trên hồ ấy. Nay chàng trở lại thăm hồ, cảnh vật còn nguyên như xưa, mà thân ôi, người yêu đâu còn nữa, chỉ phảng phất hình bóng ai trong mây gió...

● Chánh-thể Cộng-Hòa là khác, chế-độ dân-chủ là khác. Như nước Anh là một nước theo chánh thể *Quân chủ* (có Vua) nhưng chế độ chính trị thì là *Dân-chủ*. Trái lại, một nước theo chánh thể *Cộng hòa* như Egypte (Ai-cập) nghĩa là có Tổng-thống chứ không có Vua, mà chế độ chính trị lại độc-tài chứ không dân chủ.

★ **Bạn Thanh-Cần, Lam-Sơn, Huế**

Răng không bền chắc, là tại thiếu chất Calcium.

★ **Ô. Ng.v.Chương, KBC. 4857**

● Tạp-chí Phò-Thông báo giá nhất-định là 10\$ có ghi trên bìa. Nếu ở một vài địa phương như bạn nói họ bán 11\$ hay 12\$, chúng tôi không hiểu tại sao. Nhà báo không có liên đới với sự tự-ý tăng-giá báo ở các nơi xa.

● Địa chui vào hậu-môn, gây thương-tích rất nguy hiểm, nhưng nó không thể sống và sinh nở được trong cơ-thể của người.

★ **Ô. N.v.D. 2. Duy-Tân, Gò-Công**

« *To be or not to be, that is the question* »

(Pháp ngữ : *être ou ne pas être, voilà la question.*)

Việt ngữ : *Nên sống hay không nên sống, đây là vấn đề!*

Đây là câu nói của chàng Hamlet, nhân-vật chính trong vở-kịch *Hamlet* của nhà đại kịch-sĩ Anh, Sheakespeare. Câu nói bất-hủ, tỏ ý do dự băn-khoăn trước hai vấn-đề : Nên chịu đựng sự đau-đớn hay là nên chết quách cho xong. « Chết, thì có lẽ cũng như ngủ vậy thôi... Không có gì nữa cả... họa chẳng có giấc mơ... Nhưng giấc mơ của cái chết thì có gì ?.. » Đó là ý-nghĩ băn-khoăn của Hamlet chưa biết quyết-định thế nào giữa hai đối-tượng : đau khổ và chết. Đó cũng là ý-nghĩ băn-khoăn của biết bao nhiêu người trên cõi trần này ngập-ngừng trước cái chết giải-thoát và cái đau khổ ê-chề của nghiệp sống.

Câu Anh-ngữ trên kia đã thành một thành-ngữ rất thông-dụng trong văn-học quốc-tế.